

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
– ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SƯ PHẠM HÓA HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2015 - 2019)**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Đà Nẵng, tháng 11 năm 2020

Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học Trường Đại học Quy Vinh đã được các thành viên trong Đoàn Đánh giá ngoài cùng soạn thảo, trao đổi và thống nhất. Các thành viên của Đoàn Đánh giá ngoài cam kết những đánh giá, nhận định, kết luận trong báo cáo là khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa trên minh chứng.

Mọi thông tin trong Báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Nhiệm vụ được giao
1	GS.TS. Trần Văn Nam	Nguyên Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Trưởng đoàn
2	PGS.TS. Lê Văn Anh	Nguyên Phó Giám đốc Đại học Huế	Thư ký
3	TS. Dương Mộng Hà	Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu & Đào tạo Việt Anh, ĐH Đà Nẵng	Thành viên Thường trực
4	TS. Trần Quang Hải	Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	Thành viên
5	ThS. Lê Hoàng Vũ	Trung tâm Quản lý chất lượng, Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP Hồ Chí Minh	Thành viên
6	ThS. Thẩm Thị Thu Mỹ	Ban Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Thị Khánh Linh	Phó Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Quy Nhơn	Thành viên
8	ThS. Huỳnh Ngọc Thành	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ, Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	Giám sát viên

DANH SÁCH QUAN SÁT VIÊN

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Trịnh Thế Anh	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
2	Trần Thị Hà Vân	Đại học Đà Nẵng
3	Đỗ Đoan Trang	Trường Đại học Bình Dương
4	Phạm Duy Dưởng	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật – Đại học Đà Nẵng
5	Trương Phúc Vinh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

MỤC LỤC

<u>PHẦN I. TỔNG QUAN</u>	1
1. <u>Giới thiệu chung</u>	1
2. <u>Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài</u>	2
3. <u>Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài</u>	4
<u>PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN</u>	15
<u>Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</u>	15
<u>Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo</u>	21
<u>Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</u>	27
<u>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</u>	33
<u>Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học</u>	38
<u>Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên</u>	45
<u>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên</u>	55
<u>Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học</u>	63
<u>Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị</u>	71
<u>Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng</u>	80
<u>Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra</u>	Error! Bookmark not defined.
<u>BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI</u>	105
<u>PHẦN PHỤ LỤC</u>	108
<u>Phụ lục A. Giới thiệu tóm tắt về Trường ĐH Vinh, Viên SP Tự nhiên và CTĐT ngành SP Hóa học</u>	108
<u>Phụ lục B. Tóm tắt kết quả tự đánh giá CTĐT</u>	113
<u>Phụ lục C Quyết định thành lập đoàn giá ngoài và Quyết định thành lập đoàn quan sát viên</u>	116
<u>Phụ lục D. Lịch trình khảo sát chính thức của Đoàn ĐGN</u>	123
<u>Phụ lục Đ. Văn bản phản hồi của Trường ĐH Vinh về Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài</u>	128
<u>Phụ lục E. Văn bản phản hồi của Đoàn Đánh giá ngoài</u>	129

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT NGUYÊN
1.	AUN-QA	ASEAN University Network - Quality Assurance
2.	BCH	Ban chấp hành
3.	CB	Cán bộ
4.	CBGV, NV	Cán bộ giảng viên, nhân viên
5.	CBQL	Cán bộ quản lý
6.	CĐR	Chuẩn đầu ra
7.	CLB	Câu lạc bộ
8.	CNTT	Công nghệ thông tin
9.	CSGD	Cơ sở giáo dục
10.	CSVC	Cơ sở vật chất
11.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
12.	CTDH	Chương trình dạy học
13.	CTĐT	Chương trình đào tạo
14.	CTCT&SV	Công tác chính trị và sinh viên
15.	CVHT	Cổ vấn học tập
16.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
17.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
18.	ĐGN	Đánh giá ngoài
19.	ĐH	Đại học
20.	ĐT	Đào tạo
21.	GDĐH	Giáo dục đại học
22.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
23.	GĐ	Giám đốc
24.	GS	Giáo sư
25.	GV	Giảng viên
26.	HP	Học phần
27.	HTDN	Hợp tác doanh nghiệp
28.	HTQT	Hợp tác quốc tế
29.	KĐCL	Kiểm định chất lượng

30.	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
31.	KHCL	Kế hoạch chiến lược
32.	KHCN	Khoa học công nghệ
33.	KH&CN	Khoa học và công nghệ
34.	KHXXH&NV	Khoa học Xã hội và Nhân văn
35.	KPI _s	Key Performace Indicator (chỉ số đánh giá năng lực thực hiện công việc)
36.	KQHT	Kết quả học tập
37.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
38.	KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
39.	KTX	Ký túc xá
40.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
41.	NCV	Nghiên cứu viên
42.	NTD	Nhà tuyển dụng
43.	NV	Nhân viên
44.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
45.	PGS	Phó Giáo sư
46.	PPDH	Phương pháp dạy học
47.	PVCD	Phục vụ cộng đồng
48.	QLCL	Quản lý chất lượng
49.	QLĐT	Quản lý đào tạo
50.	QLKH&HTQT	Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
51.	SM	Sứ mạng
52.	SP	Sư phạm
53.	SV	Sinh viên
54.	TC-CB	Tổ chức-Cán bộ
55.	TĐG	Tự đánh giá
56.	ThS	Thạc sĩ
57.	THPT	Trung học phổ thông
58.	TLGD	Triết lý giáo dục
59.	TN	Tầm nhìn

60.	TS	Tiến sĩ
61.	TSKH	Tiến sĩ khoa học
62.	TTTT	Thông tin tư liệu
63.	TW	Trung ương
64.	UBND	Ủy ban Nhân dân

PHẦN I. TỔNG QUAN

Giới thiệu chung

Đoàn đánh giá ngoài (ĐGN) (sau đây gọi là Đoàn) chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm (SP) Hóa học Trường Đại học (ĐH) Vinh (sau đây gọi là Nhà trường/Trường) được thành lập theo Quyết định số 29/QĐ-CEA.UD ngày 26 tháng 2 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học của Trường Đại học Vinh và Quyết định số 160/QĐ-CEA.UD ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng về việc điều chỉnh danh sách Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học của Trường Đại học Vinh. Đoàn gồm 07 thành viên, trong đó có 06 chuyên gia đánh giá ngoài và 01 cán bộ giám sát của Trung tâm, cụ thể:

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Nhiệm vụ được giao
1	GS.TS. Trần Văn Nam	Nguyên Phó Giám đốc ĐH Đà Nẵng	Trưởng đoàn
2	PGS.TS. Lê Văn Anh	Nguyên Phó Giám đốc ĐH Huế	Thư ký
3	TS. Dương Mộng Hà	Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu & Đào tạo Việt Anh, Đại học Đà Nẵng	Ủy viên Thường trực
4	TS. Trần Quang Hải	Nguyên Phó Hiệu trưởng, Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	Ủy viên
5	ThS. Thẩm Thị Thu Mỹ	Ban Đào tạo, ĐH Quốc gia Hà Nội	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn Thị Khánh Linh	Phó Trưởng phòng KT & ĐBCL, Trường ĐH Quy Nhơn	Ủy viên
7	ThS. Huỳnh Ngọc Thành	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ, Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	Giám sát viên

Bản Báo cáo ĐGN khái quát quá trình triển khai ĐGN, công cụ và phương pháp đánh giá, các kết quả đạt được và những kiến nghị cải tiến chất lượng đối với CTĐT ngành SP Hóa học của Nhà trường. Phần giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, Viện Sư phạm Tự nhiên và CTĐT ngành SP Hóa học của Nhà trường được trình bày trong Phụ lục A. Tổng hợp kết quả tự đánh giá trong Phụ lục B. Quyết định thành lập Đoàn ĐGN, Đoàn quan sát viên trong Phụ lục C. Lịch trình ĐGN trong Phụ lục D. Công văn

phản hồi của CSGD về dự thảo báo cáo ĐGN trong Phụ lục Đ. Văn bản của Đoàn ĐGN gửi CSGD trong Phụ lục E.

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các thông tin, minh chứng và dữ liệu Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm 30/9/2020.

Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Đoàn ĐGN triển khai hoạt động ĐGN CTĐT ngành SP Hóa học của Trường ĐH Vinh theo các nội dung quy định tại Công văn số 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Công cụ đánh giá Đoàn ĐGN đã sử dụng là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT được Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 với 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí; mức đánh giá cho mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức (tương ứng với 7 điểm). Giai đoạn đánh giá là 2015-2019.

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn sử dụng bao gồm: i) Nghiên cứu Hồ sơ TĐG CTĐT ngành SP Hóa học do Nhà trường và Trung tâm cung cấp để xác định những vấn đề cần làm rõ trong Báo cáo TĐG CTĐT ngành SP Hóa học của Nhà trường, đối chiếu với các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ngành SP Hóa học; ii) Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin Nhà trường đã thể hiện trong Báo cáo TĐG CTĐT ngành SP Hóa học; iii) Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Nhà trường từ các bên liên quan; iv) Phỏng vấn, thảo luận với các đối tượng liên quan; quan sát, kiểm tra CSVC, trang thiết bị và các hoạt động trong Nhà trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng CTĐT ngành SP Hóa học của Nhà trường; v) Đối sánh thực trạng CTĐT ngành SP Hóa học của Nhà trường với mốc chuẩn tham chiếu tối thiểu được quy định trong Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo công văn 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng để đánh giá điểm số của tiêu chí.

Đoàn đã triển khai đánh giá theo các bước cụ thể như sau:

- Nghiên cứu Hồ sơ TĐG CTĐT ngành GDTH: Tháng 10/2019, Trưởng đoàn, Thư ký, Thành viên của Đoàn và Trung tâm đã trao đổi, thống nhất dự kiến kế hoạch công tác của đoàn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trưởng đoàn và thư ký đoàn ĐGN dự thảo kế hoạch đánh giá ngoài, thảo luận với các thành viên và phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn ĐGN. Các thành viên Đoàn đọc và rà soát toàn bộ cấu trúc của bản báo cáo TĐG và nghiên cứu các tài liệu liên quan, nghiên cứu kỹ nội dung báo cáo liên quan tới các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công, viết nhận xét báo cáo tự đánh giá CTĐT. Đoàn đã thảo luận, thống nhất về các vấn đề đã

rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các nội dung, các tài liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; công tác hậu cần để Nhà trường, Trung tâm và Đoàn cần chuẩn bị. Đồng thời, Trưởng đoàn, Thư ký, Thành viên của Đoàn thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức;

- Khảo sát sơ bộ: Ngày 24/6/2020, Trưởng đoàn, Thư ký, đại diện Thành viên của Đoàn và Giám sát viên tiến hành khảo sát sơ bộ CTĐT ngành SP Hóa học Trường ĐH Vinh. Đoàn đã làm việc với Chủ tịch Hội đồng trường, Lãnh đạo Nhà trường, Hội đồng TĐG, đại diện Trung tâm KT&ĐBCL và đại diện lãnh đạo các Phòng, Ban, Trung tâm liên quan đến CTĐT ngành SP Hóa học của Nhà trường. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG; khảo sát CSVC của Nhà trường; trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Nhà trường và thống nhất về các tài liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường cần bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn. Đồng thời, Trưởng đoàn và lãnh đạo Nhà trường đã ký kết Biên bản ghi nhớ khảo sát sơ bộ;

- Khảo sát chính thức: Từ ngày 14/10/2020-17/10/2020, Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát chính thức tại Trường với việc thực hiện các hoạt động: Trưởng đoàn họp toàn đoàn ĐGN để quán triệt nhiệm vụ của từng thành viên, cách thức và kế hoạch làm việc; Họp với Lãnh đạo Nhà trường, Viện SPTN và Hội đồng TĐG CTĐT ngành SP Hóa học; Kiểm tra hồ sơ, minh chứng với sự tham gia làm việc trực tiếp của các nhóm cán bộ phụ trách Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và Đầu tư, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH-TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí; Thảo luận và phỏng vấn chính thức, đồng thời lấy ý kiến đánh giá, góp ý của 12 nhóm đối tượng gồm tất cả các bên liên quan của Nhà trường; khảo sát 198 SV của Nhà trường đã tốt nghiệp ngành SP Hóa học năm 2017, 2018 về tình hình việc làm sau tốt nghiệp, về việc phổ biến quy chế tổ chức ĐT, giới thiệu CTĐT, CĐR, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, hoạt động giảng dạy của GV, CSVC và chất lượng phục vụ của CB hỗ trợ và đồng thời Đoàn ĐGN đã nhận được 20 ý kiến đóng góp thông qua phiếu khảo sát điều tra từ các bên liên quan tham dự phỏng vấn đánh giá, góp ý về các hoạt động của Nhà trường và của Viện SPTN; gặp gỡ và phỏng vấn không chính thức với SV tại căng-tin, Trung tâm TTTV; thực hiện quan sát, kiểm tra ngẫu nhiên một số đầu mục sách tại Trung tâm TTTV; kiểm tra CSVC, trang thiết bị và quan sát hoạt động giáo dục; khảo sát về tình trạng việc làm của SV của Trường tốt nghiệp năm 2017 và 2018. Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội

dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn;

- Viết dự thảo Báo cáo ĐGN: Từ 19/10/2020-17/11/2020, sau đợt khảo sát chính thức, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và cán bộ giám sát của Trung tâm thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Nhà trường;

- Hoàn thiện Báo cáo ĐGN: Từ 07/12/2020-20/12/2020: Sau khi nhận được ý kiến phản hồi của Nhà trường về dự thảo Báo cáo ĐGN, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất về những ý kiến phản hồi của Nhà trường. Đoàn ĐGN hoàn thiện Báo cáo ĐGN, lấy chữ ký của tất cả các thành viên trong Đoàn và chính thức gửi Báo cáo ĐGN cho Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN cùng toàn bộ hồ sơ làm việc của Đoàn, kèm theo các file điện tử liên quan.

Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

3.1. Những điểm mạnh của CTĐT

i. Mục tiêu của CTĐT ngành SP Hóa học được xác định rõ ràng, có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, trong mục tiêu cụ thể thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Trong CTĐT ban hành năm 2017, mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng và hướng tới với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SP Hóa học được xác định rõ ràng, cụ thể trong CTĐT. Trong giai đoạn 2015-2019, CTĐT ngành SP Hóa học đã có 3 lần rà soát, điều chỉnh và chính thức ban hành các phiên bản vào các năm 2015, 2016 và 2017. Theo đó, CTĐT đã có mục tiêu về cơ bản thể hiện sự gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được rà soát vào các năm 2015, 2016, 2017, đã thể hiện được các kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học cần đạt khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và CĐR của CTĐT tại phiên bản 2017 được xây dựng bài bản, đúng quy định, thể hiện đầy đủ các khối kiến thức và kỹ năng chung, kỹ năng chuyên biệt, thái độ và phẩm chất đạo đức của người học cần có sau khi tốt nghiệp CTĐT. CĐR của CTĐT được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường; Viện Sư phạm Tự nhiên, trong Sổ tay SV, trong tài khoản cá nhân trên phần mềm CMC của mỗi SV...

ii. Viện Sư phạm Tự nhiên đã xây dựng Bản mô tả CTĐT (phiên bản 2017) với các thông tin đầy đủ theo quy định. Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các HP được rà soát điều chỉnh, được phê duyệt và ban hành chính thức và đã phổ biến các thông tin này đến các bên liên quan, đặc biệt là GV và SV qua trang thông tin điện tử, Sổ tay Sinh viên, tuần sinh hoạt công dân SV đầu năm học. Bản mô tả CTĐT được xây dựng khoa học, công phu theo hướng tiếp cận CDIO, có tiếp nhận các ý kiến góp ý của các bên liên quan được xem xét trong quá trình rà soát. Đề cương chi tiết học phần được

biên soạn theo mẫu thống nhất, trong đó phiên bản năm 2017 bổ sung một số nội dung, thông tin mới so với phiên bản 2014 để phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới cũng như đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đề cương chi tiết của tất cả các HP có đầy đủ các thông tin, có cho biết các mức độ giảng dạy I, T, U tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được. Các đề cương chi tiết học phần được phổ biến đến tất cả người học vào buổi học đầu tiên của học phần, bên cạnh sự tư vấn của Cố vấn học tập.

iii. Cấu trúc và nội dung CTDH ngành Sư phạm Hóa học được thiết kế theo hướng tiên tiến, có tham khảo và đối sánh với các trường trong nước và quốc tế. CTDH ngành SP Hóa học phù hợp với CĐR, có khối lượng kiến thức toàn khoá là 125 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh), đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. CTĐT ngành SP Hóa học có tỷ lệ hợp lý giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp về cơ bản là hợp lý, tổng số học phần cần tích lũy là gồm 36 học phần, được tổ chức đào tạo đan xen trong 4 năm học với 8 học kỳ. Bản mô tả CTDH, đề cương chi tiết học phần được rà soát, cập nhật và công bố công khai dưới nhiều hình thức, nhất là công bố trên trang thông tin điện tử của Trường. Phương pháp dạy học trong CTDH ngành SP Hóa học được thiết kế dựa trên CĐR và được phân chia theo đặc thù học phần gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, giao bài tập về nhà cho SV, thảo luận, seminar, thực hành, thực tế. Phương pháp dạy học của từng học phần được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Loại hình kiểm tra đánh giá gồm tự luận, thuyết trình báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, trắc nghiệm khách quan,... Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá của các học phần trong CTĐT tương đối phù hợp, đã góp phần vào việc thực hiện và đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã 2 lần điều chỉnh lớn bản mô tả CTDH. Trong quá trình điều chỉnh đều lấy ý kiến của các bên liên quan và tham khảo 03 CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước. Bản mô tả CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR, đề cương chi tiết học phần trình bày đầy đủ các mục cần thiết, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. Các ma trận thể hiện quan hệ giữa học phần và CĐR, thể hiện được các học phần có sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với các hình thức giảng dạy và góp phần rèn luyện kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của SV.

iv. Nhà trường ban hành văn bản chính thức công bố TLGD và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan thông qua nhiều phương thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học của CTDH ngành SP Hóa học được thiết kế nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. CTDH ngành SP Hóa học được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Đề cương các học phần và đặc biệt là Bản mô tả CTĐT được ban hành năm 2017 thể hiện việc xây dựng tổ

hợp các công nghệ dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng trong các hoạt động dạy học để đạt được CDR.

v. Nhà trường ban hành đầy đủ các văn bản liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá. Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy định về hoạt động kiểm tra đánh giá vào các năm 2014, 2017. Để đánh giá kết quả học tập của SV ngành SP Hóa học, Viện Sư phạm Tự nhiên đã thiết kế các phương pháp và công cụ để đánh giá mức độ đạt được CDR của SV ở các mức độ theo thang Bloom. Kết quả học tập của SV đối với mỗi học phần đều được đánh giá thông qua điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần với các hình thức khác nhau. Việc đánh giá quá trình được chú trọng, với trọng số điểm đánh giá quá trình liên tục tăng từ 30% lên 40% và 50% trong các năm 2015, 2016, 2017. Quy trình và kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ ràng và công bố công khai. Mỗi học phần đều có 2 ngân hàng đề thi: Ngân hàng đề thi trắc nghiệm phục vụ kiểm tra giữa học phần và đề thi tự luận phục vụ thi cuối học phần. Công tác tổ chức thi được thực hiện tốt. Nhà trường quy định rõ ràng cơ chế phản hồi điểm thi kết thúc học phần. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới SV. Trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo đảm bảo tính khoa học, chính xác cao.

vi. Ngành Hóa học có đội ngũ GV có trình độ cao, hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV SPHH. Trong giai đoạn 2015-2019, CB-GV ngành SPHH đã thực hiện được 02 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 04 đề tài NCKH cấp Bộ, 16 đề tài NCKH cấp trường (09 đề tài trọng điểm); xuất bản 20 giáo trình, 06 sách tham khảo; công bố 91 bài báo quốc tế, 114 bài báo trong nước; hướng dẫn SV viết được 08 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, SV làm NCKH đạt 04 Giải thưởng cấp Bộ, 06 Giải thưởng cấp Trường. Đây là một kết quả không hề nhỏ về NCKH đối với một tập thể chỉ có 22 GV. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được mỗi GV xem là nhiệm vụ then chốt, được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Nhà trường đã triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV. Và từ đó, đã xây dựng kế hoạch đồng thời triển khai thực hiện đào tạo bồi dưỡng hàng trăm lượt cho GV. Từ năm 2015 đến nay ngành Hóa học đã có thêm 06 TS, nâng tỉ lệ GV có trình độ TS trong ngành lên 81,9%, 05 nhà giáo được công nhận và bổ nhiệm chức danh GS, PGS, nâng tỉ lệ GS, PGS (ngành Hóa học) tham gia giảng dạy chương trình SPHH đạt 45.4%. Các GV trong ngành đều tích cực tham gia tập huấn về xây dựng chương trình và giảng dạy theo tiếp cận CDIO do Trường tổ chức. Việc đánh giá GV được nhà trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức, hằng năm để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Theo các khảo sát hằng năm của Trường và Viện, các GV đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc.

vii. Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai trong nội bộ và đăng tải trên website của Trường. Nhà trường và Viện Sư phạm Tự nhiên có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ nhân viên của Nhà trường và của Viện có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động P.V.CĐ. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ NV của Trường và Viện được tiến hành thường xuyên hằng tháng, hằng năm với các mức cụ thể làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm và thi đua, khen thưởng. Qua phỏng vấn cho thấy nhân viên hài lòng về công tác tuyển dụng, bồi dưỡng nhân viên, thi đua khen thưởng của Nhà trường và Viện.

viii. Đề án tuyển sinh của Trường xác định rõ chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành SP Hóa học theo quy định của Bộ GD&ĐT, được công bố công khai và quảng bá bằng nhiều hình thức, có sự tham gia đóng góp ý kiến của Viện Sư phạm Tự nhiên và các bên liên quan. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Trường có rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác tuyển sinh, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành SP Hóa học. Trường có các quy định cụ thể và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học chật chệ; có các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập, rèn luyện của người học hằng năm. Tỷ lệ SV ngành SP Hóa học tốt nghiệp đúng hạn chiếm tỷ lệ cao từ 85-100%. Trường có đội ngũ tư vấn, hỗ trợ SV trong các vấn đề liên quan đến học tập, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. SV ngành SP Hóa học được tạo sự hứng thú và lòng yêu nghề thông qua các Hội thi Nghiệp vụ sư phạm. Khoa/Viện có các CLB học tập, đội nhóm thu hút được sự quan tâm và tham gia của SV. Trường có môi trường làm việc thoáng đãng, sạch đẹp, thân thiện, các khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm, hành chính, ký túc xá SV, thư viện được bố trí khoa học, thuận lợi cho CB, GV, NV và SV của Trường nói chung và ngành SP Hóa học nói riêng. Đa số các bên liên quan hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

ix. Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH. Viện SPTN và CTĐT SP Hóa học được trang bị 05 phòng làm việc và 14 phòng thí nghiệm. Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào với tòa nhà 7 tầng có diện tích gần 29.000m². Số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, luận văn, luận án phục vụ cho hoạt động ĐT và NCKH của CTĐT Sư phạm Hóa học tính đến năm học 2019-2020 có 1465 đầu sách; trong đó, giáo trình: 85 cuốn, sách tham khảo: 423, tài liệu tiếng nước ngoài: 275, luận văn: 665, luận án: 10, tạp chí khoa học: 03, CSDL trực tuyến (tạp chí khoa học nước ngoài): 05 bộ. Nhà trường có hệ thống CNTT bao gồm máy tính, phần cứng, phần mềm, trang thông tin điện tử, phòng họp trực tuyến,.. đáp ứng công tác đào

tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của đơn vị. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí, phủ khắp khuôn viên của CSGD. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản; quy định công tác HS, SV và HV nội trú, ngoại trú;... Các quy định của Nhà trường đã được triển khai thực hiện trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng; đầu tư bố trí trang thiết bị; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản; phòng chống cháy nổ, bão lụt; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong CSGD.

x. Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy năm 2016 và được điều chỉnh năm 2019. Nhà trường có các văn bản, quyết định giao nhiệm vụ, thông báo kế hoạch và hướng dẫn quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT; ban hành Đề án xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO thành lập Hội đồng liên ngành với trách nhiệm tư vấn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy. Nhà trường có các văn bản hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chuẩn đầu ra và khung CTĐT làm cơ sở cho việc cập nhật và điều chỉnh các CTĐT của Trường. Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được Nhà trường và các Khoa/Viện triển khai thực hiện định kỳ và theo kế hoạch nghiên cứu bằng nhiều hình thức khác nhau. Viện Sư phạm Tự nhiên tổ chức nhiều buổi họp Hội đồng Khoa học Viện để thảo luận, có biên bản thống nhất nội dung bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Hoá học vào các năm 2015, 2016, 2017 và 2018 trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi. Trong giai đoạn 2015-2019, giảng viên Viện Sư phạm Tự nhiên đã thực hiện 22 đề tài NCKH, trong đó có 07 đề tài nghiên cứu được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy và học tập; đã hướng dẫn sinh viên đăng ký và tham gia thực hiện đề tài NCKH theo lĩnh vực chuyên môn đang học, đạt nhiều giải thưởng. Nhà trường ban hành nhiều văn bản về quy định, thông báo kế hoạch, phân công, hướng dẫn các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan. Hằng năm Nhà trường có báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan nhằm rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp cải tiến các hoạt động dịch vụ tư vấn và hỗ trợ sinh viên của Trường.

xi. Nhà trường và Khoa/Viện đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của người học; mức độ hài lòng của một số bên liên quan như SV, cựu SV, nhà SDLĐ. Nhà trường có hệ thống thông tin về người học, phần mềm quản lý, hệ thống tổ chức theo dõi KQHT, thôi học, tốt nghiệp, theo dõi tiến độ học tập của người học và cảnh báo học vụ; đã có một số giải pháp để cải tiến nâng cao chất lượng từng tiêu chí. Tỉ lệ SV tốt nghiệp của ngành cao, luôn nằm ở nhóm ngành cao nhất của trường. Khoa/Viện đã tổ chức cho SV thực hiện các đề tài NCKH một cách bài bản, SV giành được các giải thưởng NCKH (Bộ, Trường), có các bài báo công bố thể hiện chất lượng các đề tài NCKH của SV. Tỉ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp tương đối ổn định, bình quân 80%.

3.2. Những lĩnh vực cần cải tiến của CTĐT

i. Nhà trường và Viện Sư phạm Tự nhiên cần tăng cường khảo sát, lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan định kỳ để có thêm cơ sở trong quá trình điều chỉnh, cập nhật mục tiêu, CDR của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, các quy định mới. Cùng với việc khảo sát, Viện Sư phạm Tự nhiên cần có thêm các biện pháp phổ biến CDR và ý nghĩa CDR của CTĐT tới các bên liên quan, đặc biệt là người học để họ có thể tích cực và chủ động hơn nữa trong quá trình học tập và giảng dạy. Trên cơ sở khảo sát và nghiên cứu Viện Sư phạm Tự nhiên rà soát bổ sung CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học theo hướng bổ sung phát triển một số tư duy bậc cao theo thang Bloom cho CDR, để phát triển năng lực người học, đảm bảo đáp ứng cao hơn với triết lý “Hội nhập - Sáng tạo” của Trường.

ii. Trường cần ban hành đồng bộ đề cương chi tiết các học phần ngay khi ban hành CTĐT. Trên cơ sở đó, 2 năm/lần, Trường rà soát đề cương chi tiết học phần, đảm bảo thường xuyên cập nhật, bổ sung, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ. Đề cương chi tiết học phần cũng cần công bố rộng rãi để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đóng góp ý kiến và giám sát thực hiện.

iii. Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát, bố trí GV có kinh nghiệm, chuyên môn vững vàng, giảng dạy một số học phần chuyên môn ngay từ khi SV mới vào trường, tạo hứng thú và sự yêu thích, gắn bó với nghề nghiệp từ sớm, tạo hiệu quả cho suốt quá trình học tập và sau này ra làm nghề. Ngoài ra, Viện Sư phạm Tự nhiên rà soát, xem xét việc bổ sung Khóa luận tốt nghiệp vào CTĐT, rà soát các học phần tự chọn đảm bảo tính khả thi, rà soát tên học phần đảm bảo bám sát nội hàm học phần, bố trí cân đối thời lượng giữa các học kỳ.

iv. Nhà trường cần lấy ý kiến các bên liên quan một cách rộng rãi khi xây dựng Triết lý giáo dục, đồng thời tăng cường tuyên truyền phổ biến TLGD, mục tiêu giáo dục đến với xã hội thông qua công bố trên các ấn phẩm, trên các pano trong khuôn viên Nhà trường, trên các quảng bá tuyển sinh đại học, sau đại học,... đặc biệt quán triệt đến các bên liên quan trong Nhà trường, Viện để làm cơ sở cho việc lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học và các hoạt động liên quan.

v. Trường cần nghiên cứu bổ sung giải pháp hỗ trợ công tác ra đề thi, đánh giá quá trình để chủ trương nâng cao đánh giá quá trình học của SV được bền vững. Sau mỗi kỳ thi, Trường cần lấy ý kiến phản hồi của SV một cách rộng rãi và phân tích, đánh giá mức độ phù hợp của đề thi với yêu cầu CDR từng học phần và cả CTĐT.

vi. Khoa/ Viện cần tập trung chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển NCKH của Viện thông qua việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong Viện/Khoa, mở rộng các nhóm nghiên cứu kết hợp với các đối tác bên ngoài. Trường/ Viện nên tổ chức một số hội thảo chuyên ngành để GV, NCV có cơ hội tham gia đồng thời khẳng định năng

lực của Viện trong tổ chức hoạt động NCKH. Trường /Viện cần có giải pháp tích cực và chế tài đủ mạnh buộc GV đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định của đơn vị, nên đưa kết quả học tập vào quy định xếp loại GV cuối năm. Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV cần được căn cứ trên yêu cầu thực tiễn của nhiệm vụ mà đơn vị được giao, ở đây là nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên ngành Hóa có đủ phẩm chất của thời đại 4.0 và hội nhập toàn cầu. Trường/ Viện cần có kế hoạch cụ thể hơn nữa trong tuyển dụng GV trẻ để đảm bảo độ tuổi theo quy định của Bộ GD&ĐT cũng như Kế hoạch phát triển đội ngũ mà đơn vị đã ban hành.

vii. Trường cần có kế hoạch, chiến lược phát triển về nhân sự trong đó có phân tích/dự báo rõ ràng, cụ thể nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm DV, HTSV và QHDN và các dịch vụ hỗ trợ SV khác; quan tâm hơn nữa đến nhu cầu phát triển đội ngũ nhân sự có chuyên môn về CNTT để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn 4.0 (hướng tới mô hình đại học thông minh, đại học trực tuyến ...); cần sớm điều chỉnh, cập nhật và ban hành văn bản về công tác cán bộ; rà soát đề án vị trí việc làm trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực ngang tầm nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác; chú trọng khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các đơn vị cụ thể. Trường cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên định kỳ hằng năm; chú trọng bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên thi thăng hạng chuyên viên chính khi có đủ điều kiện. Trường và Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên theo vị trí việc làm. Trường cần rà soát, thống nhất giữa Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và Quy chế chi tiêu nội bộ về mức thanh toán thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả đánh giá, xếp loại A, B, C, D.

viii. Trường và Viện cần đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động của ngành về chính sách tuyển sinh ngành SP Hóa học bằng nhiều hình thức khác nhau; tăng cường thu thập thông tin, tham khảo các báo cáo có tính cập nhật về nhu cầu nhân lực của ngành SP Hóa học; tăng cường khảo sát ý kiến của học sinh, phụ huynh về nhu cầu đào tạo để xác định chính sách tuyển sinh sát với yêu cầu của thị trường lao động. Trường cần ban hành quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành SP Hóa học trong đó có lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan theo định kỳ; cải tiến, bổ sung chức năng tự động đưa ra cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện trên phần mềm Quản lý đào tạo; cải thiện chất lượng kết nối của các trang đăng ký học; tăng cường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa; tăng cường các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của các CLB học thuật; định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, tiếp xúc giữa SV với các nhà tuyển dụng; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV theo định kỳ hoặc vào đầu khóa học; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng tại các phòng học, tăng cường các biện pháp nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn vệ sinh Trường

lớp, cảnh quan môi trường. Trường cần bố trí thêm nhà ăn dành riêng cho CB, GV, NV nhằm tạo sự thuận tiện, thoải mái cho đội ngũ này trong giờ giải lao hoặc gặp gỡ, trao đổi công việc với các đối tác, khách bên ngoài Trường.

ix. Nhà trường cần có kế hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng và xây dựng phương án sử dụng tối ưu hệ thống CSVC nói chung, hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập nói riêng để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo của CSGD. TTTV và các đơn vị chức năng của Trường có giải pháp phù hợp để giúp người học tiếp cận những quy định mới liên quan đến việc sử dụng nguồn tài nguyên học liệu của CSGD phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường nên nâng mức đầu tư cho thư viện để bổ sung nguồn học liệu. Nhà trường có kế hoạch điều chuyển hoặc có giải pháp xử lý đảm bảo an toàn cho hoạt động dạy học cũng như tài sản khi có sự cố cháy nổ tại một số phòng thí nghiệm có diện tích hẹp chỉ có một cửa ra vào; có kế hoạch định danh một số tủ hóa chất, dụng cụ, thiết bị phục vụ thí nghiệm; cần nghiên cứu để bố trí các bình ga PCCC gần hệ thống các phòng TNTH. Nhà trường có kế hoạch đánh giá và nâng cấp hệ thống phần mềm cũng như trang LMS nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV sử dụng phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường cần định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn làm cơ sở cải tiến chất lượng phục vụ tốt hơn cho các hoạt động ĐT, NCKH và quản lý trong Trường và Khoa.

x. Nhà trường cần tiến hành rà soát, đánh giá quy trình và các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm cải thiện cơ chế phản hồi có tính hệ thống hơn; cần mở rộng các nhóm đối tượng để có thông tin phản hồi đầy đủ và thực tế hơn đối với các hoạt động của Nhà trường. Nhà trường cần triển khai rà soát, đánh giá quy trình đã được sử dụng trong thời gian trước làm cơ sở cho việc cải tiến quy trình xây dựng, phát triển CTĐT giai đoạn tới. Viện Sư phạm Tự nhiên cần chủ động triển khai các hoạt động khảo sát đáp ứng yêu cầu phát triển và cải tiến chất lượng đào tạo của Viện; có báo cáo kết quả rà soát và kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; cần có báo cáo tổng hợp thống kê nhu cầu nguồn nhân lực cụ thể đối với các ngành đào tạo của Viện nói chung và ngành Sư phạm Hóa học nói riêng. Nhà trường và Viện Sư phạm Tự nhiên cần xây dựng các phiếu khảo sát có nhiều nội dung chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra. Viện Sư phạm Tự nhiên cần xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường; chủ động nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích/hỗ trợ việc đăng ký và thực hiện các đề tài phục vụ việc dạy và học; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để có những đề tài cấp nhà nước và đề tài liên kết với các trường/viện trong nước và nước ngoài. Nhà trường và Viện cần tổ chức các buổi họp/hội nghị báo cáo kết quả khảo sát và có kết luận đưa ra giải pháp và kế hoạch cụ thể để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống

công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác trên cơ sở ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

xi. Nhà trường, Khoa/Viện cần có các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp trước hạn, tỉ lệ SV tốt nghiệp có và tự tạo việc làm,... nâng cao hiệu quả và tính ứng dụng của NCKH SV, khuyến khích SV đăng kết quả trên báo KH, tăng mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan. Nhà trường, Khoa/Viện cần đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung các tiêu chí của tiêu chuẩn 11; áp dụng các giải pháp khắc phục các tồn tại đặc biệt là nâng cao khả năng có việc làm và tạo việc làm của SV tốt nghiệp nhiều hơn nữa; phát huy truyền thống gần 60 năm truyền thống đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, áp dụng quản trị theo nguyên lý và theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ GV, cán bộ NCKH, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển CSVC, trang thiết bị để thực hiện tốt CDR của CTĐT.

3.3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100%
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100%
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67%
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	4			
Tiêu chí 3.3	3			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100%
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		4,20	5	100%
Tiêu chí 5.1	5			
Tiêu chí 5.2	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 5.3	4			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,14	7	100%
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	5			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	5			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100%
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100%
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	5			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100%
Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100%
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	5			
Tiêu chí 10.5	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100%
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	5			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			
Đánh giá chung CTĐT		4,07	49	89%

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Điểm mạnh TC1.1

Chương trình đào tạo ngành Cử nhân SP Hóa học chính thức được đào tạo từ năm học 1962-1963 và được chuyển đổi ngành sang Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV theo Quyết định số 140/QĐ-BGDĐT ngày 07/01/2010 của Bộ GD&ĐT. Trong chu kỳ đánh giá, Hiệu trưởng Trường ĐHV đã ký các Quyết định số 3357/QĐ-ĐHV ngày 15/9/2015, 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016, 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 ban hành chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo đều xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo hiện hành áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2017 được ban hành theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh. Mục tiêu tổng quát của chương trình xác định “SV tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SPHH có năng lực thiết kế, triển khai và hoàn thiện chương trình giáo dục phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”. Trên cơ sở mục tiêu chung, CTĐT xác định 07 mục tiêu cụ thể gồm: M1- Có kiến thức hóa học hiện đại, hệ thống và cập nhật về các khái niệm và định luật của hóa học, về các lĩnh vực hóa vô cơ, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lí và hóa lí thuyết, hóa sinh, hóa kĩ thuật và môi trường; M2- Có hiểu biết cơ bản về triết học và khoa học xã hội đáp ứng hoạt động giáo dục và dạy học hóa học; M3- Thể hiện hiểu biết nền tảng về tâm lí học, khoa học giáo dục, hiểu biết sâu sắc về lí luận dạy học bộ môn và phát triển chương trình giáo dục môn hóa học ở trường phổ thông; M4- Có kĩ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kĩ năng dạy học hiệu quả và thực hành thí nghiệm đảm bảo an toàn; M5- Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông, ngoại ngữ (tiếng Anh) trong các hoạt động nghề nghiệp; M6- Có khả năng tự học suốt đời và xây dựng xã hội học tập, phát triển nghề nghiệp bản thân và học lên trình độ cao hơn, NCKH và đổi mới sáng tạo; M7- Có các phẩm chất cá nhân, mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu hoạt động giáo dục và dạy học hóa học. Mục tiêu cụ thể được mô tả súc tích, tường minh. Khi điều chỉnh CTĐT, mục tiêu của CTĐT cũng được điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu mới. Bản CTĐT ban hành năm 2017 so với năm 2015 có sự khác biệt theo hướng rõ ràng, cụ thể hơn về mục tiêu cụ thể.

Trường ĐHV đã ban hành kế hoạch chiến lược phát triển trường năm 2018-2025, tầm nhìn 2030; Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011-2020 và 2017-2025. Trong các văn bản này, Trường đã tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng

của Trường. Khi xây dựng CTĐT Sư phạm Hóa học, Viện Sư phạm Tự nhiên được giao nhiệm vụ chủ trì. Viện đã khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của giảng viên, sinh viên, chuyên gia, cựu SV và nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát cho thấy, mục tiêu của CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của nhà trường. Năm 2016, 2017 Trường rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT sau khi khảo sát và thu thập các ý kiến các bên liên quan. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng của nhà trường “là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo bồi dưỡng giáo viên, NCKH giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước” và phù hợp với tầm nhìn của nhà trường là “trở thành trường đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”.

CTĐT ngành Sư phạm Hóa học ban hành năm 2017 có mục tiêu đào tạo người học khá toàn diện về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống và làm việc, năng lực nghiên cứu và khả năng học tập nâng cao trình độ... phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại điều 5 của Luật Giáo dục đại học là “đào tạo SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”. Trong quá trình xây dựng mục tiêu đào tạo, Nhà trường cũng đã lưu ý đến chính sách của Nhà nước, Bộ GD&ĐT về mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình giáo dục phổ thông mới và khung năng lực trình độ quốc gia.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 1.1

2.1. Điểm tồn tại TC 1.1

Trong quá trình điều chỉnh mục tiêu CTĐT, số lượng các mẫu điều tra của Nhà trường còn ít, chủ yếu tập trung ở các chuyên gia và giảng viên, còn thiếu ý kiến các trung tâm, viện nghiên cứu khoa học, các địa bàn lân cận hoặc địa bàn SV có khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu tổng quát được viết quá cô đọng, chưa bao quát hết các nội dung của mục tiêu cụ thể làm cho người đọc chưa hình dung hết các mục tiêu của CTĐT.

SV được phổ biến về mục tiêu đào tạo ngay khi nhập học, tuy nhiên nhiều SV chưa nắm vững về mục tiêu đào tạo.

Năm 2019, Trường chưa tiến hành điều chỉnh mục tiêu CTĐT.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 1.1

Nhà trường cần tăng cường lấy ý kiến rộng rãi thị trường lao động, của các cơ sở sử dụng lao động mà SV có thể làm việc sau khi tốt nghiệp để có thêm cơ sở trong quá trình điều chỉnh mục tiêu CTĐT. Các phân tích nhu cầu của thị trường lao động cần thể hiện rõ ràng xu thế phát triển của ngành trong thời đại 4.0 và trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trường rà soát cách viết mục tiêu của CTĐT để thể hiện rõ hết các nội dung trong mục tiêu cụ thể và phù hợp thực tế.

Việc phổ biến mục tiêu đào tạo cần chú trọng chất lượng, tránh hình thức.

Trường cần sớm đánh giá CTĐT trong đó có mục tiêu đào tạo, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên để đáp ứng nhu cầu xã hội, các quy định mới.

3. Mức đạt được của TC 1.1: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Điểm mạnh TC 1.2

Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã ban hành CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học năm 2015, 2016 và 2017. Theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh, CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được chia theo 4 chủ đề chính: 1- Kiến thức và lập luận ngành; 2- Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; 3- Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; 4- Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và hoàn thiện chương trình môn Hóa học và môn Khoa học Tự nhiên trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Mỗi chủ đề lại được chia thành các chủ đề nhỏ: Chủ đề 1 chia thành 4 chủ đề nhỏ với 19 nội dung; Chủ đề 2 chia thành 6 chủ đề nhỏ với 30 nội dung; Chủ đề 3 chia thành 2 chủ đề nhỏ với 12 nội dung; Chủ đề 4 chia thành 6 chủ đề nhỏ với 25 nội dung. Các nội dung đều đi kèm với trình độ năng lực, nằm trong khoảng từ 2,5 đến 4, chủ yếu ở mức 3, khả thi trong điều kiện của Trường. CDR được xây dựng theo một quy trình khoa học, mô tả cụ thể, đảm bảo đo lường, đánh giá được các mức độ cần đạt của người học sau khi tốt nghiệp theo thang Bloom. Việc xây dựng CDR được thực hiện theo 7 bước: 1- Thành lập ban xây dựng CDR; 2- Xây dựng kế hoạch thực hiện; 3- Xây dựng dự thảo CDR của CTĐT; 4- Khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CDR; 5- Hoàn thiện CDR lần 1; 6- Tham khảo, tham vấn các bên liên quan và chuyên gia; 7- Hoàn thiện, phê duyệt và công bố CDR. Quy trình xây dựng CDR này phù hợp với thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. CDR phù hợp với Thông tư ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Việc khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm giáo viên trường phổ thông, cựu SV, giảng viên, chuyên gia và các sở Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, Trường có đối sánh với một số CDR của một số trường như Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm ĐH Thái Nguyên và Trường Đại học Missouri State University.

CDR xác định được kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV tốt nghiệp ngành Sư phạm Hóa học đạt được sau khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, bám sát mục tiêu của CTĐT. Đồng

thời, Viện Sư phạm Tự nhiên cũng đã xây dựng ma trận các kỹ năng, trong đó thể hiện mức độ đóng góp của học phần đến CĐR của CTĐT. Mặt khác, đề cương chi tiết các học phần cũng đều có CĐR đảm bảo tất cả các CĐR được thực hiện và không có học phần “thừa, lặp” trong CTĐT, đồng thời tích hợp được các kỹ năng và thái độ vào từng học phần theo tiến trình của CTĐT.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 1.2

2.1. Điểm tồn tại TC 1.2

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học chưa quy định rõ về trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Vì vậy, trong thực tế, nhiều SV ngành Sư phạm Hóa học tốt nghiệp mới chỉ có chứng chỉ ngoại ngữ do nội bộ Trường tổ chức đánh giá, chưa sử dụng chứng chỉ chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trong toàn quốc.

CĐR có nói đến khả năng “Tổ chức dạy học Hóa học và Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh” ở trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam là khó khả thi trong điều kiện Trường tuyển sinh nhiều đối tượng theo các tổ hợp Toán - Lý - Hóa, Toán - Hóa - Sinh, đồng thời thời lượng học phần ngoại ngữ chỉ có 7 tín chỉ và không có học phần Ngoại ngữ chuyên ngành.

CĐR của CTĐT có 86 nội dung, trong đó chỉ có 1 nội dung có TĐNL ở mức 4; 9 nội dung ở mức 3,5; 3 nội dung ở mức 2,5, còn lại các nội dung khác đều ở mức 3. Như vậy, số nội dung liên quan đến phát triển tư duy bậc cao (từ mức 4 theo Thang Bloom trở lên) còn ít.

Ma trận kỹ năng một số học phần còn thiếu tham chiếu CĐR hoặc tham chiếu chưa đầy đủ (ví dụ học phần số 36 không có tham chiếu, một số học phần số thứ tự chưa chính xác).

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 1.2

Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát bổ sung CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học ngoại ngữ bậc 3/6 phù hợp theo Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

Trường cần rà soát trình độ ngoại ngữ các SV trúng tuyển, có giải pháp bổ túc trình độ ngoại ngữ cho các SV có trình độ thấp để đáp ứng CĐR

Viện Sư phạm Tự nhiên cần nghiên cứu, bổ sung phát triển một số tư duy bậc cao theo thang Bloom cho CĐR, để phát triển năng lực người học, đảm bảo đáp ứng cao hơn với triết lý “Hội nhập - Sáng tạo” của Trường.

Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát kỹ lại Ma trận kỹ năng các số học phần (tránh các lỗi kỹ thuật).

3. Mức đạt được của TC 1.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Điểm mạnh TC 1.3

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường và Viện đã có ba lần rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT vào các năm 2015; 2016 và 2017. Việc xây dựng và rà soát CDR đều có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan như nhà quản lý, các nhà khoa học, GV, các nhà sử dụng lao động (các chuyên viên Hóa của một số Sở GD&ĐT; tổ trưởng chuyên môn của các trường THPT trong tỉnh), cựu SV, SV,... theo Quy định tạm thời số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016 của Trường. Trong quá trình xây dựng CDR, dự thảo CDR được công bố trên website của Trường để các bên liên quan có thể đóng góp ý kiến. Đồng thời, trong quá trình đào tạo, Viện Sư phạm Tự nhiên thường xuyên cử giảng viên đến các trường phổ thông nơi SV thực tập để kiểm tra, thăm hỏi, trao đổi chuyên môn và thu thập thông tin phản hồi về CTĐT và CDR,... Ngoài ra, CDR của CTĐT còn có sự tham khảo của các trường đại học uy tín trong nước như Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên và Trường Đại học Missouri State University. CDR được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng nghiệm thu Trường trước khi ban hành. CDR của CTĐT ngành SP Hóa học đã phản ánh được yêu cầu đào tạo giáo viên phổ thông.

Kể từ năm 2015 đến nay, Nhà trường có 03 lần ban hành CDR của CTĐT (năm 2015, 2016 và 2017) cùng với việc điều chỉnh CTĐT. Ngày 23/8/2019, Trường ban hành Quyết định số 1914/QĐ-ĐHV điều chỉnh 02 học phần trong CTĐT nhưng không điều chỉnh CDR. Công tác rà soát đều được thực hiện từ cấp Viện, đến cấp Trường, thông qua các buổi hội thảo, họp chung của toàn Trường, có biên bản đầy đủ, có phân công trách nhiệm giữa các phòng, khoa liên quan như: Phòng ĐT, Phòng ĐBCL,... Nhà trường cũng xây dựng các biểu mẫu rõ ràng, chi tiết để các đơn vị trong trường triển khai đồng bộ, nhất quán. CDR phiên bản năm 2017 được rà soát và điều chỉnh theo hướng cụ thể hóa một số năng lực cốt lõi ngành Sư phạm Hóa học, bao gồm năng lực thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học Hóa học theo hướng phát triển năng lực của người học, mô tả rõ năng lực sử dụng thí nghiệm trong dạy học Hóa học, năng lực ngôn ngữ hóa học, một số kỹ năng chung như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong giáo dục.

CDR của CTĐT ngành SP Hóa học được công bố công khai, rộng rãi tới toàn thể GV tham gia giảng dạy, SV Viện Sư phạm Tự nhiên bằng các hình thức khác nhau, như đăng tải trên trang thông tin điện tử của Viện, phổ biến tại các buổi sinh hoạt đầu khóa, gặp mặt tân SV, tài khoản cá nhân trên phần mềm CMC của mỗi SV,... Ngoài ra, CDR được các GV thường xuyên phổ biến khi bắt đầu mỗi học phần, được cố vấn học tập tư vấn khi SV thắc mắc.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 1.3

2.1. Điểm tồn tại TC 1.3

Số lượng khảo sát các bên liên quan, đặc biệt là các chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động, cựu người học góp ý về CĐR CTĐT còn quá ít so với số lượng hiện có của các đối tượng này, do đó kết quả khảo sát chưa đảm bảo tính đại diện, độ tin cậy cần thiết cho việc phục vụ điều chỉnh, cập nhật, cải tiến CĐR.

Qua phỏng vấn GV, SV và cựu SV cho thấy, mặc dù CĐR đã được phổ biến trên trang thông tin điện tử của Trường, Viện và trong Sổ tay SV nhưng đa số SV chưa hiểu biết đầy đủ về CĐR của CTĐT còn nhầm lẫn các điều kiện tốt nghiệp là CĐR của CTĐT.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 1.3

Viện Sư phạm Tự nhiên cần có kế hoạch rà soát một cách bài bản CĐR của CTĐT để có những điều chỉnh phù hợp; cần tăng số lượng, mở rộng đối tượng khảo sát; phân tích, đánh giá để nắm bắt nhu cầu của các bên liên quan một cách đầy đủ hơn nữa, đặc biệt là các nhà sử dụng lao động để đảm bảo CĐR phản ánh được chính xác nhu cầu thị trường lao động.

Viện Sư phạm Tự nhiên cần có thêm các biện pháp phổ biến CĐR và ý nghĩa CĐR của CTĐT tới các bên liên quan, đặc biệt là người học để họ có thể tích cực và chủ động hơn nữa trong quá trình học tập và giảng dạy.

3. Mức đạt được của TC 1.3: Đạt (4/7)

Đánh giá chung tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu của CTĐT ngành SP Hóa học được xác định rõ ràng, có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, trong mục tiêu cụ thể thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Trong CTĐT ban hành năm 2017, mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng và hướng tới với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành SP Hóa học được xác định rõ ràng, cụ thể trong CTĐT. Trong giai đoạn 2015-2019, CTĐT ngành SP Hóa học đã có 3 lần rà soát, điều chỉnh và chính thức ban hành các phiên bản vào các năm 2015, 2016 và 2017. Theo đó, CTĐT đã có mục tiêu về cơ bản thể hiện sự gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được rà soát vào các năm 2015, 2016, 2017, đã thể hiện được các kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học cần đạt khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và CĐR của CTĐT tại phiên bản 2017 được xây dựng bài bản, đúng quy định, thể hiện đầy đủ các khối kiến thức và kỹ năng chung, kỹ năng chuyên biệt, thái độ và phẩm chất đạo đức của người học cần có sau khi tốt nghiệp CTĐT. CĐR của CTĐT được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin

điện tử của Trường; Viện Sư phạm Tự nhiên, trong Sổ tay SV, trong tài khoản cá nhân trên phần mềm CMC của mỗi SV...

Tuy nhiên, việc khảo sát các bên liên quan về CĐR CTĐT còn quá ít, chưa đảm bảo tính đại diện, độ tin cậy cần thiết cho việc phục vụ điều chỉnh, cập nhật, cải tiến CĐR; chưa có kế hoạch khảo sát định kỳ về mức độ đạt được CĐR của người học. Hiệu quả truyền thông về CĐR của CTĐT ngành SP Hóa học chưa cao. Kết quả phỏng vấn nhà sử dụng lao động, GV và SV cho thấy, còn khá nhiều người chưa hiểu rõ về CĐR cũng như nội dung cụ thể CĐR của CTĐT ngành SP Hóa học, nhiều SV còn nhầm lẫn các điều kiện tốt nghiệp là CĐR của CTĐT.

Nhà trường và Viện Sư phạm Tự nhiên cần tăng cường khảo sát, lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan định kỳ để có thêm cơ sở trong quá trình điều chỉnh, cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, các quy định mới. Cùng với việc khảo sát, Viện Sư phạm Tự nhiên cần có thêm các biện pháp phổ biến CĐR và ý nghĩa CĐR của CTĐT tới các bên liên quan, đặc biệt là người học để họ có thể tích cực và chủ động hơn nữa trong quá trình học tập và giảng dạy. Trên cơ sở khảo sát và nghiên cứu Viện Sư phạm Tự nhiên rà soát bổ sung CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học theo hướng bổ sung phát triển một số tư duy bậc cao theo thang Bloom cho CĐR, để phát triển năng lực người học, đảm bảo đáp ứng cao hơn với triết lý “Hội nhập - Sáng tạo” của Trường.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</i>		
1	Tiêu chí 1.1	4	
2	Tiêu chí 1.2	4	
3	Tiêu chí 1.3	4	

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh TC 2.1

Năm 2014, Trường Đại học Vinh đã chỉ đạo khoa Hóa học (tiền thân của Viện Sư phạm Tự nhiên) xây dựng Bản mô tả CTĐT theo mẫu chung trong toàn trường. Bản mô tả được dùng đến năm 2017, gồm các nội dung: tên cơ sở đào tạo, tên văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo, trình độ và loại hình đào tạo, mục tiêu, tiêu chí tuyển

sinh, cấu trúc chương trình, khung chương trình và kế hoạch dạy học dự kiến, thang đánh giá kết quả học tập, mô tả vắn tắt nội dung các học phần,... nhưng chưa có CDR của CTĐT. Năm 2016, Trường bắt đầu xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO. Nhờ đó, năm 2017, bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo cách tiếp cận năng lực, có sự đóng góp của các bên liên quan. Đến tháng 01 năm 2019, Viện Sư phạm Tự nhiên công bố bản mô tả CTĐT rút gọn trên trang thông tin điện tử của Viện (không bao gồm đề cương chi tiết học phần). Tháng 4 năm 2019, Viện công bố bản mô tả CTĐT đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Viện gồm: Thông tin chung, mục tiêu CTĐT, CDR của CTĐT, nội dung CTĐT, ma trận CDR (ma trận các kỹ năng và mức độ giảng dạy các học phần), cách thức đánh giá kết quả học tập, điều kiện thực hiện CTĐT, hướng dẫn thực hiện CTĐT và đề cương chi tiết các học phần.

Trong 5 năm thuộc giai đoạn đánh giá, Viện Sư phạm Tự nhiên đã triển khai 3 lần rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT vào các năm 2016, 2017 và 2018. Năm 2018, CTĐT được rà soát, điều chỉnh tên và số tín chỉ của 02 học phần. Đặc biệt, trong lần rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2017 đã có những thay đổi, cập nhật, bổ sung quan trọng trên cơ sở phương pháp tiếp cận CDIO. Điểm mới trong bản mô tả chính là ma trận CDR và nâng cao tỷ trọng đánh giá quá trình. Để phân nhiệm các học phần, chương trình sử dụng ma trận CDR tham chiếu các CDR của chương trình với các học phần kèm theo mức độ đạt được mong muốn (thang năng lực). Bản mô tả CTĐT đã mô tả tóm tắt và đề cương chi tiết 45/53 học phần trong khung chương trình (còn thiếu 8 học phần tự chọn chưa được mô tả), trong đó số học phần SV cần học là 36 học phần. Đề cương chi tiết học phần mô tả cụ thể các thông tin, là bản thiết kế hoạt động dạy học chi tiết, bao gồm cả quy định cụ thể về cách thức đánh giá, nhằm giúp người dạy và SV thuận lợi trong việc thực hiện và đạt CDR của CTĐT. Tiêu chí tuyển sinh cũng được điều chỉnh các tổ hợp môn thi và điểm xét tuyển phải đảm bảo ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 2.1

2.1. Điểm tồn tại TC 2.1

Trong khung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy dự kiến, Trường đã không nêu các học phần tiên quyết. Thông tin về học phần tiên quyết chỉ có trong đề cương chi tiết học phần. Các đề cương chi tiết học phần lại được công bố chậm so với thời điểm ban hành khung chương trình đào tạo, gây khó khăn cho SV trong việc xây dựng kế hoạch học tập cá nhân và đăng ký học phần vào mỗi học kỳ.

Bản mô tả CTĐT do ngành Sư phạm Hóa học công bố chưa mô tả hết các đề cương học phần, mặc dù đó là các học phần tự chọn (thiếu 8 đề cương học phần chi tiết). Các đề cương học phần này do các ngành/bộ môn trực thuộc Viện biên soạn nên chỉ được các ngành/bộ môn trực thuộc công bố riêng, chưa công bố rộng rãi cho SV ngành Sư phạm Hóa học.

Quá trình cập nhật CTĐT có tham khảo và đối sánh với CTĐT trong và ngoài nước nhưng chưa nhiều, việc thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan còn ít.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 2.1

Nhà trường và Viện cần có kế hoạch để bổ sung vào Bản mô tả CTĐT phiên bản 2020 đầy đủ các thông tin chi tiết như học phần tiên quyết để giúp các bên liên quan hiểu, thực hiện và giám sát.

Nhà trường và Viện cần có công bố đồng bộ 8 đề cương chi tiết học phần do các ngành/bộ môn trực thuộc Viện quản lý, đảm bảo cho SV có đầy đủ quyền lực chọn các học phần theo khung chương trình đã ban hành.

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, Viện cần quan tâm tới thu thập đầy đủ và thường xuyên thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

3. Mức đạt được của TC 2.1: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh TC 2.2

Đề cương chi tiết học phần phiên bản năm 2014 đã thể hiện được một số thông tin cơ bản: tên học phần, mã học phần, loại học phần (tự chọn/bắt buộc), số tín chỉ (có phân chia chi tiết giờ tín chỉ đối với các hoạt động dạy học), giảng viên giảng dạy, mục tiêu học phần; tóm tắt nội dung học phần; nội dung chi tiết học phần; phương pháp, hình thức giảng dạy; tài liệu tham khảo; phương pháp, hình thức KTĐG. Tuy nhiên, nội dung của các thông tin còn quá giản lược, sơ sài. Trong lần rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT và đề cương học phần/môn học năm 2017, tất cả đề cương các học phần/môn học CTĐT ngành SP Hóa học đều thể hiện đầy đủ các thông tin: tên trường; tên GV giảng dạy; tên môn học/học phần, số tín chỉ; mục tiêu và CĐR của môn học/học phần; ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu đối với GV và SV; kế hoạch giảng dạy; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; phương pháp KTĐG; tài liệu chính và tài liệu tham khảo. Đề cương chi tiết của tất cả các học phần có đầy đủ các thông tin, có cho biết các mức độ giảng dạy I, T, U tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được.

Từ năm 2015 đến 2019, CTĐT được điều chỉnh 3 lần (năm 2016, 2017 và 2018), trong đó năm 2018 chỉ điều chỉnh nhỏ. Cùng với điều chỉnh CTĐT, Trường tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật tất cả đề cương các học phần. Năm 2019, đề cương chi tiết tất cả các học phần đang đào tạo mới được công bố đầy đủ trên trang thông tin của Viện. Còn 8 đề cương học phần tự chọn do các ngành/bộ môn trực thuộc khác quản lý thì đề cương học phần chưa công bố trên bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Hóa học. Các hoạt động xây dựng và rà soát đề cương chi tiết các học phần được Viện thực hiện nghiêm túc theo các văn bản quy định, hướng dẫn của Nhà trường. Năm 2016, Nhà trường ban hành “Kế hoạch biên soạn và điều chỉnh chương trình giáo dục

đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” (văn bản số 10/KH-ĐHV, ngày 08/3/2016) kèm theo các biểu mẫu và công văn số 1447/ĐHV-ĐT, ngày 09/12/2016 “Hướng dẫn và mẫu đề cương chi tiết học phần”. Năm 2017, khi Trường ban hành CTĐT, các đề cương học phần chưa được xây dựng đủ 100%. Trong quá trình tổ chức đào tạo, Trường tiếp tục rà soát và ban hành đề cương chi tiết học phần, đến tháng 4/2019, số đề cương chi tiết học phần đã đủ 100%. Tổng số đề cương chi tiết học phần của phiên bản 2019 là 53. So với đề cương học phần phiên bản 2014 thì phiên bản 2019 có những bổ sung quan trọng: CDR của học phần; ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; mô tả học phần; kế hoạch giảng dạy chi tiết (nội dung kiến thức, yêu cầu đối với SV, phương pháp dạy-học, phương pháp KTĐG). Một số học phần tự chọn được thay thế bằng những học phần mới theo xu hướng đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông mới và sự phát triển của công nghệ: E Learning, Dạy học tích hợp Sinh học ở trường THPT, Phương pháp dạy học Hóa học và Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh, Một số vấn đề hóa học hiện đại, Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên,...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 2.2

2.1. Điểm tồn tại TC 2.2

Trường hiện chỉ rà soát các đề cương chi tiết học phần đã đưa vào giảng dạy. Đối với CTĐT ban hành năm 2017, một số học phần chưa giảng dạy, Trường mới ban hành đề cương năm 2019.

Việc lấy ý kiến của SV về học phần chưa đồng bộ ở tất cả các học phần, phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của SV chưa tiến hành sâu đến các khối kiến thức trong mỗi học phần để có cơ sở cải tiến nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 2.2

Trường cần ban hành toàn bộ đề cương chi tiết học phần ngay khi công bố CTĐT. Trên cơ sở đó, 2 năm/lần, Trường rà soát đề cương chi tiết học phần, đảm bảo thường xuyên cập nhật, bổ sung, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ.

Việc phân tích dữ liệu thi, kiểm tra và đánh giá một cách sâu sắc hơn, cung cấp thông tin cho GV để làm căn cứ điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần.

3. Mức đạt được của TC 2.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Điểm mạnh TC 2.3

Bản mô tả CTĐT ngành SP Hóa học sau khi xây dựng hoặc rà soát, điều chỉnh, bổ sung đều được công khai trên trang thông tin điện tử của Viện Sư phạm Tự nhiên.

Bản mô tả rút gọn (không bao gồm đề cương chi tiết các học phần) được giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong sổ tay SV. Một số thông tin về CTĐT được cung cấp cho các bên liên quan qua tài liệu quảng bá về Khoa/Viện, qua bài giới thiệu về ngành đào tạo trên trang thông tin điện tử.

Các đề cương chi tiết học phần được cung cấp cho SV qua tài khoản cá nhân của SV khi đăng ký học phần, đặc biệt SV được giảng viên phụ trách học phần phổ biến trực tiếp ngay buổi học đầu tiên của học phần, bên cạnh hoạt động tư vấn của GV cố vấn học tập. Việc phổ biến đề cương học phần cũng như kế hoạch dạy học được xác định là nhiệm vụ của GV trực tiếp giảng dạy, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần, nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và các hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các kết quả mình cần đạt được..

Từ năm 2018, trên trang thông tin điện tử của trường đã xây dựng một trang thành phần dành cho cựu SV, qua đó các cựu SV được tiếp cận CTĐT, tham gia vào việc truyền thông và đóng góp các ý kiến phản hồi góp phần phát triển CTĐT. Đối với công tác quản lý, các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, trưởng các Khoa/Viện, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa/Viện đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT. Với các hình thức công khai nêu trên, đặc biệt thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Khoa/Viện, các bên liên quan (Lãnh đạo và các phòng chức năng của Nhà trường, nhà sử dụng lao động, người học, cựu người học,...) trong mức độ có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương học phần của ngành SP Hóa học nhằm phục vụ mục đích của mỗi đối tượng liên quan.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 2.3

2.1. Điểm tồn tại TC 2.3

Một số đề cương chi tiết học phần chi tiết được công bố sau khi khóa học bắt đầu khá lâu và chưa thống nhất đầu mỗi công bố. Ví dụ 8 đề cương học phần chi tiết do các ngành/bộ môn khác quản lý không công bố ngay khi ban hành CTĐT và không do ngành Hóa học công bố.

Trước tháng 4/2019, Đề cương các học phần chỉ được công bố cho SV khi SV đã đăng ký học phần trên phần mềm Quản lý đào tạo. Việc công bố Đề cương chi tiết muộn như vậy chưa tạo điều kiện cho SV tiếp cận thông tin và chuẩn bị chu đáo cho kế hoạch học tập toàn khóa và từng học phần.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 2.3

Trường cần ban hành đồng bộ đề cương chi tiết các học phần ngay khi ban hành CTĐT, và công bố đồng bộ trong bản mô tả CTĐT, để SV và GV dễ theo dõi, thực hiện.

Đề cương chi tiết học phần cũng cần công bố rộng rãi để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đóng góp ý kiến và giám sát thực hiện.

3. Mức đạt được của TC 2.3: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung tiêu chuẩn 2:

Viện Sư phạm Tự nhiên đã xây dựng Bản mô tả CTĐT (phiên bản 2017) với các thông tin đầy đủ theo quy định. Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các HP được rà soát điều chỉnh, được phê duyệt và ban hành chính thức và đã phổ biến các thông tin này đến các bên liên quan, đặc biệt là GV và SV qua trang thông tin điện tử, Sổ tay Sinh viên, tuần sinh hoạt công dân SV đầu năm học. Bản mô tả CTĐT được xây dựng khoa học, công phu theo hướng tiếp cận CDIO, có tiếp nhận các ý kiến góp ý của các bên liên quan được xem xét trong quá trình rà soát. Đề cương chi tiết học phần được biên soạn theo mẫu thống nhất, trong đó phiên bản năm 2017 bổ sung một số nội dung, thông tin mới so với phiên bản 2014 để phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới cũng như đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đề cương chi tiết của tất cả các HP có đầy đủ các thông tin, có cho biết các mức độ giảng dạy I, T, U tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được. Các đề cương chi tiết học phần được phổ biến đến tất cả người học vào buổi học đầu tiên của học phần, bên cạnh sự tư vấn của Cố vấn học tập.

Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT SP Hóa học năm 2017 mới chỉ là bản rút gọn, chưa đầy đủ thông tin chi tiết về đề cương chi tiết các học phần. Đến năm 2019, bản mô tả CTĐT mới đầy đủ các thông tin về đề cương chi tiết HP. Viện Sư phạm Tự nhiên tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan (đặc biệt là nhà tuyển dụng, cựu người học) còn ít về số lượng và hẹp về phạm vi về sự tiếp cận thuận lợi, dễ dàng đối với bản mô tả CTĐT và đề cương học phần để có sự rà soát, điều chỉnh đảm bảo tính hiệu quả cao cho sự tiếp cận các văn bản này của các bên liên quan.

Trường cần ban hành đồng bộ đề cương chi tiết các học phần ngay khi ban hành CTĐT. Trên cơ sở đó, 2 năm/lần, Trường rà soát đề cương chi tiết học phần, đảm bảo thường xuyên cập nhật, bổ sung, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ. Đề cương chi tiết học phần cũng cần công bố rộng rãi để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đóng góp ý kiến và giám sát thực hiện.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo</i>		
1	Tiêu chí 2.1	4	

STT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
2	Tiêu chí 2.2	4	
3	Tiêu chí 2.3	4	

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh TC 3.1

Trước mỗi lần triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết. Năm 2016, Nhà trường ban hành “Kế hoạch biên soạn và điều chỉnh chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” (số 10/KH-ĐHV, ngày 08/3/2016) kèm theo các biểu mẫu và công văn số 1447/ĐHV-ĐT, ngày 09/12/2016 “Hướng dẫn và mẫu đề cương chi tiết học phần”. Theo kế hoạch, các đơn vị trong toàn trường xác định rõ CDR, ma trận quan hệ giữa CDR và các học phần trong CTĐT. Trên cơ sở mục tiêu đào tạo ngành học, khung năng lực, CDR và ma trận I, T, U (Introduce, Teach, Utilise) theo CDIO, Khoa Hóa học/Viện Sư phạm Tự nhiên mới thiết kế CTDH ngành SP Hóa học. Để đạt mục tiêu và CDR, CTĐT ngành SP Hóa học được thiết kế logic, gắn kết giữa các khối kiến thức - kỹ năng; nội dung có tính tích hợp, cập nhật. CTDH ngành SP Hóa học ban hành theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 được thiết kế với khối lượng kiến thức tích lũy toàn khóa là 125/170 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh), đáp ứng quy định khối lượng kiến thức tối thiểu là 120 tín chỉ đối với ngành học có thời gian đào tạo 04 năm theo quy định của Bộ GD&ĐT (thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015). CTDH ngành SP Hóa học được thiết kế để SV lựa chọn 36/53 học phần vừa đảm bảo cho người học có kiến thức rộng về lĩnh vực kiến thức chung đại cương vừa cung cấp đủ kiến thức về ngành sư phạm và kiến thức chuyên ngành. Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 56 tín chỉ chỉ (trong đó kiến thức đại cương chung 17 tín chỉ, kiến thức đại cương khối ngành 39 tín chỉ); Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 69 tín chỉ (trong đó kiến thức cơ sở ngành 47 tín chỉ, kiến thức chuyên ngành 22 tín chỉ). Ngoài ra, khi thiết kế CTDH, Khoa/Viện cũng đã tiến hành tham khảo và đối sách với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên và Trường Missouri state University (Hoa Kỳ). Nội dung CTDH được xây dựng thống nhất, đầy đủ nội dung và được các bộ phận quản lý (Bộ môn, Viện, Trường) phê duyệt và ban hành.

CTDH ngành SP Hóa học không tập trung vào một phương pháp giảng dạy duy nhất mà phối kết hợp nhiều phương pháp và hình thức dạy học khác nhau, trong đó ưu tiên sử dụng các phương pháp có tính chất hoạt động nhóm, seminar, thực hành và

thảo luận. Phương pháp dạy - học được cụ thể hóa trong ĐCCT học phần. Trong mỗi nội dung của chương mục có đưa ra các phương pháp dạy học, yêu cầu đối với SV, nội dung bài tập và thực hành, nội dung thảo luận nhóm, nội dung tự học. GV sử dụng các hình thức: thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp, giao bài tập, thảo luận nhóm,... Đối với SV, sử dụng các hình thức: làm bài tập, làm việc theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu,... Hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện bằng nhiều hình thức, được đổi mới đáng kể so với các CTDH trước đây. Việc đánh giá quá trình được chú trọng, với trọng số điểm đánh giá quá trình liên tục tăng từ 30% lên 40% và 50% trong các năm 2015, 2016, 2017. Tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH phù hợp với CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 3.1

2.1. Điểm tồn tại 3.1

Các phiên bản trước 2017 chưa có các đầy đủ các thông tin về phương pháp giảng dạy, KTĐG phù hợp với CĐR của CTĐT và chưa tổ chức rà soát sự khớp nối giữa CTDH và CĐR của CTĐT để đánh giá được chính xác sự phù hợp giữa CTDH với CĐR của CTĐT.

Chưa thấy rõ việc nhà trường hỗ trợ các GV cập nhật nhiều phương pháp áp dụng công nghệ hiện đại, phương pháp mới để đa dạng hóa hoạt động giảng dạy.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 3.1

Trường tiếp tục rà soát tính tương thích giữa CĐR CTĐT và các HP trong lần cập nhật CTĐT kế tiếp.

Nhà trường nên tổ chức các thêm hội thảo, semina, các lớp tập huấn,... về PPDH, đặc biệt là các PPDH mới áp dụng các công nghệ hiện đại như: dạy học online, dạy học đảo ngược,... và có thể phối hợp với các trường ĐH Sư phạm trong và ngoài nước cũng như mời các chuyên gia giáo dục tham dự và trao đổi kinh nghiệm.

3. Mức đạt được của TC 3.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Điểm mạnh TC 3.2

ĐCCT học phần trình bày đầy đủ các mục: thông tin chung về học phần, mô tả học phần, mục tiêu, CĐR của học phần, tài liệu, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết, đánh giá kết quả học tập và thông tin GV, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. ĐCCT học phần ngành SP Hóa học đã mô tả mục tiêu của học phần tương đối rõ ràng về kiến thức và kỹ năng mà học phần sẽ trang bị cho SV. Tất cả các học phần đều có CĐR riêng cho gắn kết với CĐR

của CTĐT ngành SP Hóa học. Nội dung của các học phần đều có sự tương thích với các khối kiến thức và thể hiện được sự đóng góp cụ thể vào thực hiện một hoặc một vài CĐR của CTĐT (thể hiện trong ma trận mối tương quan giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT). Ma trận quan hệ giữa các khối kiến thức và CĐR của CTĐT ngành SP Hóa học được phân ra các mức: 1 - Nhớ, 2 - Hiểu, 3 - Vận dụng, 4 - Phân tích, 5 - Đánh giá, 6 - Sáng tạo. Đa số các CĐR CTĐT ngành SP Hóa học đạt được ở mức 3. Các học phần của Khối kiến thức giáo dục đại cương được thiết kế và giảng dạy đáp ứng các CĐR về khối kiến thức chung của ngành như kiến thức cơ bản về lý luận chính trị; Khoa học xã hội và nhân văn; Pháp luật; Ngoại ngữ; Tin học. Để đạt được CĐR về năng lực chuyên ngành, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục hoặc quản lý bậc phổ thông vào việc dạy học hóa học, CTĐT đã thiết kế các học phần phù hợp, như: Thực hành phương pháp dạy học hóa học; Phát triển chương trình môn Hóa học; Lý luận và phương pháp dạy học Hóa học. Đặc biệt là phiên bản CTĐT theo định hướng CDIO năm 2017 và bảng ma trận học phần với CĐR cho thấy sự đóng góp cụ thể của từng học phần tới từng CĐR thành phần.

ĐCCT học phần ngành SP Hóa học đều có quy định về phương pháp giảng dạy, nhiệm vụ của SV và phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV. ĐCCT học phần ngành SP Hóa học có ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần với phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá. Trong đó, phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá được phân chia tương ứng với mỗi CĐR của học phần. Kết quả học tập của SV được đánh giá qua điểm thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ với tỷ trọng xác định rõ. Các ĐCCT học phần phiên bản năm 2017 quy định rõ các nội dung đánh giá gồm: Đánh giá ý thức, thái độ học tập; Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...); Đánh giá định kỳ và Đánh giá kết thúc học phần. Trọng số đánh giá kết thúc học phần chỉ chiếm 50% theo quy định tối thiểu trong Quy chế Đào tạo theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện CTDH ngành SP Hóa học, Viện Sư phạm Tự nhiên đã xem xét các ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV, các ý kiến của SV năm cuối, cựu SV và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo ngành SP Hóa học, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình dạy học ngành SP Hóa học về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 3.2

2.1. Điểm tồn tại TC 3.2

Sự đóng góp CĐR của một học phần cho CĐR của CTĐT còn chưa đồng đều, một số học phần có đóng góp nhiều và một số học phần đóng góp ít. Ví dụ: CĐR của CTĐT có nội dung Tổ chức dạy học Hóa học và Khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh. Tuy nhiên, CTĐT không có học phần tiếng Anh chuyên ngành và chỉ có 1 học phần

Hóa hữu cơ có giới thiệu thêm một số từ vựng chuyên ngành Hóa. Như vậy việc đạt CĐR này còn ít học phần đóng góp nên khó khả thi.

Mức độ đạt được CĐR trong đề cương chi tiết các học phần đa số ở mức 3, có một số nội dung ở mức 2 theo thang nhận thức của Bloom. Tuy nhiên CĐR của CTĐT không có mức 2.

Một số học phần SV đã đạt CĐR chưa có chế độ miễn học hay quy đổi điểm như môn Tiếng Anh, Tin học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 3.2

Viện Sư phạm Tự nhiên cần có kế hoạch định kỳ rà soát toàn bộ đề cương học phần để xác định và điều chỉnh vị trí, đóng góp của các học phần để đạt được CĐR của CTĐT. Để xác định chính xác đóng góp của mỗi học phần, điều quan trọng nhất phải xác định cho được nội dung cơ bản và đặc trưng chủ yếu của học phần đó trong bản đồ kiến thức của CTĐT ngành SP Hóa học. Viện cần xây dựng kế hoạch định kỳ/thường xuyên khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT, nội dung các học phần; đặc biệt quan tâm đến các đối tượng ngoài CSGD (Nhà tuyển dụng lao động và cựu người học) cũng như số lượng của mỗi đối tượng khảo sát nhằm đảm bảo tính đại diện, độ tin cậy, khách quan của kết quả phản hồi để làm cơ sở cho quá trình cải tiến CTĐT cũng như các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả người học. Kết quả khảo sát cần được tập hợp, đánh giá, đối sánh trước khi đưa vào sử dụng cần rà soát để đảm bảo sự tương thích của CĐR trong đề cương chi tiết các học phần so với CĐR của CTĐT ngành SP Hóa học.

GV nên thiết kế các báo cáo môn học nhằm đánh giá được mức độ phù hợp và hiệu quả và khả năng đạt được CĐR của SV theo môn học mà mình phụ trách.

Nhà trường nên tạo điều kiện miễn học và chuyển đổi điểm đối với các SV đã đạt CĐR môn Ngoại ngữ, Tin học, dành thời gian để SV có thể đăng ký học vượt, học thêm các học phần tự chọn.

3. Mức đạt được của TC 3.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Điểm mạnh TC 3.3

Các học phần trong CTDH ngành SP Hóa học được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo tính thống nhất. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp về cơ bản là hợp lý. CTDH ngành Sư phạm Hóa học năm 2017 được thiết kế tổng cộng 125 tín chỉ, trong đó Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 56 tín chỉ chỉ (trong đó kiến thức đại cương chung 17 tín chỉ, kiến thức đại cương khối ngành 39 tín chỉ); Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 69 tín chỉ (trong đó kiến thức cơ sở ngành

47 tín chỉ, kiến thức chuyên ngành 22 tín chỉ). Ngoài ra, CTDH ngành SP Hóa học đã thiết kế thuận lợi cho người học với tự chọn 4 trong số 21 học phần (10 tín chỉ), trung bình 15,6 tín chỉ/học kỳ.

Các học phần trong CTDH ngành SP Hóa học được sắp xếp theo trình tự: các khối kiến thức chung được trang bị đầu tiên, xây dựng các kỹ năng mềm cần thiết, đạo đức và ý thức của SV; sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; đây lại là nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành nâng cao và khối kiến thức chuyên ngành. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Ở các khung CTDH không quy định cụ thể các môn học tiên quyết, nhưng kế hoạch giảng dạy và đề cương chi tiết học phần có thể hiện các học phần học trước, đảm bảo trình tự hợp lý của các học phần, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Toàn bộ CTDH ngành SP Hóa học có 36 học phần (không tính giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục Thể chất) bố trí học trong 8 học kỳ chính, trong đó học kỳ thứ 8 là thực tập sư phạm cuối khóa (7 tín chỉ).

Định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần, tất cả các học phần của CTĐT ngành SP Hóa học đều được rà soát, cập nhật để điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa. Các học phần được sửa đổi về nội dung cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc đại học và phù hợp với nội dung của chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa.

Trong quá trình điều chỉnh CTDH, Viện Sư phạm Tự nhiên đã tham khảo chương trình dạy học ngành SP Hóa học của các trường ĐH có truyền thống và thế mạnh về đào tạo giáo viên Hóa như: Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên và Trường Missouri State University (Hoa Kỳ). Viện Sư phạm Tự nhiên có thế mạnh về đội ngũ GV, (45,5% GV có chức danh GS, PGS, GV có trình độ TS chiếm 77,3% trên tổng số GV cơ hữu). Các GV của ngành Hóa học luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, chú trọng phương pháp dạy học hiện đại, tích cực trong việc truyền đạt kiến thức nhằm trợ giúp tốt hơn cho người học để đạt được kết quả tốt CDR.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

2.1. Điểm tồn tại TC 3.3

Trong năm thứ nhất, SV chưa được tiếp cận với các học phần chuyên môn, gây nên một số tâm lý không hứng thú với ngành đào tạo.

CTĐT không thiết kế Khóa luận tốt nghiệp. Trong Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Bộ Giáo dục và Đào tạo có điều 24 quy định: Đầu

học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn. Việc CTĐT không thiết kế Khóa luận tốt nghiệp làm giảm sự lựa chọn của SV, gây hạn chế một số năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Một số học phần tự chọn không khả thi, ví dụ học phần Trí tuệ nhân tạo có học phần tiên quyết là Toán rời rạc. Tuy nhiên học phần Toán rời rạc lại không có trong CTĐT, vì vậy SV không thể chọn học phần Trí tuệ nhân tạo được. Một số học phần như Thông tin quang, Xử lý ảnh,... cũng không khả thi.

Tên một số học phần chưa thể hiện hết nội hàm, ví dụ học phần Tin học ứng dụng trong Hóa học nên đổi thành Tin học ứng dụng trong PPDH Hóa học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 3.3

Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát, bố trí GV có kinh nghiệm, chuyên môn vững vàng, giảng dạy một số học phần chuyên môn ngay từ khi SV mới vào trường, tạo hứng thú và sự yêu thích, gắn bó với nghề nghiệp từ sớm, tạo hiệu quả cho suốt quá trình học tập và sau này ra làm nghề.

Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát, xem xét việc bổ sung Khóa luận tốt nghiệp vào CTĐT.

Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát các học phần tự chọn đảm bảo tính khả thi.

Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát tên học phần đảm bảo bám sát nội hàm học phần, bố trí cân đối thời lượng giữa các học kỳ.

3. Mức đạt được của TC 3.3: Chưa đạt (Mức 3/7)

Đánh giá chung tiêu chuẩn 3:

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành Sư phạm Hóa học được thiết kế theo hướng tiên tiến, có tham khảo và đối sánh với các trường trong nước và quốc tế. CTDH ngành SP Hóa học phù hợp với CĐR, có khối lượng kiến thức toàn khoá là 125 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh), đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. CTĐT ngành SP Hóa học có tỷ lệ hợp lý giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp về cơ bản là hợp lý, tổng số học phần cần tích lũy là gồm 36 học phần, được tổ chức đào tạo đan xen trong 4 năm học với 8 học kỳ. Bản mô tả CTDH, đề cương chi tiết học phần được rà soát, cập nhật và công bố công khai dưới nhiều hình thức, nhất là công bố trên trang thông tin điện tử của Trường. Phương pháp dạy học trong CTDH ngành SP Hóa học được thiết kế dựa trên CĐR và được phân chia theo đặc thù học phần gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, giao bài tập về nhà cho SV, thảo luận, semina, thực hành, thực tế. Phương pháp dạy học của từng học phần được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Loại hình kiểm tra đánh giá gồm tự luận, thuyết trình báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, trắc nghiệm khách quan,... Phương pháp dạy học, kiểm

tra đánh giá của các học phần trong CTĐT tương đối phù hợp, đã góp phần vào việc thực hiện và đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã 2 lần điều chỉnh lớn bản mô tả CTDH. Trong quá trình điều chỉnh đều lấy ý kiến của các bên liên quan và tham khảo 03 CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước. Bản mô tả CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR, đề cương chi tiết học phần trình bày đầy đủ các mục cần thiết, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. Các ma trận thể hiện quan hệ giữa học phần và CĐR, thể hiện được các học phần có sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với các hình thức giảng dạy và góp phần rèn luyện kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự và trách nhiệm của SV.

Tuy nhiên, CTĐT ngành Sư phạm Hóa học không bố trí Khóa luận tốt nghiệp. Một số học phần tự chọn còn chưa khả thi. Việc đặt tên một số học phần vẫn chưa thể hiện hết nội hàm của học phần. SV năm thứ nhất chưa được học các học phần chuyên môn về ngành Hóa nên chưa tạo được sự yêu thích nghề nghiệp ngay từ khi bắt đầu học.

Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát, bố trí GV có kinh nghiệm, chuyên môn vững vàng, giảng dạy một số học phần chuyên môn ngay từ khi SV mới vào trường, tạo hứng thú và sự yêu thích, gắn bó với nghề nghiệp từ sớm, tạo hiệu quả cho suốt quá trình học tập và sau này ra làm nghề. Ngoài ra, Viện Sư phạm Tự nhiên rà soát, xem xét việc bổ sung Khóa luận tốt nghiệp vào CTĐT, rà soát các học phần tự chọn đảm bảo tính khả thi, rà soát tên học phần đảm bảo bám sát nội hàm học phần, bố trí cân đối thời lượng giữa các học kỳ.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</i>		
1	Tiêu chí 3.1	4	
2	Tiêu chí 3.2	4	
3	Tiêu chí 3.3	3	

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Điểm mạnh TC 4.1

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHV được nêu trong Kế hoạch chiến lược phát trường năm 2011-2020, được rà soát, chỉnh sửa và tuyên bố trong Kế hoạch chiến lược phát triển 2018-2025 và các Nghị quyết của Đảng ủy. Mục tiêu giáo dục hiện nay của Trường là Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công. Ngày 30/12/2019, Hiệu trưởng trường ĐHV đã ký Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV công bố Triết lý giáo dục của Trường là Hợp tác - Sáng tạo. Mục tiêu, Triết lý và Bản mô tả, phân tích rõ nội hàm Triết lý giáo dục của Trường được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

Mục tiêu giáo dục cũng như TLGD được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau như: công bố trên trang thông tin điện tử của Trường, trên các pano trong khuôn viên trường và trong các tài liệu quảng bá về Trường; phổ biến cho CB, GV biết và cụ thể hóa trong mục tiêu của Viện Sư phạm Tự nhiên, thực hiện thông qua việc xây dựng CTĐT, ĐCCT học phần và các hoạt động khác. Mục tiêu giáo dục và TLGD của Trường được phổ biến, quán triệt cho SV năm thứ nhất trong tuần “Giáo dục công dân” vào đầu năm học mới hoặc qua các kênh hỗ trợ như: Đoàn Thanh niên, Hội SV, cố vấn học tập.

Để giúp các bên liên quan, đặc biệt các bên liên quan ngoài Trường (các nhà tuyển dụng lao động, cựu người học, các tổ chức chính trị-xã hội) biết về TLGD, Nhà trường và Viện đã gửi phiếu xin ý kiến góp ý về mục tiêu và TLGD dự kiến của Trường. Sau khi ban hành văn bản chính thức, Trường đã đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 4.1

2.1. Điểm tồn tại TC 4.1

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cơ sở giáo dục phổ thông, cựu SV,... đối với triết lý giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp. Một số SV, cựu SV, người sử dụng lao động cũng chưa nắm rõ TLGD và mục tiêu giáo dục của Nhà trường

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 4.1

Triết lý giáo dục cần được lấy ý kiến các bên liên quan khi xây dựng và quán triệt đến các bên liên quan trong Nhà trường, Viện để làm cơ sở cho việc lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học và các hoạt động liên quan. Nhà trường cần tăng cường tuyên truyền phổ biến TLGD, mục tiêu giáo dục đến với xã hội thông qua công bố trên các ấn phẩm, trên các pano trong khuôn viên Nhà trường, trên các quảng bá tuyển sinh đại học, sau đại học,....

3. Mức đạt được của TC 4.1: Đạt (Mức 4/7).

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh TC 4.2

Các hoạt động dạy và học của CTDH ngành SP Hóa học được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. CTDH ngành SP Hóa học được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Đề cương các học phần và đặc biệt Bản mô tả CTĐT ngành SP Hóa học được ban hành năm 2017 thể hiện việc xây dựng tổ hợp các công nghệ dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng trong các hoạt động dạy học để đạt được CĐR. Qua phỏng vấn SV, cựu SV, GV của CTĐT và nghiên cứu các minh chứng cho thấy các hoạt động dạy và học có hình thức đa dạng, phong phú, hướng tới CĐR của CTĐT.

Nhà trường và Viện Sư phạm Tự nhiên đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo liên quan đến việc thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm giảng dạy để trau dồi kiến thức, cải tiến các vấn đề bất cập. Tất cả đề cương chi tiết các học phần của CTDH ngành SP Hóa học thể hiện được nội dung thảo luận, tự nghiên cứu, làm việc nhóm qua đồ án môn học, bài tập lớn, thực hành, thực tập, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời, lòng yêu nghề cho người học. Khi xây dựng, thiết kế CTDH và ĐCCT học phần, Viện đã chú ý đến phần mô tả các phương pháp và hình thức dạy học theo hướng đa dạng hóa như: thuyết trình, trình chiếu, seminar, hoạt động nhóm, bài tập cá nhân, thực hành, thực tế, thực tập sư phạm, hướng dẫn NCKH. Mặt khác, các GV hướng dẫn SV sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu/học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và tích lũy được những kỹ năng cần thiết để đạt CĐR đã ban hành. Các thang đo năng lực được xác định tương ứng với các CĐR, trên cơ sở đó, ĐCCT xác định các hình thức, hoạt động dạy và học tương ứng, chẳng hạn, với các cấp độ CĐR ở mức hiểu biết, các hoạt động dạy học có thể bao gồm thuyết trình, trình chiếu; với CĐR ở mức độ phân tích, tổng hợp các hoạt động nhận diện và giải quyết vấn đề; các hoạt động dạy học vận não, giúp SV đạt được các CĐR yêu cầu về năng lực vận dụng hoặc sáng tạo,.. Hàng năm, vào tháng 11 Trường tổ chức tháng “Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm” cho các khoa/viện đào tạo sư phạm và kết thúc là hội thi “Nghiệp vụ sư phạm” cho từng khoa/viện và toàn trường để đánh giá sự chuyển biến trong đổi mới PPDH theo CDIO, khả năng và trình độ nhận thức nghề nghiệp của SV để điều chỉnh PPDH.

PPDH, tài liệu, tác phong của GV được SV đánh giá cuối mỗi học kỳ. Kết quả phỏng vấn cho thấy GV và hầu hết người học hài lòng với tổ hợp công nghệ, phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT ngành SP Hóa học.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 4.2

2.1. Điểm tồn tại TC 4.2

Một số SV chưa thích nghi với phương pháp đào tạo tiếp cận CDIO do thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực nên trong quá trình học tập còn thụ động, chưa phát huy hết năng lực.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 4.2

Viện phối hợp với Đoàn Thanh niên CS HCM, Hội SV tổ chức các buổi tập huấn, tọa đàm chia sẻ phương pháp học tập đại học theo CDIO cho SV năm thứ nhất, hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu.

3. Mức đạt được của TC 4.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Điểm mạnh TC 4.3

Trong đề cương học phần của CTDH ngành SP Hóa học có ma trận liên kết giữa CDR, PPDH và kiểm tra đánh giá kèm bản mô tả phương pháp kiểm tra, đánh giá ứng với các chương mục cụ thể của nội dung học phần. Với mỗi CDR của học phần đều có hoạt động tổ chức dạy và học tương ứng, trong đó đã mô tả hình thức giảng dạy khá chi tiết như thuyết trình, đặt câu hỏi, hướng dẫn thảo luận nhóm, báo cáo thực tập,... Hoạt động học tập của SV cũng được mô tả trong đề cương học phần. Hoạt động tự học và thảo luận nhóm được quan tâm ở hầu hết các học phần, trong mỗi chương đều có phân bổ thời gian học lý thuyết, thực hành và tự học, ứng với mỗi CDR đều có hoạt động học tập tương thích. Việc hàng năm Trường tổ chức các hội thi Nghiệp vụ sư phạm cũng là phương pháp hiệu quả giúp SV tăng cường kỹ năng, nghiệp vụ.

Tất cả đề cương chi tiết các học phần của CTDH ngành SP Hóa học đều nêu rõ số giờ tự học của SV, nội dung tự học và tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Với sự hỗ trợ của cổng thông tin học tập trực tuyến, các bài giảng, bài tập, các chia sẻ của SV khóa trước giúp cho SV khóa sau được bổ sung kinh nghiệm học tập, từng khả năng hiểu biết ngoài sách vở và GV trên lớp. Ngoài ra, thông qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau (NCKH SV; hoạt động ngoại khóa chuyên môn như: hội thảo khoa học,...; các hoạt động hỗ trợ SV khác), CTĐT của CTDH ngành SP Hóa học góp phần thúc đẩy tinh thần tự học và học tập suốt đời. Bên cạnh đó, một số SV có cơ hội NCKH, thông qua đó SV phát triển hơn khả năng tự nghiên cứu của bản thân. Trước khi bắt đầu giảng dạy mỗi học phần, các GV đều chủ động thông báo kế hoạch giảng dạy tới SV để SV có thể chủ động trong học tập và được đánh giá bằng một điểm quá trình. Tự học, tự nghiên cứu giúp SV chủ động học tập suốt đời, rèn luyện cho SV thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong nghề nghiệp, sáng tạo, tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống. Ngoài ra, thư viện của Trường có nguồn sách phong phú, tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV tham khảo, nghiên cứu và tự học.

GV được trực tiếp tham gia các tiểu ban xây dựng, thiết kế, rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT và ĐCCT học phần nên tất cả các GV đều hiểu và sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện, hình thành các kỹ năng cũng như nâng cao khả năng học tập sau khi tốt nghiệp. Cuối mỗi học kỳ, Phòng ĐBCL khảo sát, báo cáo tổng hợp dữ liệu kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV. Kết quả khảo sát cho thấy, trên 90% người học đã đồng tình với các phương pháp dạy học của GV đã và đang được thực hiện tại CSGD.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 4.3

2.1. Điểm tồn tại 4.3

Một số kỹ năng, năng lực, phẩm chất cần thiết cho việc học tập suốt đời của SV chưa được chú trọng đầy đủ trong các bản CTDH, chẳng hạn như: kỹ năng tìm kiếm và chọn lọc thông tin; kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu; lựa chọn chiến lược học tập thích hợp; tinh thần say mê học tập, tính ham hiểu biết. Thông tin thu được từ phỏng vấn các nhà sử dụng lao động cho thấy, một bộ phận SV tốt nghiệp còn yếu về các kỹ năng mềm như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý các tình huống trong hoạt động giáo dục, kỹ năng ứng xử với học sinh, phụ huynh,...

Số lượng SV tham gia NCKH còn ít, khoogn có SV nào làm khóa luận tốt nghiệp nên mục tiêu nâng cao được khả năng học tập suốt đời của người học còn hạn chế.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 4.3

Viện cần bổ sung và phát triển các kỹ năng mềm cho SV như giao tiếp xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng tổ chức/quản lý lớp học, kỹ năng ứng xử, kỹ năng chủ nhiệm và kỹ năng làm việc nhóm,.... Các hoạt động dạy học cần quan tâm tới việc lồng ghép để phát triển một số năng lực và phẩm chất cần thiết giúp người học thực hiện được việc học tập suốt đời (tư duy phê phán, phản biện, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn, đánh giá, sử dụng thông tin, niềm đam mê học tập và ham hiểu biết ...) hỗ trợ SV lập nghiệp và tìm kiếm việc làm.

Nhà trường, Viện cần tăng cường bố trí các nguồn lực như: đội ngũ GV, kinh phí, tài liệu nghiên cứu,... để tăng cường tỷ lệ SV NCKH và bố trí cho SV được lựa chọn khóa luận tốt nghiệp tùy khả năng và nguyện vọng.

3. Mức đạt được của TC 4.3: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung tiêu chuẩn 4:

Nhà trường ban hành văn bản chính thức công bố TLGD và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan thông qua nhiều phương thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học của CTDH ngành SP Hóa học được thiết kế nhằm đạt được CDR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. CTDH ngành SP Hóa học được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm

ngành nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Đề cương các học phần và đặc biệt là Bản mô tả CTĐT được ban hành năm 2017 thể hiện việc xây dựng tổ hợp các công nghệ dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng trong các hoạt động dạy học để đạt được CDR.

Tuy nhiên, việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cơ sở giáo dục phổ thông, cựu SV,... đối với TLGD của Nhà trường chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp. Tỷ lệ SV ngành SP Hóa học tham gia NCKH còn thấp và không có SV nào làm khóa luận tốt nghiệp.

Nhà trường cần lấy ý kiến các bên liên quan một cách rộng rãi khi xây dựng Triết lý giáo dục, đồng thời tăng cường tuyên truyền phổ biến TLGD, mục tiêu giáo dục đến với xã hội thông qua công bố trên các ấn phẩm, trên các pano trong khuôn viên Nhà trường, trên các quảng bá tuyển sinh đại học, sau đại học,... đặc biệt quán triệt đến các bên liên quan trong Nhà trường, Viện để làm cơ sở cho việc lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học và các hoạt động liên quan.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</i>		
1	Tiêu chí 4.1	4	
2	Tiêu chí 4.2	4	
3	Tiêu chí 4.3	4	

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh TC 5.1

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện theo quy trình chặt chẽ ngay từ năm thứ 1 và áp dụng đối với tất cả các học phần. Nhà trường xây dựng hệ thống văn bản quy định việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, bao gồm: Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017), Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín tại Trường ĐHV (Quyết định số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013), Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHV (Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV

ngày 13/11/2017), Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHV (Quyết định số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/3/2014), Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại trường ĐHV (Quyết định số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/02/2017). Riêng công tác tuyển sinh được thực hiện theo đề án của từng năm. Kết quả học tập của SV được đánh giá sau từng học kỳ, dựa vào số tín chỉ mà SV đã tích lũy và điểm tích lũy các học phần. Bản mô tả CTDH, đề cương chi tiết các học phần có ma trận thể hiện rõ mức độ đạt được CĐR của CTĐT ngành SP Hóa học và của từng học phần khi hoàn thành các học phần.

Sau khi trúng tuyển nhập học, SV được cung cấp đầy đủ thông tin về CĐR, CTĐT, quy định về kiểm tra đánh giá và được thực hiện theo mô tả tóm tắt của CTDH ngành SP Hóa học trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, sổ tay SV, trang thông tin cá nhân của SV... Đối với từng học phần khác nhau, GV thông báo cho SV quy định về việc đánh giá người học và được công bố công khai trong đề cương môn học đã được Trường phê duyệt. Quy định đánh giá học phần được quy định rõ trong ĐCCT HP, nhằm đánh giá được CĐR học phần. Cùng với việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, việc đánh giá kết quả học tập của người học được cải tiến nhiều. Từ năm 2015, 2016, trọng số điểm thi cuối kỳ liên tục giảm từ 70% sang 60% và 50%. Việc đánh giá quá trình rất được chú trọng, trọng số tăng dần và được chia nhỏ thành nhiều nhiệm vụ như Đánh giá ý thức, thái độ học tập, Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...), kiểm tra giữa kỳ, đảm bảo đánh giá được cả quá trình học tập; số lượng các hoạt động được đánh giá trong quá trình nhiều (ít nhất 5 hoạt động trong một học phần). Giảng viên sử dụng phần mềm online để theo dõi và đánh giá quá trình học của SV

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành SP Hóa học nêu rõ về mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các mục tiêu, yêu cầu của CTĐT ngành SP Hóa học được xác định dựa trên các mức độ đáp ứng CĐR. Phương pháp kiểm tra đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận đối với đánh giá cuối kỳ các học phần lý thuyết và được quy định trong các đề cương chi tiết học phần. Các học phần đều có 2 ngân hàng đề thi: Ngân hàng đề thi trắc nghiệm phục vụ kiểm tra giữa học phần và đề thi tự luận phục vụ thi cuối học phần. Các GV khi tham gia ra đề thi trắc nghiệm được trường hỗ trợ kinh phí. Đề thi kết thúc học phần không chỉ đánh giá kiến thức, mà còn cả kỹ năng, phẩm chất đạo đức và năng lực của sinh viên trong suốt quá trình học. Trước khi bắt đầu học phần, giảng viên đã công bố cho sinh viên biết yêu cầu, tiêu chí, thứ tự, phần trăm đánh giá của từng loại hình kiểm tra đánh giá trước, trong và cuối kỳ học. Đề thi học phần được thiết kế dựa trên ma trận CĐR của học phần, trong đó mỗi CĐR đều được đánh giá theo các mức độ từ thấp đến cao. GV trong Khoa được tập huấn kỹ về việc thiết kế đề thi để đo lường được mức độ đạt CĐR. Mỗi học phần có 2 đề thi chính thức, có xác định độ khó tương đương nhau.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 5.1

2.1. Điểm tồn tại 5.1

Sau một thời gian thực hiện Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017), Trường chưa xem xét, rà soát Quy định để ban hành văn bản chính thức.

Hình thức thi kết thúc học phần chủ yếu là thi viết, số học phần sử dụng thi cuối kỳ bằng tiểu luận, bài tập lớn còn ít.

Khi việc đánh giá quá trình được tăng cường, khối lượng công việc của GV tăng lên nhiều. Trường đã hỗ trợ GV phần mềm để theo dõi đánh giá quá trình học và thi trắc nghiệm giữa kỳ, tuy nhiên việc hỗ trợ còn chưa nhiều.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 5.1

Trường rà soát, xem xét ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (bỏ chức năng tạm thời).

Trường cần nghiên cứu bổ sung thêm nhiều học phần có các hình thức thi kết thúc học phần đa dạng hơn như là thi viết, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

Trường có thể hỗ trợ công tác ra đề thi, đánh giá quá trình bằng nhiều hình thức khác nhau như tính vào giờ giảng hoặc NCKH để khuyến khích GV làm việc có tính bền vững hơn.

3. Mức đạt được của TC 5.1: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Điểm mạnh TC 5.2

Trong chu kỳ đánh giá, Trường thực hiện 2 quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo: Quy định số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/3/2014, và Quy định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới SV. Đối với từng học phần cụ thể, việc kiểm tra đánh giá được nêu trong ĐCCT, và SV nhận được ĐCCT ngay sau khi đăng ký học phần, được GV phổ biến khi bắt đầu học phần. Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý điểm thi, đảm bảo việc quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác. Kết quả các điểm thành phần và điểm học phần đều được thông báo cho SV biết thông qua tài khoản cá nhân.

Nhà trường quy định rõ ràng cơ chế phản hồi điểm thi kết thúc học phần. Theo

quy định số 991/QĐ_ĐHV ngày 25/3/2014, sau khi thi tối đa 30 ngày, SV được báo kết quả thi qua tài khoản cá nhân của SV. Đến quy định 132/QĐ-ĐHV ngày 23/02/2017, số ngày được rút xuống còn 20 ngày. Nếu kết quả chưa tương xứng với bài làm, SV có quyền phản hồi bằng việc viết đơn đề nghị phúc khảo. Các vấn đề liên quan đến khiếu nại về điểm câu SV được giải quyết kịp thời, không thấy có khiếu nại sau phúc khảo. Kết quả phòng vấn SV và xem xét ý kiến phản hồi từ người học cho thấy hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần được giảng viên thông báo rõ ràng; phần lớn SV đánh giá hình thức, nội dung, thời gian kiểm tra và các tiêu chí đánh giá đều đáp ứng yêu cầu, người học được cung cấp đầy đủ thông tin.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 5.2

2.1. Điểm tồn tại TC 5.2

Việc thông báo kết quả thi học phần được quy định tối đa 20 ngày là còn nhiều, gây khó khăn cho SV khi đăng ký học kỳ tiếp theo.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 5.2

Trường xem xét rút ngắn thời gian công bố kết quả thi học phần để đảm bảo việc SV đăng ký học kỳ tiếp theo được thuận lợi.

3. Mức đạt được của TC 5.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Điểm mạnh TC 5.3

Hình thức thi và kiểm tra được thực hiện theo quy định trong đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành SP Hóa học. Các phương pháp kiểm tra đánh giá ý thức SV, hồ sơ SV được GV sử dụng tương đối phong phú, gồm giao bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, vấn đáp,... Bài kiểm tra giữa kỳ được dùng hình thức trắc nghiệm trên máy tính, có số lượng câu hỏi là 30. Số lần kiểm tra giữa kỳ tùy thuộc vào khối lượng tín chỉ mỗi học phần. Các bài thi cuối kỳ đa số sử dụng phương pháp tự luận. Mỗi học phần đều có 2 ngân hàng câu hỏi thi.

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Trung tâm ĐBCL xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho Viện Sư phạm Tự nhiên tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Kết quả học tập của SV được nhập và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo. Ngoài ra, cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của SV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV qua đó xác định phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kỹ năng thực

hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 5.3

2.1. Điểm tồn tại TC 5.3

Mức độ đánh giá của câu hỏi giữa kỳ chỉ gồm 3 mức: mức độ 1 (biết/nhớ), mức độ 2 (hiểu) và mức độ 3 (vận dụng), chưa có các mức độ cao hơn (theo quy định 132/QĐ-ĐHV ngày 23/02/2017). Trong công tác tổ chức thi kết thúc học phần, trong các quy định về thi chưa có nội dung về công tác thanh tra độc lập.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 5.3

Trường nghiên cứu bổ sung các mức độ đánh giá của câu hỏi giữa kỳ, phù hợp với CDR của từng học phần; bổ sung nội dung thanh tra vào Quy định tổ chức thi.

3. Mức đạt được của TC 5.3: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Điểm mạnh TC 5.4

Quy định 991/QĐ-ĐHV ngày 25/4/2014, Trường công bố điểm thi cho SV chậm nhất 30 ngày sau khi thi kết thúc học phần. Quy định 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017, Trường công bố điểm thi cho SV chậm nhất 20 ngày sau khi thi kết thúc học phần. Việc công bố kết quả thi được thực hiện đúng quy định.

Kết quả học tập của SV được công bố cho từng cá nhân thông qua cổng thông tin sinh viên. Kết quả học tập được thông báo chi tiết tới từng điểm thành phần theo đúng Đề cương học phần. Kết quả đánh giá quá trình được công bố cho SV ngay sau khi kết thúc học, trước khi SV thi kết thúc học phần.

Thông qua phần mềm quản lý đào tạo, cố vấn học tập nắm vững kết quả học tập của SV, có cảnh báo kết quả học đối với những SV có kết quả học tập kém để có phương án học tập tích cực nhằm hoàn thành CTĐT đúng thời gian cho phép, đồng thời Trường tạo điều kiện để SV học lại học thêm trong học kỳ hè. Trường cũng có quy định về học cải thiện điểm để SV đạt kết quả học tập tốt nhất.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 5.4

2.1. Điểm tồn tại TC 5.4

Phần mềm quản lý, thông báo điểm đôi khi còn quá tải, gây khó khăn cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 5.4

Trường cần nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của SV và phát huy hiệu quả của công nghệ.

3. Mức đạt được của TC 5.4: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Điểm mạnh TC 5.5

Đề kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến người học, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về Quy định đào tạo, quy định tổ chức thi kết thúc học phần, trong đó quy định hieenjhanhf chậm nhất không quá 20 ngày kể từ khi kết thúc thi, điểm thi được thông báo đến SV. Việc phản hồi kịp thời kết quả học tập giúp SV chủ động trong kế hoạch học tập như: cải thiện kết quả học tập, vượt tiến độ chung, xin nghỉ học tạm thời,... và có các hướng dẫn thủ tục đăng ký cụ thể.

Mỗi SV được cấp tài khoản riêng, đảm bảo việc thông báo kết quả học tập nhanh chóng, tiện lợi và riêng tư. Kết quả học tập của người học được Trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác trên hệ thống sổ sách và phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường và được sao lưu định kỳ. Kết quả đánh giá quá trình được công bố cho SV ngay sau khi kết thúc học, trước khi SV thi kết thúc học phần. Nếu phát hiện sai lệch điểm quá trình hay điểm thi kết thúc học phần, SV có quyền khiếu nại thông qua bộ phận 1 cửa trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi. Trung tâm ĐBCL xử lý đơn khiếu nại của SV và trả kết quả khiếu nại sau chậm nhất 30 ngày.

Quy tình về việc khiếu nại kết quả học tập được phổ biến cho SV đầu khóa học trong tuần sinh hoạt công dân, đồng thời Trường công bố công khai các quy định về thi trên trang thông tin điện tử của Trường. Hằng năm, Phòng ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến SV năm cuối về chất lượng ngành đào tạo, trong đó có tiêu chí đánh giá việc công bố, phản hồi kết quả học tập của SV. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy trên 100% SV hài lòng với việc công bố, phản hồi kết quả học tập.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 5.5

2.1. Điểm tồn tại TC 5.5

Nhà trường chưa công khai đáp án chấm thi cuối kì để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, tránh khiếu kiện.

Nhà trường khảo sát, lấy ý kiến SV năm cuối toàn trường về việc công bố, phản hồi kết quả học tập. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến này là không bắt buộc và không có giải pháp thu hút ý kiến, vì vậy, số lượng SV ngành Sư phạm Hóa đóng góp ý kiến còn ít, chưa đảm bảo độ chính xác cao.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 5.5

Nhà trường nên công khai đáp án chấm thi cuối kì để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, tránh khiếu kiện.

Nhà trường cần đa dạng các hình thức lấy ý kiến khảo sát của SV nhằm tăng số lượng SV trả lời khảo sát về thi, kiểm tra đánh giá nói chung và về việc công bố kết quả học tập của người học.

3. Mức đạt được của TC 5.5: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường ban hành đầy đủ các văn bản liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá. Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy định về hoạt động kiểm tra đánh giá vào các năm 2014, 2017. Để đánh giá kết quả học tập của SV ngành SP Hóa học, Viện Sư phạm Tự nhiên đã thiết kế các phương pháp và công cụ để đánh giá mức độ đạt được CDR của SV ở các mức độ theo thang Bloom. Kết quả học tập của SV đối với mỗi học phần đều được đánh giá thông qua điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần với các hình thức khác nhau. Việc đánh giá quá trình được chú trọng, với trọng số điểm đánh giá quá trình liên tục tăng từ 30% lên 40% và 50% trong các năm 2015, 2016, 2017. Quy trình và kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ ràng và công bố công khai. Mỗi học phần đều có 2 ngân hàng đề thi: Ngân hàng đề thi trắc nghiệm phục vụ kiểm tra giữa học phần và đề thi tự luận phục vụ thi cuối học phần. Công tác tổ chức thi được thực hiện tốt. Nhà trường quy định rõ ràng cơ chế phản hồi điểm thi kết thúc học phần. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới SV. Trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo đảm bảo tính khoa học, chính xác cao.

Tuy nhiên, số lượng các bài thi cuối học phần sử dụng hình thức tự luận còn nhiều. Sau mỗi kỳ thi, Trường đã lấy ý kiến phản hồi của SV nhưng phạm vi lấy ý kiến còn hẹp, việc lấy ý kiến còn hình thức, chưa đảm bảo độ chính xác cao. Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

Trường cần nghiên cứu bổ sung giải pháp hỗ trợ công tác ra đề thi, đánh giá quá trình để chủ trương nâng cao đánh giá quá trình học của SV được bền vững. Sau mỗi kỳ thi, Trường cần lấy ý kiến phản hồi của SV một cách rộng rãi và phân tích, đánh giá mức độ phù hợp của đề thi với yêu cầu CDR từng học phần và cả CTĐT.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học</i>		
1	Tiêu chí 5.1	5	

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
2	Tiêu chí 5.2	4	
3	Tiêu chí 5.3	4	
4	Tiêu chí 5.4	4	
5	Tiêu chí 5.5	4	

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh TC 6.1

Dựa trên Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Vinh (2015) và các Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2020 (2011), Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 (2018), Nhà trường và Khoa/Viện đã có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện chương trình đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hiện nay, đội ngũ GV trong Viện SP Tự nhiên được quy hoạch để đào tạo 6 ngành hệ đại học, 15 chuyên ngành thạc sĩ và 10 chuyên ngành tiến sĩ. Tổng số cán bộ hiện có của Viện là 87, trong đó: GS.TS: 1, PGS.TS: 23, TS: 45. Riêng đội ngũ GV ngành Hóa có 22GV, gồm: GS, PGS: 10 (45,5%), TS: 7, ThS: 5. Như vậy, số GV có trình độ TS trở lên có 17 người, chiếm tỉ lệ 77,3%, độ tuổi trung bình: 42,6 là một đội ngũ rất mạnh để có thể hoàn thành nhiệm vụ đào tạo 128 SV đại học, 56 học viên cao học và 10 nghiên cứu sinh (2018-2019).

Nguồn tuyển sinh của ngành SPHH ngày ít đi do số lượng đạt điểm bảo hòa tại các trường Phổ thông (2015-16 tuyển được 72 SV, 2018-19 chỉ có 16 SV nhập học), do đó Khoa/Viện chủ trương tập trung nâng cao chất lượng, đào tạo hệ sau đại học và NCKH.

Trong giai đoạn 2015-2019, CB-GV ngành SP Hóa đã thực hiện được 02 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 04 đề tài NCKH cấp Bộ, 16 đề tài NCKH cấp trường (09 đề tài trọng điểm); xuất bản 20 giáo trình, 06 sách tham khảo; công bố 91 bài báo quốc tế, 114 bài báo trong nước; hướng dẫn SV viết được 08 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, SV làm NCKH đạt 04 Giải thưởng cấp Bộ, 06 Giải thưởng cấp Trường.

Dựa trên KHCL của Trường, Viện SP Tự nhiên đã có Chiến lược phát triển đội ngũ Viện Sư phạm Tự nhiên giai đoạn 2019- 2021, tầm nhìn đến năm 2025. Qua đó, xác định mục tiêu chung là “Phát triển đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đảm bảo phẩm chất và năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.”; Chỉ tiêu: “trên 90% giảng viên có trình độ tiến sĩ, trên 30% giảng viên có chức danh GS, PGS; trên 90% giảng viên có trình độ tiếng Anh B2 trở lên, 100% giảng viên đạt chuẩn và vượt chuẩn về trình độ tin học; mỗi năm công bố 25-30 bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus, 4-6 đề tài NCKH cấp Bộ và đề tài Nafosted” cùng với nhiều mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.1

2.1. Điểm tồn tại TC 6.1

Viện chưa có các biện pháp giám sát, đánh giá đảm bảo thực hiện theo kế hoạch và có hiệu quả; hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong chưa hoạt động tốt.

Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ khoa học cao để đảm bảo hướng tới đạt được sứ mạng và tầm nhìn được xác định chưa đầy đủ, hiện tại đang mất cân bằng về độ tuổi và kinh nghiệm công tác, chưa đảm bảo có sự kế thừa tốt.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.1

Nhà trường/ Viện cần hoàn chỉnh công tác dự báo về khả năng đào tạo của đơn vị để tiếp tục hoàn thiện đề án bồi dưỡng năng lực GV; Thường xuyên cải tiến sinh hoạt chuyên môn, seminar học thuật; tạo điều kiện cho cán bộ giao lưu, trao đổi học thuật, chia sẻ tài nguyên học liệu và kinh nghiệm dạy học, nghiên cứu, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế, tạo điều kiện để giảng viên đi dự hội thảo và học tập tại nước ngoài.

Có kế hoạch tạo nguồn GV từ các SV xuất sắc, học viên và nghiên cứu sinh. Đề xuất chính sách tạo nguồn, thu hút nhân tài để tuyển dụng được những người có trình độ chuyên môn giỏi về Viện công tác.

3. Mức đạt được của TC 6.1: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh TC 6.2

Tỷ lệ giảng viên/người học của ngành Hóa học trong những năm gần đây khá ổn định và cải thiện theo từng năm và đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trong năm học 2018-2019 tỷ lệ quy đổi GV/SV là 1/3. Tổng số GV tham gia giảng dạy tại ngành SPHH tính đến 8/2019 là 22, với độ tuổi bình quân là 42; số GV đạt trình độ GS là 01 (4,5%), PGS là 09 (41%), TS là 08 (36,4%), ThS là 04 (18.1%), số GV đang

làm nghiên cứu sinh trong nước là 02 (9,0%). Trong giai đoạn 2015- 2019 tỉ lệ GV/SV luôn đạt và vượt yêu cầu so với quy định theo Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT,

Trường đã ban hành định mức giờ chuẩn cho GV bao gồm giờ giảng dạy, giờ NCKH và giờ hoạt động chuyên môn, có quy định và hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc các loại hình hoạt động của GV. Căn cứ trên Bản mô tả vị trí việc làm của GV và sự phân công cụ thể của BCN Khoa hằng năm, cùng Quy chế chi tiêu nội bộ (quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016) tất cả GV đều được giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc được giao, bao gồm cả công tác ĐT, NCKH và PVCĐ.

Trong 5 năm 2015-2019, tất cả các GV ngành SPHH đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. 100% GV đạt danh hiệu thi đua từ lao động tiên tiến trở lên (trừ những trường hợp sinh con và thực tập sinh ở nước ngoài). Theo các khảo sát hằng năm của Trường và Viện, các GV đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.2

2.1. Điểm tồn tại TC 6.2

Mặc dù tỷ lệ GV/SV của ngành SPHH hiện nay đạt và vượt quy định của Bộ GD&ĐT, nhưng tỉ lệ về độ tuổi của GV đang là vấn đề, trong những năm qua, việc tuyển dụng GV trẻ để bồi dưỡng lực lượng kế cận của Khoa vẫn chưa đạt kế hoạch đề ra, có thể dẫn đến mất cân đối về tỉ lệ này trong những năm tới.

Nhà trường chưa lượng hóa được công tác PVCĐ, do đó còn khó khăn trong đo lường, đánh giá mảng hoạt động này.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.2

Trường/Viện cần có kế hoạch cụ thể hơn nữa trong tuyển dụng GV trẻ để đảm bảo độ tuổi theo quy định của Bộ GD&ĐT cũng như Kế hoạch phát triển đội ngũ mà đơn vị đã ban hành.

Nhà trường cần lượng hóa một cách đầy đủ các mặt hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ để làm cơ sở cho công việc đo lường, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của CB, GV.

3. Mức đạt được của TC 6.2: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh TC 6.3

Căn cứ KHCL giai đoạn 2015-2020 và các văn bản liên quan, Nhà trường đã sớm ban hành Kế hoạch phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2016 – 2020 (Số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016). Viện SPTN cũng có Chiến lược phát triển đội ngũ Viện Sư phạm Tự nhiên giai đoạn 2019- 2021, tầm nhìn đến năm 2025 của riêng mình. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển cũng như các chính sách về nhân sự khác đều được Trường/Viện phổ biến và thông báo công khai bằng văn bản giấy và trên Trang thông tin điện tử của Trường. Trong 5 năm (2015-2019) ngành SPHH tuyển mới được 02 GV.

Tất cả các văn bản quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực của GV đều được Nhà trường xây dựng theo một quy trình chặt chẽ, trong đó các GV được tham gia góp ý kiến thảo luận, thống nhất, sau khi phê duyệt được đăng tải công khai trên website Nhà trường và thông báo trên phần mềm I-Office (trước đây là E Office). Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy)

Viện luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GVC, PGS, GS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Bộ môn do Nhà trường quy định, trong đó, nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, NCKH.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Viện/Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo đơn vị còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Viện và Nhà trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.3

2.1. Điểm tồn tại TC 6.3

Việc tuyển dụng và quy hoạch CB chưa thật chú trọng đến nhân tố trẻ. Trong Chiến lược phát triển đội ngũ Viện Sư phạm Tự nhiên giai đoạn 2019- 2021, tầm nhìn đến năm 2025, Viện đã nhận định: “Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ khoa học cao để đảm bảo hướng tới đạt được sứ mạng và tầm nhìn được xác định chưa đầy đủ, hiện tại đang mất cân bằng về độ tuổi và kinh nghiệm công tác, chưa đảm bảo có sự kế thừa tốt”.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.3

Thông tin về tuyển dụng GV cần được thông báo rộng rãi và có kế hoạch chu đáo hơn nữa để có thể thu hút nhiều đối tượng tham gia. Viện cần có kế hoạch tạo nguồn GV từ các SV xuất sắc, học viên và nghiên cứu sinh. Viện cần đề xuất chính sách tạo nguồn, thu hút nhân tài để tuyển dụng được những người trẻ, có trình độ chuyên môn giỏi về Viện công tác. Quan tâm đến nâng cao năng lực ngoại ngữ, chủ

yếu là tiếng Anh cho CB, GV để đẩy mạnh hơn nữa khả năng liên kết đối ngoại cũng như giảng dạy các chương trình CLC cho SV.

3. Mức đạt được của TC 6.3: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh TC 6.4

CB, GV của Viện, ngoài việc phải đáp ứng các tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn theo quy định hiện hành, Nhà trường/Viện còn yêu cầu phải được bồi dưỡng, nâng cao về nghiệp vụ và các kỹ năng hỗ trợ cần thiết để có thể đảm bảo giúp SV đạt được CDR mà Nhà trường đã công bố. Sau nhiều khóa học bồi dưỡng, hiện nay 100% GV của Ngành Hóa học có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm giảng dạy đại học, chứng chỉ Công nghệ thông tin, chứng chỉ Ngoại ngữ, chứng chỉ An ninh quốc phòng, chứng chỉ Trình độ lý luận chính trị (phù hợp với từng loại đối tượng) đạt chuẩn quy định.

Năng lực của GV không những phải được thể hiện qua bằng cấp, chứng chỉ theo quy định mà Trường/ Viện còn yêu cầu thể hiện qua thực thi trách nhiệm được phân công. Cuối từng học kỳ hoặc khi kết thúc năm học GV được yêu cầu tự nhận xét theo hướng dẫn của Trường (Quy định về đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức Số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017 và các văn bản liên quan khác) và được đồng nghiệp trong Tổ bộ môn/ Khoa nhận xét, bình bầu, đánh giá.

Việc đánh giá năng lực của GV còn được xem xét ở góc độ ý kiến của người học. Cuối mỗi HK và khi kết thúc năm học Trường đều có Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV.

Qua khảo sát ý kiến của người học do Trường tiến hành hằng năm, GV Viện SPTN và cụ thể là GV thuộc ngành SPHH được đánh giá rất cao về năng lực giảng dạy và NCKH, nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH. Kết quả khảo sát của Đoàn ĐGN đối với SV và cựu SV cũng cho thấy mức độ hài lòng rất cao của họ đối với GV của Khoa/Viện.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.4

2.1. Điểm tồn tại TC 6.4

Khoa vẫn còn thiếu bộ công cụ đánh giá năng lực GV phù hợp. Bảng câu hỏi về nhận xét của người học đối với GV cuối mỗi học kỳ hoặc khi kết thúc năm học chưa được cải tiến và chưa được thống kê, phân tích sâu để góp phần đánh giá chính xác hơn, toàn diện hơn về năng lực của từng GV.

Năng lực sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp đối ngoại quốc tế cũng như để liên kết NCKH với đối tác nước ngoài của GV chưa đạt yêu cầu của Viện.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.4

Khoa/Viện cần sớm hoàn thiện bộ công cụ đánh giá năng lực GV. Việc lấy ý kiến đánh giá GV thông qua nhận xét của người học cần được tiến hành định kỳ với bảng hỏi được cải tiến phù hợp. Kết quả khảo sát cần được phân tích sâu để làm cơ sở cho cải tiến các biện pháp hoặc chính sách nâng cao năng lực GV.

Cần có kế hoạch và thực hiện mạnh mẽ hơn trong việc nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ của GV, yêu cầu là có khả năng giao tiếp tốt với đồng nghiệp nước ngoài.

3. Mức đạt được của TC 6.4: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh TC 6.5

Trên cơ sở KHCL phát triển ĐH Vinh giai đoạn 2015-2020 cùng với Chiến lược phát triển đội ngũ Viện Sư phạm Tự nhiên giai đoạn 2019- 2021, tầm nhìn đến năm 2025, Trường và Viện đã rất quan tâm đến việc xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, đồng thời triển khai thực hiện theo kế hoạch đã thông báo. Nhiều văn bản liên quan đến quy định và trách nhiệm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của GV đã được ban hành, đặc biệt là năng lực thực thi Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 747/QĐ-ĐHV Ngày 27/4/2017).

Nhà trường đã triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV. Và từ đó, đã xây dựng kế hoạch đồng thời triển khai thực hiện đào tạo bồi dưỡng hàng trăm lượt cho GV. (Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2016-2020, số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016)

Từ năm 2015 đến nay ngành Hóa học đã có thêm 06 TS, nâng tỉ lệ GV có trình độ TS trong ngành lên 81,9%, 05 nhà giáo được phong học hàm GS, PGS, nâng tỉ lệ GS, PGS (ngành Hóa học) tham gia giảng dạy chương trình SPHH đạt 45.4%. Trong 5 thạc sĩ còn lại của ngành có 2 người đang làm luận án TS. Các GV trong ngành đều tích cực tham gia tập huấn về xây dựng chương trình và giảng dạy theo tiếp cận CDIO do Trường tổ chức

Chỉ tiêu phấn đấu của Viện giai đoạn 2019-2021 là: trên 90% GV có trình độ tiến sĩ, trên 30% GV có học hàm GS, PGS; trên 90% GV có trình độ tiếng Anh B2 trở lên, 100% GV đạt chuẩn và vượt chuẩn về trình độ tin học; mỗi năm công bố 25-30 bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus, 4-6 đề tài NCKH cấp Bộ và đề tài Nafosted.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.5

2.1. Điểm tồn tại TC 6.5

Tuy việc đánh giá năng lực ngoại ngữ được Trường tiến hành một cách thường xuyên nhưng trình độ ngoại ngữ của một số GV của Viện/ Khoa vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động ĐT và HTQT.

Quy định đánh giá hiện nay chưa thể hiện đầy đủ các năng lực cần đánh giá của GV.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.5

Cần khuyến khích hoặc bắt buộc các GV tham gia các lớp học ngoại ngữ do trường đề ra.

Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV cần được căn cứ trên yêu cầu thực tiễn của nhiệm vụ mà đơn vị được giao, ở đây là nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên ngành Hóa có đủ phẩm chất của thời đại 4.0 và hội nhập toàn cầu.

3. Mức đạt được của TC 6.5: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh TC 6.6

Khoa/Viện SPTN đã phân công nhiệm vụ cho GV theo Bản mô tả vị trí việc làm và yêu cầu thực tiễn của đơn vị.

Vào cuối mỗi năm học, Khoa/Viện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Quy chế về khen thưởng, kỷ luật và hướng dẫn của Nhà trường (Quyết định ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức Trường ĐH Vinh, số 929/QĐ-ĐHV này 24 tháng 8 năm 2017) với những quy định cụ thể như: GV chỉ đạt dưới 60 điểm là không hoàn thành nhiệm vụ, từ 60-69 điểm là hoàn thành nhiệm vụ, 70- 89 điểm: lao động tiên tiến và chiến sĩ thi đua khi đạt 90-100 điểm. Các hình thức thi đua khen thưởng được công bố công khai trong Quy chế hoạt động của Viện và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Kết quả xếp loại thi đua được làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ

Nhà trường có quy định rất cụ thể về nhiệm vụ giảng dạy và NCKH đối với GV theo chức danh cụ thể, ngoài việc giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải có các công trình NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Nhà trường cũng có quy định khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành có chỉ số trích dẫn cao, với các mức thưởng từ 3.000.000 đ đến 10.000.000 đ/công trình (Quy chế chi tiêu nội bộ trường ĐH Vinh ban hành theo Quyết định Số 3658/QĐ-ĐHV ngày 30/10/2015, số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016)

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được đánh giá là được triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, GV. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho ĐT, NCKH và các hoạt động PVCD của GV trong đơn vị.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.6

2.1. Điểm tồn tại TC 6.6

Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các GV cùng bộ môn và với các GV của các tổ bộ môn khác trong Khoa/Viện chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

Viện SPTN chưa có các giải pháp tích cực và chế tài đủ mạnh buộc GV đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phục vụ cho ĐT, NCKH và phát triển chuyên môn nghiệp vụ.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.6

Nhà trường cần thúc đẩy hoạt động của các nhóm nghiên cứu, có cơ chế khuyến khích hiệu quả hoạt động NCKH và CGCN của các nhóm.

Viện và Trường cần có giải pháp tích cực và chế tài đủ mạnh buộc GV đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định của đơn vị, nên đưa kết quả học tập vào quy định xếp loại GV cuối năm.

3. Mức đạt được của TC 6.6: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 6.7

Trong giai đoạn 2015-2019, CB-GV ngành SPHH đã thực hiện được 02 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 04 đề tài NCKH cấp Bộ, 16 đề tài NCKH cấp trường (09 đề tài trọng điểm); xuất bản 20 giáo trình, 06 sách tham khảo; công bố 91 bài báo quốc tế, 114 bài báo trong nước; hướng dẫn SV viết được 08 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, SV làm NCKH đạt 04 Giải thưởng cấp Bộ, 06 Giải thưởng cấp Trường. Đây là một kết quả không hề nhỏ về NCKH đối với một tập thể chỉ có 22 GV. Chỉ tiêu phấn đấu của Viện giai đoạn 2019-2021 là mỗi năm công bố 25-30 bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus, 4-6 đề tài NCKH cấp Bộ và đề tài Nafosted.

Hoạt động nghiên cứu của GV được quy đổi sang giờ NCKH theo quy định đối với từng chức danh công tác. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát, đánh giá chất lượng bởi Hội đồng KH&ĐTH của Viện/ Trường. Số giờ NCKH theo quy định của Nhà trường được tính theo hệ số lương như sau: GV có hệ số lương ≥ 6.2 số giờ NCKH được quy định là 315 giờ, ≥ 5.76 : 260, ≥ 4.40 : 220,

≥ 4.32 : 200, ≥ 3.33 : 175, ≥ 2.34 : 165. Tất cả GV trong đơn vị đều hoàn thành vượt mức giờ chuẩn NCKH.

GV ngành SPHH nói riêng và toàn trường nói chung được tham gia vào xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Các quy định về quản lý hoạt động NCKH của CB, tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả NCKH đều được phòng KH&HTQT dự thảo, lấy ý kiến GV và các nhà nghiên cứu toàn trường, điều chỉnh, sửa chữa, sau đó, BGH mới ban hành và áp dụng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.7

2.1. Điểm tồn tại TC 6.7

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các đơn vị khác trong trường và ngoài trường còn chưa được chú trọng. Chưa có các công trình NCKH là kết quả của liên kết, hợp tác quốc tế.

Trường/Viện chưa có hệ thống giám sát và đánh giá cải tiến chất lượng của GV sau đánh giá.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.7

Khoa/Viện cần tập trung chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển NCKH của Viện thông qua việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong Viện/Khoa, mở rộng các nhóm nghiên cứu kết hợp với các đối tác ngoài Khoa/Trường. Trường/Viện nên tổ chức một số hội thảo chuyên ngành để GV, NCV có cơ hội tham gia đồng thời khẳng định năng lực của Viện trong tổ chức hoạt động NCKH.

Trường/Viện cần rà soát, bổ sung kế hoạch NCKH và xây dựng cơ chế khen thưởng các cá nhân có thành tích nghiên cứu, xuất bản các ấn phẩm NCKH. Nhà trường và ngành cần có hệ thống giám sát và đánh giá cải tiến chất lượng của GV sau đánh giá.

3. Mức đạt được của TC 6.7: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 6:

Ngành Hóa học có đội ngũ GV có trình độ cao, hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV SPHH. Trong giai đoạn 2015-2019, CB-GV ngành SPHH đã thực hiện được 02 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 04 đề tài NCKH cấp Bộ, 16 đề tài NCKH cấp trường (09 đề tài trọng điểm); xuất bản 20 giáo trình, 06 sách tham khảo; công bố 91 bài báo quốc tế, 114 bài báo trong nước; hướng dẫn SV viết được 08 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, SV làm NCKH đạt 04 Giải thưởng cấp Bộ, 06 Giải thưởng cấp Trường. Đây là một kết quả không hề nhỏ về NCKH đối với một tập thể chỉ có 22 GV. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được mỗi GV xem là nhiệm vụ then chốt, được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Nhà trường đã triển khai khảo

sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV. Và từ đó, đã xây dựng kế hoạch đồng thời triển khai thực hiện đào tạo bồi dưỡng hàng trăm lượt cho GV. Từ năm 2015 đến nay ngành Hóa học đã có thêm 06 TS, nâng tỉ lệ GV có trình độ TS trong ngành lên 81,9%, 05 nhà giáo được phong học hàm GS, PGS, nâng tỉ lệ GS, PGS (ngành Hóa học) tham gia giảng dạy chương trình SPHH đạt 45.4%. Các GV trong ngành đều tích cực tham gia tập huấn về xây dựng chương trình và giảng dạy theo tiếp cận CDIO do Trường tổ chức. Việc đánh giá GV được nhà trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức, hằng năm để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Theo các khảo sát hằng năm của Trường và Viện, các GV đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc.

Mặc dù tỷ lệ GV/SV của ngành SPHH hiện nay đạt và vượt quy định của Bộ GD&ĐT, nhưng tỉ lệ về độ tuổi của GV đang là vấn đề, trong những năm qua, việc tuyển dụng GV trẻ để bồi dưỡng lực lượng kế cận của Khoa vẫn chưa đạt kế hoạch đề ra, có thể dẫn đến mất cân đối về tỉ lệ này trong những năm tới. Nhà trường chưa lượng hóa được công tác PVCD, do đó còn khó khăn trong đo lường, đánh giá mảng hoạt động này. Quy định đánh giá hiện nay chưa thể hiện đầy đủ các năng lực cần đánh giá của GV. Năng lực sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp đối ngoại quốc tế cũng như để liên kết NCKH với đối tác nước ngoài của GV chưa đạt yêu cầu của Viện. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các đơn vị khác trong trường và ngoài trường còn chưa được chú trọng. Chưa có các công trình NCKH là kết quả của liên kết, hợp tác quốc tế.

Khoa/Viện cần tập trung chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển NCKH của Viện thông qua việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong Viện/Khoa, mở rộng các nhóm nghiên cứu kết hợp với các đối tác bên ngoài. Trường/ Viện nên tổ chức một số hội thảo chuyên ngành để GV, NCV có cơ hội tham gia đồng thời khẳng định năng lực của Viện trong tổ chức hoạt động NCKH. Trường /Viện cần có giải pháp tích cực và chế tài đủ mạnh buộc GV đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định của đơn vị, nên đưa kết quả học tập vào quy định xếp loại GV cuối năm. Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV cần được căn cứ trên yêu cầu thực tiễn của nhiệm vụ mà đơn vị được giao, ở đây là nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên ngành Hóa có đủ phẩm chất của thời đại 4.0 và hội nhập toàn cầu. Trường/ Viện cần có kế hoạch cụ thể hơn nữa trong tuyển dụng GV trẻ để đảm bảo độ tuổi theo quy định của Bộ GD&ĐT cũng như Kế hoạch phát triển đội ngũ mà đơn vị đã ban hành.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên</i>		

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>cứu viên</i>		
1	Tiêu chí 6.1	4	
2	Tiêu chí 6.2	5	
3	Tiêu chí 6.3	4	
4	Tiêu chí 6.4	4	
5	Tiêu chí 6.5	5	
6	Tiêu chí 6.6	4	
7	Tiêu chí 6.7	4	

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh TC 7.1

Theo Đề án tái cấu trúc Trường ĐHV (số 04/ĐA-ĐHV ngày 31/3/2017), đội ngũ nhân viên chức hỗ trợ được dự báo, xác định nhu cầu trong cơ cấu tổ chức của Viện/khoa, mỗi ngành có 01 Trợ lý đào tạo, 01 Trợ lý Quản lý SV, các CVHT được phân bổ theo số lượng SV, cán bộ văn phòng được bố trí theo quy mô của Viện/khoa; Trung tâm TH-TN được cơ cấu phù hợp với các Viện và nhóm ngành tương ứng để đảm bảo hiệu quả các hoạt động. Trong Đề án vị trí việc làm của Trường (Quyết định số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018) đã xác định rõ ràng, cụ thể số lượng người làm việc, tiêu chuẩn, yêu cầu trình độ của các vị trí đối với đội ngũ chuyên viên/cán sự, nhân viên/kỹ thuật viên của các đơn vị trong Trường cũng như của Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm DV, HTSV và QHDN, văn phòng Viện Sư phạm Tự nhiên.... Hằng năm, nhu cầu về đội ngũ chuyên viên/nhân viên cũng được các đơn vị chức năng đề xuất với Nhà trường thông qua kế hoạch năm học, các tờ trình tuyển dụng.

Trường có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ chuyên viên/nhân viên thông qua Quy chế về công tác cán bộ của Trường ĐHV (QĐ số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016), Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016) và một số các văn bản khác.

Đội ngũ chuyên viên/nhân viên hỗ trợ SV ngành SP Hóa học - Viện Sư phạm Tự nhiên gồm có 01 nhân viên văn phòng có trình độ thạc sĩ và 01 Trợ lý quản lý SV có trình độ cử nhân; 02 GV kiêm nhiệm công tác CVHT và Trợ lý đào tạo có trình độ thạc sĩ; 08 kỹ thuật viên phòng thí nghiệm có trình độ từ cử nhân trở lên thuộc ngành Hóa học hoặc SP Hóa học, trong đó có 05 người có trình độ thạc sĩ. Bên cạnh đó, đội ngũ chuyên viên/nhân viên làm việc tại Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm HTSV và QHDN và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường cơ bản đảm bảo về số lượng, có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt nhiệm vụ ĐT, NCKH và PVCD của Khoa và Trường.

Qua Báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học định kỳ hằng năm do Phòng CTCT-HSSV tổng hợp cho thấy đa số người học hài lòng với đội ngũ hỗ trợ của các đơn vị, bộ phận trong Trường và Viện Sư phạm Tự nhiên.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 7.1

2.1. Điểm tồn tại TC 7.1

Việc phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên/chuyên viên làm việc tại Thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa cụ thể, rõ ràng để có thể theo dõi, rà soát, đánh giá và cải tiến.

Nhu cầu phát triển đội ngũ của Trung tâm CNTT trên cơ sở vị trí việc làm và các đề xuất hằng năm về nhân sự phụ trách chuyên môn để thực hiện có hiệu quả các yêu cầu phát triển về CNTT của Nhà trường chưa được đáp ứng đầy đủ.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 7.1

Trường cần có kế hoạch, chiến lược phát triển về nhân sự trong đó có phân tích/dự báo rõ ràng, cụ thể nhu cầu về đội ngũ nhân viên/chuyên viên làm việc tại Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm HTSV và QHDN và các dịch vụ hỗ trợ SV khác), tương ứng với Kế hoạch phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn, làm cơ sở cho việc quy hoạch đội ngũ này đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và các yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn 4.0 (hướng tới mô hình đại học thông minh, đại học trực tuyến ...) Trường cần quan tâm hơn nữa đến nhu cầu phát triển đội ngũ của Trung tâm CNTT trên cơ sở vị trí việc làm, các đề xuất về nhân sự phụ trách chuyên môn cho đơn vị này.

3. Mức đạt được của TC 7.1: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh TC 7.2

Trường có Quy chế về công tác cán bộ của Trường ĐHV (Quyết định số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016). Quy chế này quy định công tác tuyển dụng, sử dụng, nâng lương, đào tạo, bồi dưỡng, chuyển đổi công tác; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý và kéo dài thời gian làm việc đối với cán bộ, viên chức và người lao động.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi công tác đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên hỗ trợ của Trường nói chung của ngành SP Hóa học nói riêng được xác định rõ ràng, ngoài các tiêu chí như có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe tốt, ...còn có các tiêu chí như có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp, có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đáp ứng theo yêu cầu của vị trí việc làm. Ngoài ra việc tuyển chọn kỹ thuật viên phục vụ công tác thực hành, thí nghiệm của Khoa/Viện còn yêu cầu có các kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm như: kỹ năng pha chế hóa chất, sử dụng các máy móc, thiết bị cơ bản, nguyên tắc làm việc an toàn trong phòng thí nghiệm.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi công tác đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên được lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trong Trường trước khi ban hành và phổ biến, công khai bằng nhiều hình thức như thông qua các cuộc họp, hội nghị, hệ thống quản lý văn bản và điều hành eOffice, website của Trường/của Phòng Tổ chức cán bộ tại địa chỉ: <http://vinhuni.edu.vn>,...

Để đảm bảo tính chính xác, khách quan trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, hằng năm Trường đều thành lập các Hội đồng có liên quan và thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên theo các quy trình quy định chặt chẽ. Các kết quả xét duyệt được công bố công khai, rõ ràng và minh bạch. Qua phỏng vấn, kiểm tra minh chứng cho thấy trong giai đoạn đánh giá không có khiếu kiện, khiếu nại tồn đọng liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi công tác đối với nhân viên/chuyên viên.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

2.1. Điểm tồn tại TC 7.2

Quy chế về công tác cán bộ của Trường được ban hành từ năm 2016 và cho đến nay chưa được Trường điều chỉnh, cập nhật theo các quy định hiện hành của các cơ quan quản lý nhà nước (như Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ) nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc ban hành các quyết định, quy định có liên quan của Nhà trường.

Việc phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm cũng như các tiêu chí tuyển dụng nhân viên của Nhà trường còn hạn chế và chưa đạt hiệu quả cao.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 7.2

Nhà trường cần sớm điều chỉnh, cập nhật và ban hành văn bản về công tác cán bộ của Nhà trường nói chung và về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển,...đội ngũ nhân viên/chuyên viên nói riêng đáp ứng các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước làm cơ sở pháp lý cho việc ban hành các quyết định, quy định có liên quan của Nhà trường.

Bên cạnh việc rà soát đề án vị trí việc làm trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, Trường cần xem xét các ý kiến đề xuất của các đơn vị về các tiêu chuẩn, kỹ năng chuyên môn cụ thể nhằm đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực ngang tầm nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác.

3. Mức đạt được của TC 7.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh TC 7.3

Trong giai đoạn đánh giá, quy trình, phương pháp, công cụ và các tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, tác phong, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ...của đội ngũ nhân viên được Trường xác định trong các văn bản như: Tiêu chí thi đua cá nhân đối với cán bộ hành chính (Quyết định số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2015), Quy định tạm thời đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức Trường ĐHV (Quyết định số 63/QĐ-ĐHV ngày 23/01/2017), Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức Trường ĐHV (Quyết định số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017). Các văn bản đánh giá, xếp loại nhân viên đã được Trường rà soát, điều chỉnh, cải tiến trên cơ sở tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV trong Trường. Từ năm 2017 đến nay, đội ngũ nhân viên của Trường và Viện được đánh giá, xếp loại hằng tháng, hằng năm theo 4 mức A, B, C, D với quy trình, tiêu chí được xác định cụ thể.

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, việc đánh giá năng lực của nhân viên được thực hiện theo các bước: tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và trưởng đơn vị đánh giá, xếp loại. Kết quả xếp loại hằng tháng được Phòng TCCB tổng hợp trên cơ sở kết quả xếp loại từ các đơn vị, có sự xác nhận của Phòng Thanh tra Pháp chế (kiểm soát lỗi vi phạm) trước khi được Hiệu trưởng phê duyệt để chi trả lương tăng thêm cho viên chức vào tháng sau.

Trong giai đoạn đánh giá, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Viện sư phạm Tự nhiên gồm 02 nhân viên chuyên trách làm nhiệm vụ văn phòng và quản lý SV, 02 GV kiêm nhiệm công tác CVHT và trợ lý đào tạo cho ngành SP Hóa học và 08 kỹ thuật viên phục vụ công tác thực hành thí nghiệm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Qua tiếp xúc phỏng vấn các bên liên quan cho thấy CB, GV, NV hài lòng về việc đánh giá năng lực đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường nói chung và của Khoa/Viện nói riêng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 7.3

2.1. Điểm tồn tại TC 7.3

Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của SV của Nhà trường đối với các đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các đơn vị chức năng còn chung chung, chưa rõ ràng, cụ thể; chưa thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của GV đối với đội ngũ nhân viên hành chính các đơn vị.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 7.3

Việc đánh giá đội ngũ nhân viên ngoài Tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, cấp trên đánh giá, Trường/Khoa cần chú trọng hơn đến kết quả khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người học đối với đội ngũ viên chức hành chính các đơn vị theo vị trí việc làm một cách cụ thể nhằm giúp đội ngũ này xác định rõ những điểm mạnh cần phát huy cũng như những hạn chế cần khắc phục.

3. Mức đạt được của TC 7.3: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh TC 7.4

Trên cơ sở nghị quyết, kế hoạch của Đảng ủy Trường, quy định chức năng, nhiệm vụ, đề án vị trí việc làm, kế hoạch năm học và các tờ trình về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị, Trường và Khoa/Viện đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ, hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ của Nhà trường nói chung và của ngành SP Hóa học nói riêng (Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018 – số 1524/ĐHV-TCCB ngày 25/12/2017; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức các năm 2019, 2020 - Kế hoạch số 05/KH-ĐHV ngày 19/02/2019). Trong các kế hoạch, Trường có hướng dẫn tổ chức thực hiện và phân công nhiệm vụ cho các đơn vị tham gia theo lĩnh vực, trong đó Phòng Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với Phòng TCCB xây dựng kế hoạch, thanh, quyết toán kinh phí cho các lớp đào tạo bồi dưỡng theo kế hoạch đã phê duyệt. Hằng năm, Phòng KH-TC có báo cáo tổng hợp kinh phí dành cho các hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Trong giai đoạn đánh giá, bên cạnh việc tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ nhân viên tham gia các lớp đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, Lý luận chính trị - Hành chính, Trường/Khoa đã tổ chức hoặc cử đội ngũ này tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức quốc phòng-an ninh, quản lý hành chính Nhà nước (ngạch chuyên viên), tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ, an toàn vệ sinh lao động, PCCC ...

Viện Sư phạm Tự nhiên có 01 chuyên viên là trợ lý QLSV có trình độ cử nhân và 01 chuyên viên văn phòng Khoa có trình độ thạc sĩ, cả 02 đã được Nhà trường bồi

đường kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, CNTT và truyền thông (ICT),... đáp ứng tốt các yêu cầu hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD của Khoa/Viện, Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 7.4

2.1. Điểm tồn tại TC 7.4

Trong giai đoạn đánh giá, công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên chưa được Trường tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với từng vị trí việc làm. Nhà trường chưa chú trọng việc bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên thi thăng hạng chuyên viên chính khi có đủ điều kiện.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 7.4

Trường cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên định kỳ hằng năm nhằm để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ này đáp ứng các yêu cầu phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ cụ thể; Nên chú trọng việc bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên thi thăng hạng chuyên viên chính khi có đủ điều kiện.

3. Mức đạt được của TC 7.4: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh TC 7.5

Trường, Khoa/Viện có hệ thống các văn bản quy định để theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên như: Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường ĐHV (Quyết định số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016), Quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các Viện đào tạo trực thuộc Trường ĐHV (Quyết định số 800/QĐ-ĐHV ngày 28/7/2017), Quy chế về công tác cán bộ của Trường ĐHV (Quyết định số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016), Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức Trường ĐHV (Quyết định số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017), Đề án vị trí việc làm (Số 1217/QĐ-ĐHV, Ngày 14/12/2018), các bảng phân công nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị và các văn bản khác có liên quan, qua đó khối lượng, hiệu quả công việc cụ thể của nhân viên/chuyên viên được xác định, theo dõi, giám sát, đánh giá làm cơ sở cho việc khen thưởng và công nhận. Các quy chế, quy định trên đều được Nhà trường lấy ý kiến toàn thể CB, GV, NV trước khi ban hành.

Nhà trường và Khoa/Viện thực hiện việc giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên thông qua các cuộc họp giao ban các đơn vị, các báo cáo của Phòng Thanh tra-Pháp chế, bảng tổng hợp kết quả đánh giá và xếp loại đội ngũ nhân viên hằng tháng theo hiệu quả công việc phân công với các mức A, B, C, D làm cơ sở

cho việc chi trả lương tăng thêm vào tháng sau liền kề. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức hằng tháng là cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại và khen thưởng cuối năm (tính điểm trung bình cộng các mức điểm quy đổi theo A, B, C, D).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 7.5

2.1. Điểm tồn tại TC 7.5

Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên chưa cụ thể đối với từng vị trí việc làm.

Trường chưa điều chỉnh để có sự thống nhất, đồng bộ giữa Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức (khoản 5, Điều 11, Quyết định số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017) và Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường (Quyết định số 198/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2018) về các mức đánh giá xếp loại A, B, C, D làm cơ sở để chi trả lương tăng thêm cho cán bộ viên chức.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 7.5

Trường và Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên theo vị trí việc làm nhằm giúp cho việc giám sát, đánh giá kết quả công việc của nhân viên chính xác, công bằng, khách quan, tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ một cách có hiệu quả.

Trường cần rà soát, thống nhất giữa Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường về mức thanh toán thu nhập tăng thêm cho cán bộ nhân viên dựa trên kết quả đánh giá, xếp loại A, B, C, D nhằm giúp minh bạch hóa thêm chế độ khen thưởng tạo động lực cho nhân viên.

3. Mức đạt được của TC 7.5: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 7:

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai trong nội bộ và đăng tải trên website của Trường. Nhà trường và Viện Sư phạm Tự nhiên có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ nhân viên của Nhà trường và của Viện có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ NV của Trường và Viện được tiến hành thường xuyên hằng tháng, hằng năm với các mức cụ thể làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm và thi đua, khen thưởng. Qua phỏng vấn cho thấy nhân viên hài lòng về công tác tuyển dụng, bồi dưỡng nhân viên, thi đua khen thưởng của Nhà trường và Viện.

Tuy nhiên, Trường cần có kế hoạch, chiến lược phát triển về nhân sự trong đó có phân tích/dự báo rõ ràng, cụ thể nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm DV, HTSV và QHDN và các dịch vụ hỗ trợ SV khác; quan tâm hơn nữa đến nhu cầu phát triển nhân sự để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn 4.0 (hướng tới mô hình đại học thông minh, đại học trực tuyến ...); cần sớm điều chỉnh, cập nhật và ban hành văn bản về công tác cán bộ; rà soát đề án vị trí việc làm trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực ngang tầm nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác; chú trọng khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các đơn vị cụ thể. Trường cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên định kỳ hằng năm; chú trọng bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên thi thăng hạng chuyên viên chính khi có đủ điều kiện. Trường và Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên theo vị trí việc làm. Trường cần rà soát, thống nhất giữa Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và Quy chế chi tiêu nội bộ về mức thanh toán thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả đánh giá, xếp loại A, B, C, D.

Trường cần có kế hoạch, chiến lược phát triển về nhân sự trong đó có phân tích/dự báo rõ ràng, cụ thể nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm DV, HTSV và QHDN và các dịch vụ hỗ trợ SV khác; quan tâm hơn nữa đến nhu cầu phát triển đội ngũ nhân sự có chuyên môn về CNTT để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn 4.0 (hướng tới mô hình đại học thông minh, đại học trực tuyến ...); cần sớm điều chỉnh, cập nhật và ban hành văn bản về công tác cán bộ; rà soát đề án vị trí việc làm trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực ngang tầm nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác; chú trọng khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các đơn vị cụ thể. Trường cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên định kỳ hằng năm; chú trọng bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên thi thăng hạng chuyên viên chính khi có đủ điều kiện.

Trường và Viện Sư phạm Tự nhiên cần rà soát và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên theo vị trí việc làm. Trường cần rà soát, thống nhất giữa Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và Quy chế chi tiêu nội bộ về mức thanh toán thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả đánh giá, xếp loại A, B, C, D.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
-----	----------------------	----------------	---------

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên</i>		
1	Tiêu chí 7.1	4	
2	Tiêu chí 7.2	4	
3	Tiêu chí 7.3	4	
4	Tiêu chí 7.4	4	
5	Tiêu chí 7.5	4	

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.

1. Điểm mạnh TC 8.1

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng và ban hành Đề án tuyển sinh hằng năm trong đó chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành nói chung và ngành SP Hóa học nói riêng được xác định rõ ràng, theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Các chính sách và quy định tuyển sinh của ngành SP Hóa học như: đối tượng tuyển sinh, quy trình và phương thức xét tuyển, thời gian nhận hồ sơ đối với từng phương thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên, điểm chuẩn tuyển sinh, các thông báo xét tuyển, trúng tuyển, nhập học,... được công bố công khai và quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng thông tin tuyển sinh và website của Trường, của Khoa/Viện và thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

Hàng năm, trên cơ sở phân tích dữ liệu tuyển sinh, đánh giá tình hình thực tiễn, dự báo nhu cầu nhân lực ngành SPHH từ các Sở, các tỉnh (Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh), Nhà trường xây dựng và điều chỉnh đề án, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành đồng thời áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng tuyển sinh.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 8.1

2.1. Điểm tồn tại TC 8.1

Việc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị sử dụng SV tốt nghiệp ngành SP Hóa học đối với chính sách tuyển sinh của Trường còn hạn chế.

Trong giai đoạn đánh giá, việc phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực hằng năm làm cơ sở xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh ngành SP Hóa học chưa đa dạng, chủ yếu lấy thông tin từ các bài viết trên báo, tạp chí.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 8.1

Nhà trường cần đa dạng hình thức khảo sát ý kiến về chính sách tuyển sinh ngành SP Hóa học đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động của ngành thông qua các hình thức khảo sát trực tuyến hoặc lấy ý kiến tại các hội nghị, hội thảo do Trường hoặc Viện tổ chức.

Hàng năm, Nhà trường cần tăng cường thu thập thông tin, tham khảo các báo cáo có tính cập nhật về nhu cầu nhân lực của ngành SP Hóa học, tăng cường các hình thức khảo sát ý kiến của học sinh, phụ huynh về nhu cầu đào tạo để từ đó xác định chính sách tuyển sinh của Trường sát với yêu cầu của thị trường lao động.

3. Mức đạt được của TC 8.1: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Điểm mạnh TC 8.2

Trong giai đoạn 2015-2020, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, được xác định rõ ràng trong đề án và kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường, có sự tham gia đóng góp ý kiến của Hội đồng trường, các Khoa, Phòng chức năng trong đó có Viện sư phạm Tự nhiên đối với ngành SP Hóa học.

Phương án tuyển sinh ngành SP Hóa học được Nhà trường xác định gồm: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT (Quốc gia) và Tuyển thẳng học sinh đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, quốc gia, quốc tế theo quy định của Bộ GD&ĐT. Điểm chuẩn xét tuyển được Trường xác định không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành sư phạm do Bộ GD&ĐT quy định, thí sinh không nói ngọng, nói lắp và có hạnh kiểm trong 3 năm học ở trường THPT đạt loại khá trở lên. Trong giai đoạn đánh giá, Trường sử dụng nhiều tổ hợp xét tuyển khác nhau đối với ngành SP Hóa học: năm 2017, 2018, 2019 sử dụng tổ hợp A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh), B00 (Toán, Hóa, Sinh); năm 2020 bổ sung thêm tổ hợp D07 (Toán, Hóa, Anh).

Hàng năm, sau mỗi đợt tuyển sinh, Trường tiến hành rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác tuyển sinh trên cơ sở báo cáo công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh của Phòng Thanh tra – Pháp chế, Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, số liệu phân tích kết quả tuyển sinh của Phòng Đào tạo, trong đó có rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành SP Hóa học để có những điều chỉnh phù hợp với thực tế, đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 8.2

2.1. Điểm tồn tại TC 8.2

Nhà trường chưa có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học (bao gồm người học của CTĐT ngành SP Hóa học) trên cơ sở góp ý của các bên liên quan; chưa lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động ngành SP Hóa học trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 8.2

Nhà trường cần ban hành quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học (bao gồm người học của CTĐT ngành SP Hóa học) trong đó có triển khai lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan như nhà sử dụng lao động, GV, người học theo định kỳ nhằm có những cải tiến thường xuyên, liên tục đáp ứng nhu cầu đào tạo của các bên liên quan.

3. Mức đạt được của TC 8.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Điểm mạnh TC 8.3

Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học của Nhà trường được thực hiện dưới sự phối hợp chặt chẽ giữa Viện Sư phạm Tự nhiên, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV, các tổ chức đoàn thể và thông qua phần mềm Quản lý đào tạo CMC. Hệ thống này quản lý việc đăng ký học, hồ sơ SV, các thông báo từ Nhà trường, thời khóa biểu, lịch thi, kết quả đánh giá kết quả học tập, rèn luyện.... Cụ thể, đội ngũ GVCN, CVHT, Trợ lý đào tạo, Trợ lý QLSV của Viện chịu trách nhiệm giám sát, tư vấn SV trong các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện, phối hợp với đội ngũ nhân viên hỗ trợ từ các phòng ban chức năng cung cấp cho SV các thông tin về CTĐT, khối lượng kiến thức theo học kỳ, khối kiến thức chuyên ngành, các học phần bắt buộc và tự chọn, giúp SV lựa chọn và đăng ký đúng và đủ số tín chỉ theo quy định. Phòng Đào tạo và Phòng CTCT-HSSV xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp theo từng học kỳ và từng năm học. Kết quả học tập và rèn luyện của SV được Phòng CTCT-HSSV thông báo kịp thời cho SV và gia đình để theo dõi sự tiến bộ của SV.

Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong CTĐT của ngành, Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy chế công tác SV đối với chương trình đào tạo đại học chính quy của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa/Viện thống kê về kết quả học tập của SV theo học phần, khóa học từ đó có các hình thức khen thưởng, lập danh sách SV thuộc diện cảnh báo học tập và thông báo để SV có kế hoạch cải thiện chất lượng học tập, đảm bảo tiến độ và điều kiện tốt nghiệp theo quy định. Kết quả xếp loại rèn luyện của SV

được thực hiện theo từng học kỳ và năm học trên cơ sở đánh giá của Lãnh đạo Khoa/Viện, Trợ lý QLSV, CVHT, Bí thư Liên chi Đoàn, Liên chi Hội trưởng SV. Bên cạnh đó, thông qua đại hội các lớp/chi đoàn do Khoa/Viện tổ chức, các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập, rèn luyện của người học, phân tích xu hướng và nguyên nhân được thực hiện hằng năm.

Ngoài ra, ngay từ khi nhập học, mỗi SV được cấp một tài khoản truy cập hệ thống thông tin để có thể tự quản lý mọi thông tin có liên quan trong quá trình đào tạo trên hệ thống phần mềm của Nhà trường.

Qua cơ sở dữ liệu SV ngành SP Hóa học hằng năm cho thấy trong giai đoạn đánh giá, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn chiếm tỷ lệ cao từ 85-100% điều này phần nào thể hiện sự phù hợp của hệ thống giám sát của Nhà trường đối với sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 8.3

2.1. Điểm tồn tại TC 8.3

Phần mềm giám sát hoạt động đào tạo chưa có chức năng tự động đưa ra cảnh báo về kết quả học tập và rèn luyện của người học, giúp CVHT dễ dàng theo dõi, phát hiện kịp thời để có sự tư vấn, hỗ trợ phù hợp cho người học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 8.3

Trường cần cải tiến, bổ sung vào phần mềm giám sát hoạt động đào tạo chức năng tự động đưa ra cảnh báo về kết quả học tập và rèn luyện của người học nhằm giúp CVHT dễ dàng theo dõi, phát hiện kịp thời những trường hợp SV gặp khó khăn trong học tập để có sự tư vấn, hỗ trợ phù hợp.

3. Mức đạt được của TC 8.3: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Điểm mạnh TC 8.3

Đội ngũ CVHT, GVCN, Trợ lý đào tạo, Trợ lý QLSV của Viện Sư phạm Tự nhiên phối hợp với đội ngũ nhân viên hỗ trợ từ các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ SV trong các vấn đề liên quan đến học tập, giúp SV lựa chọn và đăng ký đúng và đủ số tín chỉ theo quy định, hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Bên cạnh đó, Phòng CTCT-HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội SV, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, khoa/Viện là các đơn vị tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học.

Trung tâm Dịch vụ, HTSV và QHDN (giai đoạn 2015-2017 là Trung tâm Đào tạo liên tục và chuyển giao Khoa học công nghệ, Dịch vụ giáo dục) là đơn vị chịu

trách nhiệm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ SV như tư vấn hướng nghiệp, kêu gọi các quỹ học bổng tài trợ, tư vấn việc làm (bán thời gian và sau tốt nghiệp) cho SV.

Hàng năm, Phòng CTCT-HSSV xây dựng chương trình công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống và các hoạt động phong trào, hỗ trợ học sinh, SV (công tác học sinh, SV) với các nội dung đa dạng, phong phú có phân công các đơn vị/bộ phận chủ trì, phối hợp thực hiện, có thời gian và kết quả dự kiến cụ thể. Theo đó, Phòng CTCT-HSSV chủ trì tổ chức phân công cán bộ, GV tư vấn hỗ trợ học sinh, SV; xét trao học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ cho SV có hoàn cảnh khó khăn, dân tộc thiểu số; xét khen thưởng SV giỏi, xuất sắc,...Đoàn Thanh niên, Hội SV tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phong trào thi đua, giải trí, thể thao, chiến dịch tình nguyện,.. Trung tâm DV, HTSV và QHDN tổ chức các chương trình hỗ trợ SV các khóa như tư vấn học ngoại ngữ, các chương trình đào tạo thực hành về chuyên môn, nghiệp vụ, chương trình tư vấn định hướng nghề nghiệp, giao lưu chia sẻ kinh nghiệm, các khóa đào tạo khởi nghiệp, rèn luyện kỹ năng và giới thiệu việc làm cho SV...

Bên cạnh đó, SV các ngành sư phạm trong đó có SV ngành SP Hóa học được tham gia các hoạt động thi đua rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thông qua Hội thi Nghiệp vụ sư phạm, tạo hứng thú, lòng yêu nghề cho SV. Trong những năm qua, SV ngành SP Hóa học đã đạt được các Giải thưởng cao trong Hội thi NVSP cấp trường và các giải thưởng khác. Đoàn trường, LCD Khoa/Viện Sư phạm Tự nhiên có các CLB, đội nhóm sôi nổi như: CLB Play with English, CLB SP Hóa học đã thu hút sự quan tâm và tham gia của đông đảo SV.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 8.3

2.1. Điểm tồn tại TC 8.3

Qua phỏng vấn, tiếp xúc với SV ngành SP Hóa học và các bên liên quan cho thấy, chất lượng kết nối của các trang đăng ký học (Myvinhuni hay student) chưa thuận lợi cho SV đăng ký học và nộp bài cho GV; Trường chưa tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa để giúp SV nâng cao kỹ năng, thái độ, tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và XH; SV chưa có nhiều các buổi gặp gỡ, tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Hoạt động của các CLB học thuật, kỹ năng chưa thật sự khơi gợi hứng thú học tập, rèn luyện cho SV.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 8.3

Nhà trường cần cải thiện chất lượng kết nối của các trang đăng ký học (Myvinhuni hay student) để tạo thuận lợi cho SV đăng ký học và nộp bài cho GV. Trường và Viện cần tăng cường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa để giúp SV nâng cao kỹ năng, thái độ, tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và XH; định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, tiếp xúc giữa SV với các nhà tuyển dụng để giúp SV định hướng nghề nghiệp, giao lưu chia sẻ kinh nghiệm thực tế.

Tăng cường, chú trọng các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của các CLB học thuật trong việc giúp SV nâng cao ý thức học tập, rèn luyện, khơi gợi hứng thú học tập cho SV.

3. Mức đạt được của TC 8.4: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Điểm mạnh TC 8.5

Trường có môi trường làm việc thoáng đãng, sạch đẹp, thân thiện với nhiều cây xanh, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm, khu làm việc hành chính, ký túc xá SV, thư viện được bố trí khoa học, thuận lợi cho CB, GV, NV và SV của Trường nói chung và ngành SP Hóa học nói riêng. Sơ đồ các khu vực trong Trường, các bảng/biểu phổ biến nội quy, quy tắc ứng xử trong Nhà trường được bố trí tại nơi dễ thấy, tạo sự thuận tiện cho CB, GV, NV, SV trong Trường cũng như khách đến liên công việc. Cơ sở vật chất của Trường như giảng đường, hội trường, nhà luyện tập thể dục thể thao được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp.

Cảnh quan sư phạm của Trường và của Viện sư phạm Tự nhiên sạch sẽ, yên tĩnh, đảm bảo vệ sinh, an toàn, thoải mái cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường và khách đến liên hệ công tác. Nhà trường thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm tại nhà ăn. Trạm y tế của Trường khang trang, sạch đẹp, với nhiều phòng khám tiện nghi nằm trong khuôn viên Trường, công tác khám bệnh hằng năm cho SV được thực hiện tốt. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự được thực hiện tốt thông qua các hợp đồng với công ty vệ sĩ bên ngoài, thành lập Trung đội dân quân tự vệ, đội Thanh niên xung kích, đội tự quản KTX, cùng với việc phối hợp với các cơ quan an ninh của địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc, bảo đảm sự an toàn cho CB, GV, NV, SV.

Nhà trường có triển khai khảo sát ý kiến của SV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường với kết quả khảo sát hằng năm đều thể hiện sự hài lòng. Qua phỏng vấn các bên liên quan như CB, GV, NV, SV, cựu SV ngành SP Hóa học và các đơn vị sử dụng lao động cho thấy các bên liên quan hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 8.5

2.1. Điểm tồn tại TC 8.5

Công tác tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV chưa được Trường và Viện tổ chức thường xuyên và hiệu quả. Một số phòng học có bàn, ghế và tường nhà còn có vết bẩn và hư hỏng do ý thức của một số SV còn chưa tốt.

Hiện nay Trường chỉ có 01 nhà ăn dành cho cả CB, GV, NV và SV trong khuôn viên cơ sở chính của Nhà trường. Qua phỏng vấn cho thấy, các bên liên quan cần có thêm nhà ăn (căn tin) dành riêng cho CB, GV, NV nhằm tạo sự thuận tiện, thoải mái cho đội ngũ này trong giờ giải lao hoặc trao đổi công việc với các đối tác, khách bên ngoài Trường.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 8.5

Trường và Viện cần tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV theo định kỳ hoặc vào đầu các khóa học. Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, sửa chữa, thay mới đồ dùng, thiết bị hư hỏng tại các phòng học đồng thời tăng cường các biện pháp nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn vệ sinh Trường lớp, cảnh quan môi trường sạch đẹp.

Trường cần bố trí thêm nhà ăn dành cho CB, GV, NV nhằm tạo sự thuận tiện, thoải mái cho đội ngũ này trong giờ giải lao hoặc gặp gỡ, trao đổi công việc với các đối tác, khách bên ngoài Trường.

3. Mức đạt được của TC 8.5: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung tiêu chuẩn 8:

Đề án tuyển sinh của Trường xác định rõ chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành SP Hóa học theo quy định của Bộ GD&ĐT, được công bố công khai và quảng bá bằng nhiều hình thức, có sự tham gia đóng góp ý kiến của Viện Sư phạm Tự nhiên và các bên liên quan. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Trường có rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác tuyển sinh, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành SP Hóa học. Trường có các quy định cụ thể và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học chệch; có các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập, rèn luyện của người học hằng năm. Tỷ lệ SV ngành SP Hóa học tốt nghiệp đúng hạn chiếm tỷ lệ cao từ 85-100%. Trường có đội ngũ tư vấn, hỗ trợ SV trong các vấn đề liên quan đến học tập, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. SV ngành SP Hóa học được tạo sự hứng thú và lòng yêu nghề thông qua các Hội thi Nghiệp vụ sư phạm. Khoa/Viện có các CLB học tập, đội nhóm thu hút được sự quan tâm và tham gia của SV. Trường có môi trường làm việc thoáng đãng, sạch đẹp, thân thiện, các khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm, hành chính, ký túc xá SV, thư viện được bố trí khoa học, thuận lợi cho CB, GV, NV và SV của Trường nói chung và ngành SP Hóa học nói riêng. Đa số các bên liên quan hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Tuy nhiên, Trường và Viện cần đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động của ngành về chính sách tuyển sinh ngành SP Hóa học bằng nhiều hình thức khác nhau; tăng cường thu thập thông tin, tham khảo các báo cáo có

tính cập nhật về nhu cầu nhân lực của ngành SP Hóa học; tăng cường khảo sát ý kiến của học sinh, phụ huynh về nhu cầu đào tạo để xác định chính sách tuyển sinh sát với yêu cầu của thị trường lao động. Trường cần ban hành quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành SP Hóa học trong đó có lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan theo định kỳ; cải tiến, bổ sung chức năng tự động đưa ra cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện trên phần mềm Quản lý đào tạo; cải thiện chất lượng kết nối của các trang đăng ký học; tăng cường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa; định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, tiếp xúc giữa SV với các nhà tuyển dụng; chú trọng các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của các CLB học thuật; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV theo định kỳ hoặc vào đầu khóa học; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng tại các phòng học, tăng cường các biện pháp nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn vệ sinh Trường lớp, cảnh quan môi trường.

Trường và Viện cần đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động của ngành về chính sách tuyển sinh ngành SP Hóa học bằng nhiều hình thức khác nhau; tăng cường thu thập thông tin, tham khảo các báo cáo có tính cập nhật về nhu cầu nhân lực của ngành SP Hóa học; tăng cường khảo sát ý kiến của học sinh, phụ huynh về nhu cầu đào tạo để xác định chính sách tuyển sinh sát với yêu cầu của thị trường lao động. Trường cần ban hành quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành SP Hóa học trong đó có lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan theo định kỳ; cải tiến, bổ sung chức năng tự động đưa ra cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện trên phần mềm Quản lý đào tạo; cải thiện chất lượng kết nối của các trang đăng ký học; tăng cường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa; tăng cường các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của các CLB học thuật; định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ, tiếp xúc giữa SV với các nhà tuyển dụng; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV theo định kỳ hoặc vào đầu khóa học; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng tại các phòng học, tăng cường các biện pháp nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn vệ sinh Trường lớp, cảnh quan môi trường.

Trường cần bố trí thêm nhà ăn dành riêng cho CB, GV, NV nhằm tạo sự thuận tiện, thoải mái cho đội ngũ này trong giờ giải lao hoặc gặp gỡ, trao đổi công việc với các đối tác, khách bên ngoài Trường.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học</i>		
1	Tiêu chí 8.1	4	

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
2	Tiêu chí 8.2	4	
3	Tiêu chí 8.3	5	
4	Tiêu chí 8.4	4	
5	Tiêu chí 8.5	4	

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh TC 9.1

Để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong những năm qua bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau Nhà trường đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng. Đối với hệ thống phòng làm việc, Nhà trường đã bố trí 75 phòng cho các đơn vị trực thuộc với tổng diện tích 15.368 m², đạt xấp xỉ 15 m²/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên. Đối với hệ thống phòng học, hiện tại toàn Trường có 282 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 115.749 m², 08 phòng học tiếng nước ngoài với diện tích 1225 m², 18 phòng học máy tính với diện tích 3.531 m². Tính đến năm học 2018-2019, diện tích phòng học bình quân đạt 5,9 m²/người học (19.456 SV). Trong đó, Khoa Hóa/Viện Sư phạm Tự nhiên đã được Nhà trường bố trí hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và các phòng thí nghiệm đủ điều kiện để triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học: 01 văn phòng, 01 phòng lãnh đạo, 01 phòng sinh hoạt chuyên môn, 01 phòng làm việc của GS, PGS, 01 phòng tư liệu, 14 phòng thí nghiệm (Hóa Lý đại cương: 03 phòng, phòng nghiên cứu Hóa học: 02 phòng, phòng TN Hóa Lý cơ bản: 03 phòng, phòng TN PPGD Hóa học: 01 phòng, phòng TN PTCL & ATTP: 01 phòng, phòng TN Hóa Dược: 04 phòng).

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được Nhà trường đầu tư CSVN và trang thiết bị đảm bảo điều kiện hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của các đơn vị. Hệ thống phòng làm việc, trong đó có CTĐT SP Hóa học được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu ĐT và NCKH: hệ thống đèn chiếu sáng, điều hòa không khí, mạng wifi, máy tính, máy in, điện thoại, tủ, bàn ghế,...Hệ thống phòng học được trang bị máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, phương tiện dạy học trực tuyến. Trong số 282 phòng học đã có 192 phòng (nhà A, B) được lắp hệ thống điều hòa và máy chiếu, 57 phòng học kết nối trực tuyến, 16 phòng học online.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 9.1

2.1. Điểm tồn tại TC 9.1

Theo thống kê tần suất sử dụng phòng học từ ngày 20/8/2018 đến 20/8/2019 cho thấy tần suất sử dụng trang thiết bị (Amply và máy chiếu) phục vụ cho giảng dạy và học tập vẫn còn một số phòng chưa được sử dụng: Phòng học nhà A có 11/58, phòng học nhà B có 23/59, phòng học nhà D có 11/17, phòng học nhà Đ có 21/22 (trong đó có 4 phòng không sử dụng máy chiếu). Một số phòng học hiện đang sử dụng các bàn ghế quá cũ và chưa được trang bị hệ thống amply, do đó sẽ khó khăn cho hoạt động đổi mới PP dạy học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 9.1

Nhà trường cần có kế hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng và xây dựng phương án sử dụng tối ưu hệ thống CSVC nói chung, hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập nói riêng; cần có KH từng bước thay thế các bàn ghế cũ, trang bị thêm amply cho một số phòng học để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đổi mới PP dạy học.

3. Mức đạt được của TC 9.1: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh TC 9.2

Năm 1959, cùng với sự ra đời của Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, thư viện của Trường cũng được thành lập. Hiện nay, thư viện của Nhà trường có tên gọi: Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào với tòa nhà 7 tầng có diện tích gần 29.000m², bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 06 kho sách, 06 phòng đọc với 1500 chỗ ngồi.

Trung tâm TTTV được trang bị CSVC và trang thiết bị để thực hiện các hoạt động phục vụ: bàn ghế, tủ, giá sách, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy tính, ti vi,...Hoạt động của Trung tâm TTTV được quản lý bởi các quy định rõ ràng, minh bạch: Hướng dẫn sử dụng thư viện, quy định hoạt động của thư viện (trong năm học thư viện phục vụ bạn đọc 2 buổi/ngày, kể cả thứ bảy và chủ nhật). Tháng 8/2016, Trung tâm TTTV đã sử dụng hệ thống mượn trả sách tự động 14/7 nhằm tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian. Nguồn tài liệu của Trung tâm TTTV được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Kipos) thay cho giải pháp sử dụng thư viện số ILIb.

Trung tâm TTTV có số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của CB, GV, người học. Tính đến tháng 30/3/2020, số lượng tài liệu bản in có 14.466 tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo với 160.559 bản, 129 loại báo và tạp chí, 16.000 luận văn và

luan án. Bên cạnh đó, Trung tâm TTTV hiện có nguồn tài liệu điện tử với 15.186 tên giáo trình và sách, 15.500 đề tài luận văn và luận án, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Trung tâm TTTV đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp bạn đọc có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các CSGD khác (ĐH QG Hà Nội, ĐH QG TP Hồ Chí Minh...); bên cạnh phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin với các thư viện khác nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Năm 2019, Trung tâm TTTV đã tham gia vào Liên hiệp thư viện Việt Nam. Số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, luận văn, luận án phục vụ cho hoạt động ĐT và NCKH của CTĐT Sư phạm Hóa học tính đến năm học 2019-2020 có 1465 đầu sách; trong đó, giáo trình: 85 cuốn, sách tham khảo: 423, tài liệu tiếng nước ngoài: 275, luận văn: 665, luận án: 10, tạp chí khoa học: 03, CSDL trực tuyến (tạp chí khoa học nước ngoài): 05 bộ.

Hằng năm, căn cứ nhu cầu đào tạo, NCKH của GV và người học (đặc biệt những CTĐT mới) trên cơ sở đề xuất của các đơn vị đào tạo, trong đó có CTĐT SP Hóa học, Trung tâm TTTV bổ sung, cập nhật các nguồn tài liệu mới với tổng kinh phí 7.129.473.495 đồng; trong đó, năm học 2015-2016: 1.854.373.800 đồng, 2016-2017: 1.545.694.395, 2017-2018: 502.691.200, 2018-2019: 1.006.290.000, 2019-2020: 2.220.424.100.

Nguồn tài liệu của Trung tâm TTTV được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Kipos). Trung tâm TTTV đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Bạn đọc có thể tra cứu tài liệu theo ba cổng thông tin điện tử: <http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn>; <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>; <http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Từ năm 2015-2019, số lượng GV và người học mượn tài liệu đạt 332.533 lượt, bình quân 73.896 lượt/năm. Số lượng GV và người học CTĐT SP Hóa học sử dụng các loại tài liệu tham khảo của thư viện Nhà trường để phục vụ cho hoạt động ĐT, NCKH trong chu kỳ đánh giá theo thống kê của Trung tâm TTTV là 644 lượt; trong đó năm học 2015-2016: 60 lượt, 2016-2017: 83, 2017-2018: 229, 2018-2019: 91, 2019-2020: 181 lượt.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 9.2

2.1. Điểm tồn tại TC 9.2

Số lượt GV, SV CTĐT SP Hóa học trong 5 năm thuộc chu kỳ đánh giá sử dụng các loại tài liệu, CSDL trực tuyến tại TTTV chưa nhiều: 644 lượt người, trung bình mỗi năm học trong chu kỳ 2015-2019 là 128,8 lượt (riêng năm học 2017-2018: 229 lượt).

Một số quy định mới (sử dụng online để mượn, đọc, gia hạn tài liệu,...) SV chưa cập nhật kịp thời.

So với quy mô và tiềm lực của Nhà trường thì kinh phí dành cho bổ sung nguồn học liệu mới còn thấp, bình quân 78.026 đồng/người học/năm trong chu kỳ đánh giá

(2015-2016: 92.138 đồng/NH, 2016-2017: 72.728, 2017-2018: 25.658, 2018-2019: 56.217, 2019-2020: 143.392).

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 9.2

Viện SPTN và CTĐT SP Hóa học cần có các giải pháp tích cực để tăng cường số lượt CB, GV, đặc biệt là SV sử dụng nguồn học liệu liên quan đến chuyên ngành đào tạo đang có tại TTTV Nguyễn Thúc Hào.

TTTV và các đơn vị chức năng của Trường cần có giải pháp phù hợp để giúp người học tiếp cận những quy định mới liên quan đến việc sử dụng nguồn tài nguyên học liệu của CSGD phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH.

Nhà trường nên nâng mức đầu tư cho thư viện để bổ sung nguồn học liệu (đặc biệt là giáo trình, tài liệu tham khảo).

3. Mức đạt được của TC 9.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh TC 9.3

Nhằm đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH của GV, người học ngành SP Hóa học, trong những năm qua Nhà trường đã xây dựng mới và nâng cấp hệ thống các phòng thí nghiệm tại Trung tâm thực hành thí nghiệm của CSGD. Hiện tại, các phòng thí nghiệm phục vụ cho CTĐT SP Hóa học bao gồm 14 phòng thí nghiệm (Hóa Lý đại cương: 03 phòng, phòng nghiên cứu Hóa học: 02 phòng, phòng TN Hóa Lý cơ bản: 03 phòng, phòng TN PPGD Hóa học: 01 phòng, phòng TN PTCL & ATTP: 01 phòng, phòng TN Hóa Dược: 04 phòng).

Các phòng thí nghiệm được trang bị hệ thống thiết bị, máy móc hiện đại, phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH của GV và người học CTĐT SP Hóa học. Trong giai đoạn 2014-2018, Nhà trường đã đầu tư, nâng cấp PTN Phương pháp giảng dạy Hóa học với tổng số kinh phí 2.452.000.000 đồng và dự án đầu tư ngành Công nghệ thực phẩm và Hóa dược với tổng kinh phí khoảng 40.000.000.000 đồng. Hằng năm, các thiết bị, máy móc của các phòng thí nghiệm được Trung tâm thực hành thí nghiệm Nhà trường cập nhật, duy tu, bảo dưỡng để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học (quyết định số 294/QĐ-ĐHV ngày 28/3/2016; số 475/QĐ-ĐHV ngày 06/5/2016; số 01/VLCN/2016/ĐHV-HQ; số 01/CNTP/2016/ĐHV-TEKCO; số 02/CNTP/2017/ĐHV-TEKCO; số 01/CNTP/2017/ĐHV-TRANSMED). Trong giai đoạn 2015-2020, hằng năm Nhà trường đã dành một khoản kinh phí để bổ sung, duy tu, bảo dưỡng các phòng thí nghiệm, thực hành với tổng kinh phí 6.017.656.000 đồng; trong đó, năm học 2015-2016: 1.631.193.000 đồng, 2016-2017: 780.676.000, 2017-2018: 2.166.036.000, 2018-2019: 352.152.000, 2019-2020: 1.087.599.000 đồng.

Các phòng thí nghiệm của CTĐT SP Hóa học đều có cán bộ (phụ tá thực hành, thí nghiệm/Kỹ thuật viên) phụ trách. Hiện tại đội ngũ này của CTĐT SP Hóa học là 05 cán bộ. Mỗi phòng thí nghiệm đều có nội quy sử dụng phòng thí nghiệm, có Sổ nhật ký theo dõi các hoạt động của phòng thí nghiệm, hồ sơ theo dõi, quản lý các trang thiết bị của phòng thí nghiệm.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 9.3

2.1. Điểm tồn tại TC 9.3

Một số phòng thí nghiệm diện tích hẹp chỉ có một cửa ra vào, do đó rất khó cho việc di chuyển khi có sự cố cháy nổ; một số tủ đựng hóa chất và dụng cụ, thiết bị phục vụ thí nghiệm chưa được định danh; hệ thống PCCC đặt khá xa các phòng thực hành thí nghiệm.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 9.3

Nhà trường có kế hoạch điều chuyển hoặc có giải pháp xử lý đảm bảo an toàn cho hoạt động dạy học cũng như tài sản khi có sự cố cháy nổ tại một số phòng thí nghiệm có diện tích hẹp chỉ có một cửa ra vào; cần định danh một số tủ hóa chất, dụng cụ, thiết bị phục vụ thí nghiệm; cần nghiên cứu để bố trí các bình ga PCCC gần hệ thống các phòng TNTH.

3. Mức đạt được của TC 9.3: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh TC 9.4

Trung tâm CNTT được Nhà trường thành lập có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Ban Giám hiệu quản lý các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT trong CSGD. Hiện tại, Nhà trường có hệ thống CNTT bao gồm máy tính, phần cứng, phần mềm, trang thông tin điện tử, phòng họp trực tuyến,...phù hợp đáp ứng công đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của đơn vị. Số lượng máy tính để bàn toàn Trường là 1581 bộ, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho hoạt động đào tạo là 1145 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lý và hành chính là 436 bộ, 26 máy chủ, 12 phần mềm, 10 phòng họp trực tuyến. Viện Sư phạm Tự nhiên (trong đó có CTĐT SP Hóa học) được trang bị 06 bộ máy tính phục công tác hành chính của đơn vị. Từ năm 2011, Nhà trường đã trang bị máy tính xách tay cho 572 cán bộ quản lý, trưởng bộ môn, các trợ lý đào tạo và các GV có trình độ tiến sĩ trở lên để phục vụ công tác ĐT và NCKH. Nhà trường đã đầu tư và sử dụng các phần mềm có bản quyền như hệ thống iOffice, eOffice, CMC,...để quản lý công tác nhân sự, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài khoản, tài chính, điểm, thu học phí và các nguồn thu khác. Trang thông tin điện tử của Trường (website) có địa chỉ: www.vinhuni.edu.vn;

E.mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn; từ năm 2013, Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, khai thác hệ thống thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh (số 1044/QĐ-ĐHV ngày 16/4/2013).

Hệ thống CNTT của Nhà trường từng bước cung cấp, chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức nhằm hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CB, GV, người học. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí, phủ khắp khuôn viên của CSGD phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Tại Trung tâm TTTV được trang bị hơn 100 máy tính nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng hệ thống tài liệu online cho các đối tượng bạn đọc. Nhà trường đang triển khai thực hiện Cổng thông tin dạy và học (hệ thống LMS) đảm bảo tương tác trực tuyến giữa GV và người học nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tất cả CB, GV của Trường, trong đó có CB, GV ngành SP Hóa học được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng (@vinhuni.edu.vn). Về cơ bản hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn góp phần hỗ trợ cho các hoạt động ĐT và NCKH của Nhà trường.

Các dữ liệu về công tác quản lý của Nhà trường và hoạt động đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm quản lý như CMC, iOffice,...Tất cả các phần mềm được thường xuyên cập nhật để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của CSGD. Tất cả các phòng máy tính cũng như cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ đào tạo và nghiên cứu đều có hồ sơ theo dõi việc vận hành và công tác duy tu, bảo trì các trang thiết bị. Hoạt động đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống CNTT được Nhà trường thực hiện thường xuyên trên cơ sở đề nghị và kế hoạch của các đơn vị chuyên môn (số 1393/QĐ-ĐHV ngày 25/11/2016; số 1394/QĐ-ĐHV ngày 25/1/2016; số 1563/QĐ-ĐHV ngày 23/12/2016; số 1146/ĐHV-CNTT ngày 26/9/2017; số 219/QĐ-ĐHV ngày 03/4/2018; số 2180/QĐ-ĐHV ngày 30/5/2018;...). Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã dành một khoản kinh phí lớn đầu tư cho cơ sở hạ tầng của hệ thống CNTT với 79.177.000.000 đồng; trong đó, năm học 2015-2016: 18.101.000.000, 2016-2017: 16.457.000.000, 2017-2018: 19.641.000.000, 2018-2019: 15.127.000.000, 2019-2020: 9.851.000.000 đồng.

Từ năm học 2016-2017, hằng năm Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi người học và các bên liên quan trong trường về mức độ đáp ứng nhu cầu về ĐT và NCKH của hệ thống CNTT của CSGD. Kết quả khảo sát cho thấy có 58,7% người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên) và 22,8% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%). Năm học 2018-2019 kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người học hài lòng về hệ thống CNTT cao hơn trước: mức độ “tốt” đạt 76,93%, mức độ “khá” đạt 15,3%.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 9.4

2.1. Điểm tồn tại TC 9.4

Một số phần mềm vẫn còn những trục trặc kỹ thuật, theo ý kiến của một số GV trang LMS còn khá ít chức năng, chưa tải được học liệu dưới dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm. Vẫn còn khá nhiều CBVC, GV chưa sử dụng email mang tên miền @vinhuni.edu.vn do Nhà trường cấp phục vụ các hoạt động chuyên môn và cá nhân.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 9.4

Nhà trường có kế hoạch đánh giá và nâng cấp hệ thống phần mềm cũng như trang LMS nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV sử dụng phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường cần có quy định về việc sử dụng email: vinhuni.edu.vn đối với CBVC, GV và SV của CSGD.

3. Mức đạt được của TC 9.4: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Điểm mạnh TC 9.5

Trên cơ sở văn bản quy định của các cấp (Chính phủ, các bộ, ngành liên quan) và thực tiễn của CSGD, Nhà trường đã ban hành văn bản quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản; quy định công tác HS, SV và HV nội trú, ngoại trú; quy định đối với SV tại làng SV cơ sở II; quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong công tác quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với HS, SV trên môi trường mạng tại Trường Đại học Vinh (số 3852/KH-ĐHV ngày 03/11/2014, số 3775/KH-ĐHV ngày 09/10/2015, số 4458/QĐ-ĐHV ngày 26/11/2015, số 07/KH-ĐHV ngày 24/2/2016, số 45/KH-ĐHV ngày 08/11/2016, số 36/KH-ĐHV ngày 12/10/2017, số 539/KH-CTCTHSSV ngày 18/5/2018, số 38/KH-ĐHV ngày 05/10/2018, số 2116/QĐ-ĐHV ngày 21/8/2020).

Trên thực tế, các quy định tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn đã được Nhà trường triển khai thực hiện. Về môi trường, Nhà trường quan tâm đến hệ thống cây xanh để tạo không gian thoáng mát cho CB, GV, NV và người học; phong trào “Chủ nhật xanh” được phát động và thực hiện thường xuyên để tạo cảnh quan “xanh, sạch, đẹp”. Trường đã ký hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh trong khuôn viên CSGD; định kỳ tổ chức các đợt tập huấn về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường. Về công tác bảo vệ sức khỏe cho CB, GV, NV và người học luôn được Nhà trường quan tâm. Nhà trường có Trạm y tế với diện tích mặt bằng 505 m², diện tích sử dụng là 360m², được trang bị khá đầy đủ các thiết bị y tế, thuốc điều trị ban đầu cho người bệnh. Phục vụ tại Trạm y tế có đội ngũ: 02 bác sĩ, 03 y sĩ, 05 y tá, 01 dược sĩ. Trạm y tế thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tuyên truyền, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản. Hệ thống ký túc xá của Nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu của người học gồm 10 tòa nhà từ 03 đến 09 tầng với 811 phòng, bố trí

cho gần 4000 chỗ ở cho SV. Trong giai đoạn 2015-2019, CTĐT SP Hóa học có 53/834 người học được ở tại ký túc xá của Trường. Tỷ số diện tích trên người học tại ký túc xá là 5,3m². Hệ thống sân bãi phục vụ cho hoạt động TDTT, văn hóa văn nghệ được Nhà trường đầu tư xây dựng với 06 sân bóng chuyền, 06 sân bóng đá mini, 01 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho CB, SV với tổng diện tích là 35.000m², 01 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho các bên liên quan trong CSGD. Về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong Nhà trường được BGH quan tâm. Lực lượng bảo vệ của Trường gồm 16 nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên được cung cấp các thông tin về tình hình trật tự, trị an, an ninh của địa phương nơi đơn vị đóng. Lực lượng bảo vệ được trang bị các phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu công việc, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Đầu năm 2018, Nhà trường đã ký hợp đồng với Công ty vệ sĩ để tăng cường tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn cho con người và CSVC, trang thiết bị của CSGD. Công tác phòng chống bạo lực, PCCC của Nhà trường thực hiện nghiêm túc và đảm bảo các điều kiện theo quy định. Trường đã thành lập Ban Chỉ huy phòng chống bạo lực, cháy nổ (quyết định số 750/QĐ-ĐHV ngày 14/7/2017, số 308/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2018, số 2349/QĐ-ĐHV ngày 18/8/2019). Hệ thống PCCC được bố trí ở tất cả các tòa nhà làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm, ký túc xá, hội trường,... Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã 02 lần (tháng 6/2018 và tháng 5/2020) phối hợp với Phòng cảnh sát PC & CC số 1 của lực lượng Cảnh sát PC & CC tỉnh Nghệ An tổ chức tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp cho các đối tượng liên quan trong CSGD.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan trong CSGD về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả phản hồi cho thấy, đối với công tác vệ sinh môi trường có 66,1% người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 25,6% đánh giá mức “khá” (đáp ứng từ 70-89%); đối với công tác chăm sóc sức khỏe có 51,5% người học được khảo sát đánh giá mức “tốt”, 29,8% đánh giá mức “khá”; đối với công tác an ninh, trật tự của Nhà trường có 64,1% người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt”, 26,1% đánh giá mức “khá”. Kết quả khảo sát năm học 2017-2018 cho thấy mức độ hài lòng của người học cao hơn năm học 2016-2017: đối với công tác vệ sinh môi trường có 75,1% người học đánh giá mức độ “tốt”; đối với công tác chăm sóc sức khỏe có 68,2% người học đánh giá mức “tốt”; đối với công tác an ninh, trật tự có 76,6% người học đánh giá mức “tốt”.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 9.5

2.1. Điểm tồn tại TC 9.5

Các công trình đã xây dựng trước đây và một số mới xây dựng chưa chú ý thiết kế dành riêng ưu tiên cho người khuyết tật.

Nhà trường chưa lấy ý kiến đánh giá, góp ý của các bên liên quan một cách thường xuyên và hệ thống về môi trường, sức khỏe và an toàn (chỉ lấy ý kiến SV từ năm học 2016-2017).

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 9.5

Nhà trường cần đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu cơ bản của người khuyết tật (lối đi, vệ sinh,...).

Nhà trường cần định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn làm cơ sở cải tiến chất lượng phục vụ tốt hơn cho các hoạt động ĐT, NCKH và quản lý trong Trường và Khoa.

3. Mức đạt được của TC 9.5: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung tiêu chuẩn 9:

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH. Viện SPTN và CTĐT SP Hóa học được trang bị 05 phòng làm việc và 14 phòng thí nghiệm. Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào với tòa nhà 7 tầng có diện tích gần 29.000m². Số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, luận văn, luận án phục vụ cho hoạt động ĐT và NCKH của CTĐT Sư phạm Hóa học tính đến năm học 2019-2020 có 1465 đầu sách; trong đó, giáo trình: 85 cuốn, sách tham khảo: 423, tài liệu tiếng nước ngoài: 275, luận văn: 665, luận án: 10, tạp chí khoa học: 03, CSDL trực tuyến (tạp chí khoa học nước ngoài): 05 bộ. Nhà trường có hệ thống CNTT bao gồm máy tính, phần cứng, phần mềm, trang thông tin điện tử, phòng họp trực tuyến,... đáp ứng công tác đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của đơn vị. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí, phủ khắp khuôn viên của CSGD. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản; quy định công tác HS, SV và HV nội trú, ngoại trú;...Các quy định của Nhà trường đã được triển khai thực hiện trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng; đầu tư bố trí trang thiết bị; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản; phòng chống cháy nổ, bão lụt; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong CSGD.

Tuy nhiên, tần suất sử dụng trang thiết bị (Amply và máy chiếu) phục vụ cho giảng dạy và học tập vẫn còn một số phòng chưa được sử dụng. Một số phòng học hiện đang sử dụng các bàn ghế quá cũ và chưa được trang bị hệ thống amply, do đó sẽ khó khăn cho hoạt động đổi mới PP dạy học. Số lượt GV, SV CTĐT SP Hóa học trong 5 năm thuộc chu kỳ đánh giá sử dụng các loại tài liệu, CSDL trực tuyến tại TTTV chưa nhiều. So với quy mô và tiềm lực của Nhà trường thì kinh phí dành cho bổ sung nguồn học liệu mới chưa tương xứng (bình quân 75.046 đồng/SV/). Một số phòng thí nghiệm diện tích hẹp chỉ có một cửa ra vào, do đó rất khó cho việc di chuyển khi có sự cố cháy nổ; một số tủ đựng hóa chất và dụng cụ, thiết bị phục vụ thí nghiệm chưa được

định danh; hệ thống PCCC đặt khá xa các phòng thực hành thí nghiệm. Một số phần mềm vẫn có những trục trặc kỹ thuật, trang LMS còn khá ít chức năng, chưa tải được học liệu dưới dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm. Nhà trường chưa lấy ý kiến đánh giá, góp ý của các bên liên quan một cách thường xuyên và hệ thống về môi trường, sức khỏe và an toàn (chỉ lấy ý kiến SV từ năm học 2016-2017).

Nhà trường cần có kế hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng và xây dựng phương án sử dụng tối ưu hệ thống CSVN nói chung, hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập nói riêng để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo của CSGD. TTTV và các đơn vị chức năng của Trường có giải pháp phù hợp để giúp người học tiếp cận những quy định mới liên quan đến việc sử dụng nguồn tài nguyên học liệu của CSGD phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường nên nâng mức đầu tư cho thư viện để bổ sung nguồn học liệu. Nhà trường có kế hoạch điều chuyển hoặc có giải pháp xử lý đảm bảo an toàn cho hoạt động dạy học cũng như tài sản khi có sự cố cháy nổ tại một số phòng thí nghiệm có diện tích hẹp chỉ có một cửa ra vào; có kế hoạch định danh một số tủ hóa chất, dụng cụ, thiết bị phục vụ thí nghiệm; cần nghiên cứu để bố trí các bình ga PCCC gần hệ thống các phòng TNTH. Nhà trường có kế hoạch đánh giá và nâng cấp hệ thống phần mềm cũng như trang LMS nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV sử dụng phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường cần định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn làm cơ sở cải tiến chất lượng phục vụ tốt hơn cho các hoạt động ĐT, NCKH và quản lý trong Trường và Khoa.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị</i>		
1	Tiêu chí 9.1	5	
2	Tiêu chí 9.2	4	
3	Tiêu chí 9.3	4	
4	Tiêu chí 9.4	4	
5	Tiêu chí 9.5	4	

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Điểm mạnh TC 10.1

Đến thời điểm khảo sát, ngành Sư phạm Hóa học đã có quá trình đào tạo gần 60 năm, kể từ ngày Khoa Hóa của Trường Đại học Vinh được thành lập vào năm 1961. Năm 2017, Nhà trường thành lập Viện Sư phạm Tự nhiên theo Quyết định số 260/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2017 trên cơ sở sát nhập các Khoa Toán học, Khoa Vật lý, Khoa Hóa học, Khoa Sinh học, và Khoa Công nghệ Thông tin. Trong quá trình đào tạo, Khoa Hóa trước đây và Viện Sư phạm Tự nhiên hiện nay đã tiến hành những hoạt động rà soát và phát triển CTĐT ngành Sư phạm Hóa học nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với quy định hiện hành.

Trong giai đoạn 2015-2019, Trường Đại học Vinh đã ban hành nhiều văn bản và quyết định giao nhiệm vụ, thông báo kế hoạch và hướng dẫn quy trình rà soát, điều chỉnh các CTĐT của Trường căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có Quyết định số 2732/QĐ-ĐHV ngày 07/8/2015 thành lập Hội đồng liên ngành với trách nhiệm tư vấn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy của các ngành học tại Trường Đại học Vinh. Năm 2016, Nhà trường xây dựng và ban hành Đề án xây dựng và phát triển CTĐT đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO giai đoạn 2016-2020, hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chuẩn đầu ra và khung CTĐT làm cơ sở cho việc cập nhật và điều chỉnh các CTĐT của Trường.

Để triển khai kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO, Nhà trường giao Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối tham mưu công tác tổ chức thực hiện, Phòng TCCB tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo, các Tiểu ban xây dựng CTĐT; các Khoa/Viện chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến CTĐT của đơn vị. Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được các đơn vị triển khai thực hiện định kỳ và theo kế hoạch nghiên cứu từng giai đoạn.

Hàng năm, Nhà trường và Viện Sư phạm Tự nhiên tiến hành khảo sát lấy ý kiến của sinh viên đang học về chất lượng các học phần, hoạt động giảng dạy và đánh giá, về các điều kiện hỗ trợ học tập bằng mẫu phiếu đánh giá thông qua công cụ điều tra trực tuyến. Bên cạnh đó, Viện còn mời các chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý các đơn vị đối tác bên ngoài đến tham dự các sự kiện của Trường/Viện và trao đổi những thông tin về yêu cầu thực tiễn trong phát triển CTĐT và tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau tốt nghiệp. Hội đồng Khoa học Viện đã tiếp nhận những ý kiến phản hồi qua những báo cáo kết quả khảo sát của Nhà trường, qua những đợt tiếp xúc với các nhà tuyển dụng, những chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục và đặc biệt qua báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu khảo sát nhu cầu đào tạo cử nhân sư phạm giai đoạn 2018-2025 để bổ sung, điều chỉnh các CTĐT của Viện.

Nghiên cứu minh chứng cho thấy, hàng năm Nhà trường ban hành nhiều loại văn bản, quyết định, thông báo kế hoạch, hướng dẫn triển khai về việc khảo sát ý kiến từ các bên liên quan làm cơ sở để bổ sung, điều chỉnh các CTĐT bao gồm ngành Sư phạm Hóa học. Viện Sư phạm Tự nhiên tổ chức nhiều buổi họp Hội đồng Khoa học

Viện đề thảo luận, có biên bản thống nhất nội dung bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Hoá học. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học Viện, Hiệu trưởng ban hành các quyết định áp dụng CTĐT điều chỉnh ngành Sư phạm Hoá học vào các năm 2015, 2016, 2017 và 2018.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.1

2.1. Điểm tồn tại TC 10.1

Ngoài thực hiện kế hoạch chung của Nhà trường, Viện Sư phạm Tự nhiên chưa chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch định kỳ trong việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu nguồn nhân lực từ các bên liên quan đối với ngành Sư phạm Hoá học. Các thông tin thu thập trong các phiếu khảo sát chưa bao quát về nội dung, yêu cầu của CTDH; số ý kiến đóng góp từ các bên liên quan bên ngoài còn ít, dữ liệu thu thập chưa đầy đủ để bảo đảm độ tin cậy cho việc xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTĐT cũng như cải tiến hoạt động đào tạo. Viện chưa có báo cáo tổng hợp thống kê nhu cầu nguồn nhân lực cụ thể đối với các ngành đào tạo của Viện; chưa có báo cáo phân tích về dữ liệu thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về ngành Sư phạm Hoá học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.1

Viện Sư phạm Tự nhiên cần chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch định kỳ trong việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan đối với ngành Sư phạm Hoá học. Phiếu khảo sát cần đầy đủ thông tin về nội dung yêu cầu của CTDH; cần có giải pháp nâng cao số ý kiến đóng góp từ các bên liên quan bên ngoài để bảo đảm độ tin cậy cho việc xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTĐT cũng như cải tiến hoạt động đào tạo. Viện cần có báo cáo tổng hợp thống kê nhu cầu nguồn nhân lực cụ thể đối với các ngành đào tạo của Viện; cần có báo cáo phân tích về dữ liệu thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở cho việc xây dựng và phát triển CTĐT nói chung và ngành Sư phạm Hoá học nói riêng.

3. Mức đạt được của TC 10.1: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh TC 10.2

Thực hiện nội dung Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 và Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng KH&ĐT Trường Đại học Vinh tổ chức cuộc họp và thống nhất kết luận về việc xây dựng/phát triển các CTĐT của Trường. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng KH&ĐT, Hiệu trưởng Nhà trường có văn bản số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016 ban hành kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO với mục đích tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội. Kế hoạch theo văn bản số 10/KH-ĐHV bao gồm nội dung hướng dẫn quy trình xây dựng và phát triển các CTĐT tại

Trường Đại học Vinh đáp ứng các mục tiêu phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên theo CDIO đúng tiêu chuẩn; giúp sinh viên phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực thực tiễn; đổi mới và áp dụng phương pháp dạy và học tiên tiến, xây dựng phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp, tiếp cận với các CTĐT quốc tế. Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO năm 2016 gồm nhiều bước được thực hiện theo kế hoạch, cụ thể.

Bước 1-5: Mời chuyên gia tập huấn; Cử các nhóm giảng viên đi học tập kinh nghiệm tại các trường trong nước; Nghiên cứu tài liệu, văn bản hướng dẫn; Tổ chức rà soát các CTĐT hiện hành; Thành lập nhóm chuyên trách xây dựng CTĐT cho từng ngành, nhóm ngành.

Bước 6-8: Rà soát, xây dựng chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo; Thiết kế khung chương trình, đề cương chi tiết học phần và đánh giá năng lực của sinh viên theo CDIO dựa trên chuẩn đầu ra; Tổ chức hội thảo về CTĐT với sự tham dự của chuyên gia, hội đồng khoa học, đại diện các bên liên quan trong và ngoài trường.

Bước 9-10: Tổ chức nghiệm thu; Ra quyết định ban hành áp dụng CTĐT được xây dựng, phát triển.

Nghiên cứu minh chứng cho thấy, Viện Sư phạm Tự nhiên thành lập nhóm chuyên gia nghiên cứu và đề xuất điều chỉnh CTĐT trên cơ sở tham khảo ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các nội dung cải tiến trong CTĐT dự thảo được gửi đến giảng viên, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi đề xuất Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường thẩm định lần cuối, trình Hiệu trưởng chính thức ban hành áp dụng cho từng khóa học.

Sau 3 năm thực hiện quy trình năm 2016 cho việc xây dựng/phát triển CTĐT, Nhà trường có sự điều chỉnh và ban hành Quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019, gọi tắt là Quy trình xây dựng CTĐT năm 2019. So với Quy trình năm 2016, Quy trình xây dựng CTĐT năm 2019 có sự cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 về quy định kiểm định chất lượng; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo. Quy trình xây dựng CTĐT năm 2019 gồm 7 bước: thành lập Tổ soạn thảo; xây dựng dự thảo; triển khai lấy ý kiến các bên liên quan; hoàn thiện lần 1; xây dựng chuẩn đầu ra và đề cương chi tiết các học phần; tổ chức hội thảo hoàn thiện lần 2; phê duyệt và công bố. Quy định về quy trình xây dựng CTĐT năm 2019 còn bao gồm các quy trình như (i) Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra, (ii) Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT (đối với những ngành xây dựng mới), (iii) Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT ít nhất 2 năm một lần. Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho Trường các khoa/viện tổ chức rà soát, đánh giá CTĐT hiện hành theo định kỳ để điều chỉnh, phát triển CTĐT mới trình Hiệu

trưởng ký ban hành.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.2

2.1. Điểm tồn tại TC 10.2

Quy trình xây dựng CTĐT năm 2019 có sự cải tiến so với Quy trình năm 2016, tuy nhiên, qua khảo sát minh chứng cho thấy Nhà trường chưa có văn bản về việc rà soát, đánh giá quy trình xây dựng, phát triển ban hành năm 2016. Viện Sư phạm Tự nhiên chưa chính thức triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Hoá học cũng như các ngành khác theo Quy trình xây dựng CTĐT ban hành năm 2019. Nhà trường và Khoa/Viện tập trung vào việc rà soát CTĐT, chưa chú ý đến việc rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.2

Nhà trường cần triển khai rà soát, đánh giá quy trình đã được sử dụng trong thời gian trước làm cơ sở cho việc cải tiến quy trình xây dựng, phát triển CTĐT giai đoạn tới. Viện Sư phạm Tự nhiên cần xây dựng kế hoạch triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Hoá học cũng như các ngành khác theo Quy trình xây dựng CTĐT ban hành năm 2019. Trong quá trình thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT, Viện cũng cần chủ động trao đổi, rút kinh nghiệm và có những đề xuất cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

3. Mức đạt được của TC 10.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh TC 10.3

Trong giai đoạn 2015-2019, việc rà soát, đánh giá quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được Ban Giám hiệu Trường Đại học Vinh chỉ đạo thực hiện bằng hai phương thức: (i) thường xuyên giám sát, kiểm tra, (ii) lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

Để thực hiện việc, kiểm tra hoạt động dạy và học, Nhà trường thành lập Ban Giám sát, kiểm tra công tác tổ chức dạy học tại Quyết định số 3958/QĐ-ĐHV ngày 11/11/2014; hằng năm có thông báo về kế hoạch giám sát, kiểm tra công tác dạy học. Khảo sát minh chứng cho thấy, trong từng năm học, Nhà trường đều ban hành văn bản thông báo kế hoạch giám sát, kiểm tra công tác dạy-học, cụ thể: Thông báo số 1628/TB-ĐHV ngày 08/5/2015; Kế hoạch số 50/KH-ĐHV ngày 28/11/2017; Kế hoạch theo Quyết định số 994/QĐ-ĐHV ngày 18/10/2018; Kế hoạch theo Quyết định số 2710/QĐ-ĐHV ngày 04/10/2019.

Để thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học theo Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016. Hằng năm, Nhà trường có văn bản hướng dẫn việc triển khai quy trình đánh giá của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên kèm theo phiếu lấy ý kiến phản hồi dành cho người học. Từ năm 2017, việc khảo sát ý kiến phản hồi của người học được tiến hành theo hình thức online gồm 7 bước, sinh viên đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của mình và trả lời bảng hỏi theo hướng dẫn. Nội dung thông tin cần thu thập gồm 3 phần: (i) Hoạt động giảng dạy của giảng viên; (ii) Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; (iii) Sự hài lòng của người học đối với kết quả đạt được. Ngoài đối tượng là sinh viên đại học hệ chính quy, Nhà trường còn lấy ý kiến từ sinh viên hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa; học viên cao học; học sinh Trường THPT chuyên; phụ huynh học sinh Trường Thực hành sư phạm.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh, ban hành tại Quyết định số 991/QĐ - ĐHV ngày 25/03/2014. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Nhà trường có sự điều chỉnh, cải tiến phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học cho phù hợp hơn. Năm 2017, Nhà trường có Quyết định số 1262/ QĐ - ĐHV ngày 13/11/2017 điều chỉnh việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo tiếp cận năng lực và đến năm 2019, Nhà trường tiếp tục ban hành Văn bản số 04/HD-ĐHV ngày 30/03/2019 Hướng dẫn tạm thời việc thực hiện đánh giá quá trình trong đào tạo theo tiếp cận CDIO tại trường Đại học Vinh.

Viện Sư phạm Tự nhiên đã triển khai các quy định, hướng dẫn của Nhà trường về hoạt động rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; thu thập và tổng hợp thông tin nhằm đề xuất cải tiến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo theo hệ tín chỉ. Viện tổ chức các cuộc họp giữa Ban lãnh đạo Viện, Trưởng Bộ môn, Quản lý học sinh SV, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập và các cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên, Hội SV để thu thập và trao đổi thông tin về tình hình chung trong công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.3

2.1. Điểm tồn tại TC 10.3

Các phiếu khảo sát về hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá còn chưa có nhiều nội dung tìm hiểu thông tin chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra.

Viện Sư phạm Tự nhiên chưa có biên bản họp hoặc tài liệu thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy-học, đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra;

chưa chủ động tổ chức những buổi hội thảo chuyên đề về đổi mới giảng dạy, kiểm tra đánh giá bảo đảm sự tương thích với chuẩn đầu ra được xây dựng và điều chỉnh đối với ngành Sư phạm Hóa học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.3

Nhà trường và Viện Sư phạm Tự nhiên cần xây dựng các phiếu khảo sát có nhiều nội dung chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện cần tổ chức các buổi họp thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy-học, đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra được xây dựng và điều chỉnh đối với ngành Sư phạm Hóa học; Viện cần chủ động tổ chức những buổi hội thảo chuyên đề về đổi mới giảng dạy, kiểm tra đánh giá bảo đảm sự tương thích với chuẩn đầu ra.

3. Mức đạt được của TC 10.3: Đạt (Mức 4)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Điểm mạnh TC 10.4

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025 đề ra các mục tiêu và giải pháp chủ yếu phát triển đồng bộ 6 lĩnh vực khoa học và công nghệ nhằm nâng cao vị thế và thương hiệu của Nhà trường, phấn đấu đến năm 2025 Trường Đại học Vinh có một số lĩnh vực nghiên cứu đạt trình độ hiện đại so với khu vực và quốc tế. Chiến lược khẳng định hoạt động khoa học công đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, chú trọng đầu tư và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục nhằm giữ vững và phát huy uy tín, thương hiệu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên/giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

Hàng năm, giảng viên Viện Sư phạm Tự nhiên xây dựng kế hoạch năm học, đề ra những hoạt động khoa học công nghệ cụ thể như đăng ký đề tài NCKH, tham gia dự án, tham dự các hội thảo/hội nghị khoa học, viết bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, hướng dẫn sinh viên NCKH. Trong giai đoạn 2015-2019, giảng viên Viện Sư phạm Tự nhiên đã thực hiện 02 đề tài Nafosted, 04 đề tài cấp Bộ và 16 đề tài cấp Trường, đồng thời công bố 110 bài báo quốc tế, 150 bài báo trong nước. Giảng viên của Viện còn xuất bản 22 giáo trình, 01 sách chuyên khảo và 07 sách tham khảo.

Trong tổng số 22 đề tài các cấp của giảng viên Viện Sư phạm Tự nhiên có 07 đề tài nghiên cứu (tỉ lệ 31,8%) được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy và học tập của Viện. Đề tài “Xây dựng chương trình đào tạo ngành SPHH theo cách tiếp cận CDIO” được ứng dụng trong việc xây dựng khung chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học; các đề tài khác được ứng dụng vào giảng dạy các học phần Hóa đại cương, Hóa lí

và Hoá lí thuyết, Hoá Vô cơ, Hoá hữu cơ, Hoá phân tích, Lý luận và phương pháp dạy học Hoá học.

Bên cạnh đó, giảng viên của Viện đã hướng dẫn sinh viên đăng ký và tham gia thực hiện đề tài NCKH theo lĩnh vực chuyên môn đang học. Trong giai đoạn 2015-2019, sinh viên Viện Sư phạm Tự nhiên tham gia thực hiện 07 đề tài cấp Trường; có 04 giải thưởng NCKH cấp Bộ, 06 giải thưởng NCKH cấp Trường; có 08 bài báo được công bố và đăng trên tạp chí của Trường. Việc triển khai hoạt động NCKH trong sinh viên giúp sinh viên nắm rõ hơn kiến thức chuyên ngành, hiểu và vận dụng các phương pháp nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập trong phân tích tổng hợp và lý giải các vấn đề lý luận và thực tiễn.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.4

2.1. Điểm tồn tại TC 10.4

Nghiên cứu minh chứng cho thấy Viện Sư phạm Tự nhiên chưa có kế hoạch cụ thể để triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường; chưa chủ động xây dựng hoặc đề xuất chính sách khuyến khích/hỗ trợ việc đăng ký và thực hiện các đề tài phục vụ việc dạy và học. Các giảng viên của Viện chưa có đề tài khoa học liên kết với các đối tác trong và ngoài nước; Viện chưa tổ chức hội thảo/hội nghị trong nước và quốc tế để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH trong việc cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của sinh viên.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.4

Trong giai đoạn tới, Viện Sư phạm Tự nhiên cần xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường; chủ động nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích/hỗ trợ việc đăng ký và thực hiện các đề tài phục vụ việc dạy và học; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để có những đề tài cấp nhà nước và đề tài liên kết với các trường/viện trong nước và nước ngoài. Viện cần tăng cường các quan hệ hợp tác, tổ chức hoặc đồng tổ chức các hội thảo/hội nghị trong nước và quốc tế để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH trong việc cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của sinh viên ngành Sư phạm Hoá học.

3. Mức đạt được của TC 10.4: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh TC 10.5

Ngoài các đơn vị hỗ trợ đào tạo như thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, Trường Đại học Vinh còn thành lập một số đơn vị chuyên trách có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong học tập, NCKH, tìm việc làm và các hỗ trợ khác trong sinh hoạt văn hoá, tinh thần. Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ

SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo phối hợp với Khoa/Viện tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ sinh viên như tư vấn kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống; tư vấn tìm việc làm; tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản cho nữ sinh viên.

Nhằm đánh giá và cải tiến các hoạt động của Trường, Hiệu trưởng ra Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016 ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của Trường, trong đó bao gồm các dịch vụ và hoạt động hỗ trợ sinh viên. Quy trình lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến gồm 4 bước; quy trình lấy ý kiến theo hình thức bằng giấy gồm 6 bước. Nhà trường giao Phòng CTCT-HSSV làm đơn vị đầu mối, phối hợp với Trung tâm ĐBCL, Khoa/Viện và các đơn vị liên quan triển khai thu thập dữ liệu, tổng hợp và báo cáo Ban Giám hiệu xem xét và xử lý. Hằng năm, Nhà trường tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá và rút kinh nghiệm trên cơ sở báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học. Từ năm học 2017-2018, nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của người học được kết hợp với Phiếu khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công (theo Quyết định số 2329/QĐ-BGDĐT ngày 11/7/2017).

Nghiên cứu minh chứng cho thấy hằng năm Nhà trường đều có kế hoạch triển khai và có báo cáo tổng hợp công tác và kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học đối với các hoạt động của Trường, trong đó có các nội dung về Dịch vụ giáo dục, Cơ sở vật chất, Môi trường đào tạo, Hoạt động đào tạo, Kết quả đào tạo; mỗi nội dung có 4-5 câu hỏi về các vấn đề cụ thể. Sinh viên đánh giá sự hài lòng đối với các vấn đề cụ thể liên quan đến nội dung theo 5 mức, từ Rất không hài lòng đến Rất hài lòng. Phiếu khảo sát còn có câu hỏi mở để sinh viên có thể đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ về các nội dung trên. Báo cáo Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy trung bình khoảng 95% sinh viên trả lời hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường; số còn lại phân vân, không trả lời hoặc trả lời không hài lòng. Về nội dung cơ sở vật chất, có 91% sinh viên trả lời hài lòng và rất hài lòng về phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm; 82% hài lòng và rất hài lòng về ký túc xá; 85% đối với hệ thống công nghệ thông tin; 87% đối với dịch vụ và sự hỗ trợ của thư viện. Đối với dịch vụ tư vấn hỗ trợ nói chung, có 91% sinh viên trả lời hài lòng và rất hài lòng.

Cùng với việc khảo sát qua phiếu khảo sát, Nhà trường và Khoa/Viện còn tiến hành một số hoạt động như tổ chức hội nghị dân chủ sinh viên, tổ chức chương trình đối thoại giữa Hiệu trưởng với sinh viên để thu thập ý kiến của người học đối với các hoạt động của Nhà trường. Viện còn phân công cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm quản lý lớp, tham dự các cuộc họp lớp để nắm bắt tình hình và có sự hỗ trợ kịp thời. Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào cũng phối hợp tổ chức hội nghị bạn đọc, có hợp thư lấy ý kiến đóng góp về hoạt động và dịch vụ của Thư viện.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.5

2.1. Điểm tồn tại TC 10.5

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường được tiến hành khảo sát tập trung vào đối tượng sinh viên đang học; chưa có minh chứng cho thấy Nhà trường khảo sát ý kiến các nhóm đối tượng như giảng viên, nhân viên. Nội dung câu hỏi chưa đi sâu vào từng vấn đề; sinh viên chỉ trả lời chung chung theo mức độ hài lòng; số lượng sinh viên đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng qua câu hỏi mở còn ít hoặc chưa cụ thể; chưa có báo cáo cụ thể về việc xử lý số liệu để bảo đảm độ tin cậy đối với dữ liệu thu thập.

Nhà trường có thông báo kết quả khảo sát đến cá nhân, đơn vị liên quan nhưng chưa có minh chứng báo cáo về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Khảo sát minh chứng và phỏng vấn cho thấy một số ý kiến đề xuất khá giống nhau qua các năm: tăng cường số giáo trình, sách và tài liệu tham khảo tại thư viện; trang bị thêm cơ sở dữ liệu cho thư viện; nâng cấp hệ thống wifi và phần mềm để dạy online; cần mua thêm phần mềm phục vụ giảng dạy; tăng cường ánh sáng, sửa chữa hoặc thay mới một số màn hình, máy chiếu tại một số phòng học; phát triển phòng Multimedia cho sinh viên thực hành soạn bài giảng elearning.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.5

Ngoài sinh viên đang học, Nhà trường và Khoa/Viện cần mở rộng đối tượng khảo sát đến cán bộ giảng viên, nhân viên toàn trường trong việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường; Khoa/Viện và các đơn vị chức năng cần có giải pháp khuyến khích, động viên sinh viên tham gia khảo sát, tăng cường việc trả lời các câu hỏi mở thông qua khảo sát và qua các cuộc đối thoại, hội nghị sinh viên để thu thập được những thông tin cụ thể và thực tế hơn theo nhu cầu của người học.

Nhà trường cần tổ chức các buổi họp/hội nghị báo cáo kết quả khảo sát và có kết luận đưa ra giải pháp và kế hoạch cụ thể để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác trên cơ sở ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

3. Mức đạt được của TC 10.5: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh TC 10.6

Trường Đại học Vinh thực hiện hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan theo quy trình và kế hoạch được hướng dẫn trong “Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học” do Hiệu trưởng ký ban hành tại Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016. Từ năm học 2017-2018, nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của người học được kết hợp với Phiếu khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo Quyết định số 2329/QĐ-BGDĐT ngày 11/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường và Khoa/Viện còn tiến hành thu

thập ý kiến phản hồi thông qua một số phương thức như: Hội nghị dân chủ sinh viên; Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và Sinh viên; Hội nghị CB trẻ; Hội nghị công chức, viên chức; Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng...

Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến của người học xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung và các phương pháp, hình thức tiến hành việc khảo sát ý kiến phản hồi của người học. Quy định cũng nêu rõ việc tổng hợp báo cáo và sử dụng kết quả đối với cá nhân, đơn vị Khoa/Viện/Phòng chức năng và Ban Giám hiệu Nhà trường để có những định hướng, đưa ra quyết định kịp thời nhằm hoàn thiện, nâng cao chất lượng đào tạo chung. Nhà trường có sự phân công trách nhiệm cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện công tác khảo sát ý kiến phản hồi, trong đó Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối, phối hợp với Trung tâm ĐBCL, Khoa/Viện và các đơn vị liên quan triển khai thu thập dữ liệu, tổng hợp và báo cáo Ban Giám hiệu xem xét và xử lý. Hằng năm, Nhà trường có ban hành kế hoạch và hướng dẫn các đơn vị thực hiện khảo sát ý kiến của các nhóm đối tượng khác nhau như sinh viên hệ chính quy, sinh viên hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, học viên cao học, học sinh Trường THPT chuyên, phụ huynh học sinh Trường Thực hành sư phạm.

Viện Sư phạm Tự nhiên đã triển khai các hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan để phát triển chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hoá học theo hướng tiếp cận CDIO. Hằng năm, Viện tổ chức thực tập sư phạm cho sinh viên ngành Sư phạm Hoá học tại các trường THPT; các bộ môn lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động rèn luyện, thực tập và tổ chức kiểm tra thực tế của sinh viên tại các cơ sở. Thông qua các hoạt động này, Viện thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng chương trình dạy học, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Nghiên cứu minh chứng cho thấy, Nhà trường ban hành nhiều văn bản về quy định, thông báo kế hoạch, phân công, hướng dẫn các đơn vị triển khai kế hoạch và báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan. Trước khi ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, Nhà trường có văn bản gửi các đơn vị yêu cầu góp ý dự thảo để sau đó tổng hợp và hoàn thiện Quy định. Tháng 12/2016 và tháng 6/2017, Nhà trường có báo cáo đánh giá việc thực hiện khảo sát theo Quy định tạm thời, đưa ra một số tồn tại và định hướng hoàn thiện trong thời gian tới với việc thành lập Tổ công tác lấy ý kiến phản hồi, tiếp tục rà soát để hoàn thiện các bộ câu hỏi đã có và xây dựng các bộ câu hỏi mới phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển của Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.6

2.1. Điểm tồn tại TC 10.6

Nhà trường ban hành nhiều văn bản quy định, thông báo kế hoạch và hướng dẫn các đơn vị triển khai lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan theo học kỳ và từng năm học; tuy nhiên, từ năm 2018 đến nay, Nhà trường chưa tiến hành việc đánh giá và

báo cáo việc hoàn thiện/cải tiến cơ chế và các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Nhà trường vẫn sử dụng Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học ban hành vào tháng 11/2016, chưa có văn bản chính thức điều chỉnh quy định cho phù hợp với tình hình trong giai đoạn mới. Quá trình khảo sát ý kiến phản hồi tập trung nhiều vào đối tượng sinh viên đang học; việc thu thập ý kiến từ các đối tượng như giảng viên, nhân viên và các bên liên quan ngoài trường chưa được tiến hành thường xuyên. Nghiên cứu minh chứng cho thấy, Nhà trường và các đơn vị, Khoa/Viện chưa có các báo cáo cụ thể về việc cải tiến các hoạt động trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi hằng năm.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.6

Nhà trường cần tiến hành rà soát, đánh giá quy trình và các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm cải thiện cơ chế phản hồi có tính hệ thống hơn; cần ban hành văn bản quy định chính thức để thay Quy định tạm thời hướng đến việc hoàn thiện cơ chế thu thập thông tin phản hồi, dữ liệu thu thập có tính khoa học và bảo đảm độ tin cậy. Trong quá trình khảo sát, Nhà trường và Khoa/Viện cần mở rộng các nhóm đối tượng để có thông tin phản hồi đầy đủ và thực tế hơn đối với các hoạt động của Nhà trường và đơn vị. Viện Sư phạm Tự nhiên cần chủ động triển khai các hoạt động khảo sát đáp ứng yêu cầu phát triển và cải tiến chất lượng đào tạo của Viện; có báo cáo kết quả rà soát và kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Viện nên thường xuyên tổ chức các buổi họp/hội nghị trao đổi kinh nghiệm về việc khảo và có đề xuất với Nhà trường về việc cải tiến cơ chế phản hồi nhằm nâng cao tính hệ thống và hiệu quả cho hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với Nhà trường nói chung và Khoa/Viện nói riêng.

3. Mức đạt được của TC 10.6: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung tiêu chuẩn 10:

Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy năm 2016 và được điều chỉnh năm 2019. Nhà trường có các văn bản, quyết định giao nhiệm vụ, thông báo kế hoạch và hướng dẫn quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT; ban hành Đề án xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO thành lập Hội đồng liên ngành với trách nhiệm tư vấn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy. Nhà trường có các văn bản hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chuẩn đầu ra và khung CTĐT làm cơ sở cho việc cập nhật và điều chỉnh các CTĐT của Trường.

Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được Nhà trường và các Khoa/Viện triển khai thực hiện định kỳ và theo kế hoạch nghiên cứu bằng nhiều hình thức khác nhau. Viện Sư phạm Tự nhiên tổ chức nhiều buổi họp Hội đồng Khoa học Viện để thảo luận, có biên bản thống nhất nội dung bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Hóa học vào các năm 2015, 2016, 2017 và 2018 trên cơ sở tổng hợp ý kiến

phản hồi. Trong giai đoạn 2015-2019, giảng viên Viện Sư phạm Tự nhiên đã thực hiện 22 đề tài NCKH, trong đó có 07 đề tài nghiên cứu được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy và học tập; đã hướng dẫn sinh viên đăng ký và tham gia thực hiện đề tài NCKH theo lĩnh vực chuyên môn đang học, đạt nhiều giải thưởng.

Ngoài các đơn vị hỗ trợ đào tạo như thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, Trường Đại học Vinh còn thành lập một số đơn vị chuyên trách có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong học tập, NCKH, tìm việc làm và các hỗ trợ khác trong sinh hoạt văn hoá, tinh thần. Nhà trường ban hành nhiều văn bản về quy định, thông báo kế hoạch, phân công, hướng dẫn các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan. Hằng năm Nhà trường có báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan nhằm rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp cải tiến các hoạt động dịch vụ tư vấn và hỗ trợ sinh viên của Trường.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa tiến hành việc đánh giá và báo cáo việc hoàn thiện/cải tiến cơ chế và các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Quá trình khảo sát ý kiến phản hồi tập trung nhiều vào đối tượng sinh viên đang học; việc thu thập ý kiến từ các đối tượng như giảng viên, nhân viên và các bên liên quan ngoài trường chưa được tiến hành thường xuyên. Nhà trường chưa có văn bản về việc rà soát, đánh giá quy trình xây dựng, phát triển CTĐT ban hành năm 2016.

Viện Sư phạm Tự nhiên chưa chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch định kỳ trong việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu nguồn nhân lực từ các bên liên quan đối với ngành Sư phạm Hoá học; chưa có báo cáo tổng hợp thống kê nhu cầu nguồn nhân lực cụ thể đối với các ngành đào tạo của Viện; chưa có báo cáo phân tích về dữ liệu thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về ngành Sư phạm Hoá học. Các phiếu khảo sát về hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá chưa có nhiều nội dung tìm hiểu thông tin chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra.

Viện chưa chính thức triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Hoá học cũng như các ngành khác theo Quy trình xây dựng CTĐT ban hành năm 2019; chưa có kế hoạch cụ thể để triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường; chưa có đề tài khoa học liên kết với các đối tác trong và ngoài nước; chưa chủ động xây dựng hoặc đề xuất chính sách khuyến khích/hỗ trợ việc đăng ký và thực hiện các đề tài phục vụ việc dạy và học.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường được tiến hành khảo sát tập trung vào đối tượng sinh viên đang học; chưa có minh chứng cho thấy Nhà trường khảo sát ý kiến các nhóm đối tượng như giảng viên, nhân viên; chưa có minh chứng báo cáo về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Nhà trường cần tiến hành rà soát, đánh giá quy trình và các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm cải thiện cơ chế phản hồi có tính hệ thống hơn; cần mở rộng các nhóm đối tượng để có thông tin phản hồi đầy đủ và thực tế hơn đối với các hoạt động của Nhà trường. Nhà trường cần triển khai rà soát, đánh giá quy trình đã được sử dụng trong thời gian trước làm cơ sở cho việc cải tiến quy trình xây dựng, phát triển CTĐT giai đoạn tới. Viện Sư phạm Tự nhiên cần chủ động triển khai các hoạt động khảo sát đáp ứng yêu cầu phát triển và cải tiến chất lượng đào tạo của Viện; có báo cáo kết quả rà soát và kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; cần có báo cáo tổng hợp thống kê nhu cầu nguồn nhân lực cụ thể đối với các ngành đào tạo của Viện nói chung và ngành Sư phạm Hoá học nói riêng. Nhà trường và Viện Sư phạm Tự nhiên cần xây dựng các phiếu khảo sát có nhiều nội dung chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra. Viện Sư phạm Tự nhiên cần xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường; chủ động nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích/hỗ trợ việc đăng ký và thực hiện các đề tài phục vụ việc dạy và học; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để có những đề tài cấp nhà nước và đề tài liên kết với các trường/viện trong nước và nước ngoài. Nhà trường và Viện cần tổ chức các buổi họp/hội nghị báo cáo kết quả khảo sát và có kết luận đưa ra giải pháp và kế hoạch cụ thể để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác trên cơ sở ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng</i>		
1	Tiêu chí 10.1	4	
2	Tiêu chí 10.2	4	
3	Tiêu chí 10.3	4	
4	Tiêu chí 10.4	4	
5	Tiêu chí 10.5	4	
6	Tiêu chí 10.6	4	

11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

TC 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 11.1

Nhà trường có ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy (QĐ số 1291/QĐ-ĐHV, ngày 15/8/2016). Vì vậy cơ sở dữ liệu người học tham gia CTĐT được hệ thống theo dõi tiến độ học tập của SV qua CVHT, trợ lý quản lý SV, trợ lý đào tạo của Khoa/Viện do 1 lãnh đạo khoa trực tiếp chỉ đạo, trên cơ sở phối hợp với Phòng CTCT-HSSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm Đảm bảo chất lượng. Trong hệ thống đó tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được xác lập, danh sách thôi học, tốt nghiệp cũng được cập nhật hằng năm.

Trong chu kỳ đánh giá, tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành SPHH đạt mức khá cao, dao động từ 80,39% đến 94,83%. Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (4 năm) có xu hướng tăng qua các năm từ 87,1% (2011-2015) lên 94,9% (2015-2019), cá biệt khóa 2014-2018 lên đến 100%. Chỉ có 01 SV đã tốt nghiệp sớm 1 năm, hoàn thành chương trình đào tạo trong 3 năm. Một số ít tốt nghiệp muộn (hơn 4 năm), chiếm tỉ lệ trung bình trong giai đoạn đánh giá là 7,42%, dao động từ 0% đến cao nhất 13,56% tùy theo khóa học.

Tỉ lệ thôi học những năm vừa qua dao động trong mức từ 6,9% đến 19,61% và chịu tác động không nhỏ bởi tình hình việc làm sau ra trường cũng như thái độ và dư luận xã hội đối với ngành sư phạm. Tính chung trong giai đoạn từ 2015 đến 2019, tỉ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học của ngành là 12%.

Khoa/Viện đã tìm hiểu nguyên nhân chủ yếu SV bỏ học: i) Không phù hợp với nghề sư phạm, ii) Có cơ hội học ngành nghề khác phù hợp hơn, iii) Cơ hội làm giáo viên sau khi tốt nghiệp khó khăn, iv) Thôi học để đi làm,... Nhà trường, Khoa/Viện đã có nhiều giải pháp, hoạt động tư vấn hỗ trợ SV như phát triển năng lực sư phạm (hội thi nghiệp vụ sư phạm, hoạt động tình nguyện nâng cao nhận thức xã hội, hoạt động Đoàn, Hội làm phong phú đời sống tinh thần và không gian trải nghiệm, câu lạc bộ, xây dựng quỹ học bổng từ doanh nghiệp, giới thiệu việc làm, trao đổi tư vấn, thông tin,...). Đặc biệt, Nhà trường đã bổ sung môn học phần “Nhập môn ngành sư phạm” và trải nghiệm thực hiện đồ án nhập môn ngành sư phạm từ năm 2018, giúp SV định hướng, hiểu biết ngành nghề và yêu nghề sư phạm.

Khoa/Viện đã đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của SPHH với các ngành sư phạm khác trong trường cho thấy bình quân trong giai đoạn đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp ở mức cao nhất và tỉ lệ thôi học là thấp nhất. Giai đoạn 2015-2019, ngành SPHH có tỉ lệ tốt nghiệp/thôi học là 86,6%/12%, ngành SP Sinh học là 80,1%/13,8%, ngành SP Toán học là 81,3%/12,2%, ngành SP Vật lý là 80,6%/14,2%.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 11.1

2.1. Điểm tồn tại TC 11.1

Tỉ lệ thôi học của SV ở 3 năm đầu từ 6,9-19,6% là khá cao. Mặc dù Khoa/Viện đã phân tích và tìm giải pháp cải thiện nhưng hiệu quả mang lại chưa rõ ràng, biến động không theo quy luật.

Có SV bỏ học nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, do học lực còn yếu, không đủ năng lực theo chương trình,... là những lý do có thể cải thiện được, nhưng các hỗ trợ, tư vấn của Khoa/Viện chưa mang lại hiệu quả để giảm tỉ lệ SV thôi học.

Tỉ lệ SV tốt nghiệp quá hạn có xu hướng tăng, từ 10,5% khóa 2012-2016 đến 20,9% khóa 2014-2018 do chưa đạt chuẩn ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất.

Nhà trường, Khoa/Viện chưa dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp để đề xuất các biện pháp khả thi cải tiến chất lượng; hỗ trợ người học tốt nghiệp một cách hiệu quả, chưa tổ chức đối sánh với các CTĐT của các trường sư phạm trong nước và nước ngoài về tỉ lệ SV thôi học và tốt nghiệp

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 11.1

Nhà trường và Khoa/Viện cần xây dựng sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp; nhật ký tư vấn cho người học sau khi thôi học.

Nhà trường và Khoa/Viện cần nghiên cứu dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp để đề xuất các biện pháp khả thi nhằm cải tiến chất lượng, hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả hơn.

Nhà trường và Khoa/Viện cần tổ chức đối sánh về tỉ lệ SV thôi học và tốt nghiệp với các trường SP trong nước và nước ngoài. Sử dụng tốt kết quả thống kê tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học hằng năm để điều chỉnh chương trình và phương pháp dạy học, điều chỉnh hoạt động đào tạo của Khoa trong giai đoạn tiếp theo. Nên bổ sung Nhập môn ngành Hóa học để SV hiểu biết và yêu ngành hóa học, các môn về chính trị, xã hội nên dàn đều trong các năm học để SV có điều kiện tiếp cận nhanh các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.

3. Mức đạt được của TC 11.1: Đạt (Mức 4/7).

TC 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 11.2

Nhà trường và Khoa/Viện chỉ đào tạo ngành SPHH chính quy và đã xây dựng kế hoạch đào tạo một khóa chuẩn là 4 năm, tối đa không quá 6 năm. Trong đó có xác lập được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tham gia CTĐT, thông báo tới

SV bằng nhiều hình thức (sổ tay SV, tuần sinh hoạt công dân, CVHT,...) để SV chủ động hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp đúng tiến độ. Nhà trường có quy định rõ ràng về quá trình tích lũy học phần, tín chỉ và điều kiện tốt nghiệp.

Khoa/Viện phối hợp với CVHT nhắc nhở SV nắm thông tin, chủ động lên kế hoạch học tập cá nhân; tư vấn cho SV lựa chọn môn học tương đương thay thế cho các môn học còn nợ. Nhà trường và Khoa/Viện có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT có thể theo dõi về thời gian tốt nghiệp của SV; đã đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT SPHH với CTĐT SP Toán học, SP Vật lý của Nhà trường và cho thấy ngành SPHH có thời gian tốt nghiệp trung bình nhỏ nhất. Năm 2015, 2016 thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành SPHH là 4,06 và 4,11 năm thì năm 2018, 2019 đã giảm còn 4 và 4,03 năm. Giai đoạn đánh giá có 1 SV tốt nghiệp trước thời hạn 1 năm.

Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (4 năm) có xu hướng tăng qua các năm từ 87,1% (2011-2015) lên 94,9% (2015-2019), cá biệt khóa 2014-2018 lên đến 100%.

Khoa/Viện đã chú trọng tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn, giám sát tiến độ học tập, thường xuyên thống kê, theo dõi và tư vấn lựa chọn học phần hợp lý, đổi mới phương pháp học tập cho các trường hợp chậm tiến độ, học lực yếu. Đặc biệt đối với lưu học sinh Lào, SV dân tộc thiểu số Khoa/Viện đã phân công SV khá giỏi kèm cặp (tutor) hỗ trợ chuyên môn và tiếng Việt.

Trong các cuộc họp thường kỳ, Khoa/Viện đã có những báo cáo đánh giá tình hình học tập của SV, đề xuất các biện pháp hỗ trợ và tư vấn SV một cách hiệu quả. Nhờ đó đã rút ngắn được thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành SPHH trong những năm cuối còn đúng 4 năm và 4,03 năm.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 11.2

2.1. Điểm tồn tại TC 11.2

Nhà trường và Khoa/Viện chưa ban hành quy định về các điều kiện để có thể học vượt, chưa hướng dẫn học vượt; chưa có nhật ký tư vấn/hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường và Khoa/Viện chưa tổ chức đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình với CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 11.2

Nhà trường và Khoa/Viện SP Tự nhiên nên nghiên cứu đặt mục tiêu rút ngắn thời gian học của SV, nên có quy định các điều kiện để có thể học vượt, hướng dẫn, tổ chức học vượt, quy định CVHT đôn đốc, tư vấn để SV cải thiện kết quả học tập và nâng cao chất lượng.

Nhà trường và Khoa/Viện cần có giải pháp hiệu quả hơn để tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp trước hạn; có quy định nhiệm vụ rõ ràng cá nhân chịu trách nhiệm theo dõi, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình; quy định các điều kiện có thể học vượt hoặc hướng dẫn, tổ chức học vượt, quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình; có nhật ký tư vấn/hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường và Khoa/Viện cần tổ chức đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước để có các giải pháp cải tiến CTĐT và phương pháp đào tạo.

3. Mức đạt được của TC 11.2: Đạt (Mức 5/7).

TC 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 11.3

Nhà trường đã triển khai thực hiện điều tra khảo sát SV sau tốt nghiệp (QĐ 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016, QĐ 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 và QĐ 2396/QĐ-ĐHV, ngày 06/9/2019). Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp là đơn vị chủ trì làm đầu mối phối hợp với Khoa/Viện và các bộ phận chức năng thu thập thông tin, khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp 6 tháng và 1 năm theo quy định (QĐ 510/QĐ-ĐHV, ngày 17/5/2016 và QĐ 1106/QĐ-ĐHV, ngày 06/6/2018). Để nắm sát thực tế hơn Khoa/Viện đã giao cho trợ lý quản lý SV phối hợp cùng Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp thực hiện việc khảo sát SV sau tốt nghiệp.

Nhà trường đã sử dụng các hình thức: khảo sát qua mạng internet, qua thư tín, điện thoại, phỏng vấn trực tiếp. Thông tin phản hồi được nhập vào phần mềm quản lý của hệ thống.

CSDL về người học có thống kê, lưu trữ danh sách và có hệ thống theo dõi tình trạng việc làm của người học tốt nghiệp. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp năm 2015, 2016 và 2017 lần lượt là 84,37%, 78,18% và 73,7%. Đây là số liệu đáng tin cậy phản ánh nguồn cung lớn hơn cầu của ngành SPHH cả nước hiện nay nói chung và khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh nói riêng.

Đối sánh với các ngành sư phạm trong trường cho thấy ngành SPHH có tỉ lệ SV có việc làm đạt ở mức nhóm cao của Trường. SP Sinh học có tỉ lệ việc làm tương ứng là 82,3%, 72% và 70,8%; SP Vật lý lần lượt là 93,7%, 74,5% và 73%.

Nhà trường, Khoa/Viện đã có các giải pháp nâng cao khả năng có việc làm của SV như tổ chức các khoa huấn luyện kỹ năng mềm với các chuyên gia có uy tín, giao lưu, nói chuyện chuyên đề với các thầy cô giàu kinh nghiệm thực tiễn, các nhà quản

lý giáo dục, thông tin việc làm, tăng cường các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; tổ chức Ngày hội việc làm tại trường

Đoàn ĐGN đã khảo sát 3 khóa SV ngành SPHH (2013-2017, 2014-2018, 2015-2019) gồm 115 cựu SV, kết quả là tỉ lệ có việc làm/đúng ngành lần lượt là 88,89%/86,67%; 86,49%/85,71% và 83,33%/83,33%. Tỉ lệ SV tốt nghiệp làm việc trong khu vực nhà nước giảm (từ 100% khóa 2011-2015 xuống 49% khóa 2012-2016, đến 28% khóa 2013-2017) và trong các cơ sở tư nhân, có xu hướng tăng, từ 7,2% (khóa 2012-2016) lên đến 28% (khóa 2013-2017), tỉ lệ tự tạo việc làm những năm 2015, 2016 hầu như không có, tăng dần mỗi năm 3-5 SV.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 11.3

2.1. Điểm tồn tại TC 11.3

Nhà trường và Khoa/Viện chưa có đủ thông kê, lưu trữ đầy đủ danh sách người học tốt nghiệp về vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác (chỉ thống kê khu vực làm việc nhà nước, tư nhân, tự tạo việc làm); chưa dự đoán xu thế về việc làm (nhu cầu về số lượng, chất lượng lao động, mức thu nhập...).

Nhà trường và Khoa/Viện chưa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỉ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo và mức lương cao phù hợp cũng như thực hiện các phương án hỗ trợ hiệu quả người tốt nghiệp có việc làm, tự tạo việc làm tốt hơn (chỉ mới tổ chức Ngày hội việc làm).

Nhà trường và Khoa/Viện chưa thực hiện đối sánh về tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp và thu nhập với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước; chưa khảo sát, trao đổi với các đơn vị sử dụng lao động trong việc gắn kết, hợp tác giữa hai bên. Khoa/Viện chưa sử dụng hiệu quả các thông tin về tình hình và đối sánh việc làm của SV tốt nghiệp để cải tiến chất lượng.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 11.3

Để nâng cao chất lượng, tỉ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp CTĐT SPHH, Nhà trường và Khoa/Viện cần phân công thật rõ ràng các công việc liên quan đến việc làm của SV tốt nghiệp (bao gồm lập kế hoạch hành động nâng cao khả năng có việc làm của SV, theo dõi, khảo sát, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, việc làm và thu nhập của SV sau tốt nghiệp, kết nối với nhà sử dụng lao động trong phát triển, cải tiến các hoạt động dạy học hướng đến đạt CĐR, hỗ trợ SV tìm kiếm và tự tạo việc làm, xây dựng, cập nhật và quản lý CSDL về việc làm người học tốt nghiệp, ...), dự đoán xu thế về việc làm (nhu cầu về số lượng, chất lượng lao động, mức thu nhập...).

Nhà trường và Khoa/Viện cần nghiên cứu điều chỉnh CTĐT theo hướng bổ sung thêm Nhập môn ngành (chuyên ngành Hóa), tăng thêm học phần tự chọn phù hợp thị trường lao động ngành SP Hóa học, nâng cao thêm kỹ năng nghiên cứu, thực hành thí

nghiệm để nâng cao khả năng có việc làm, khả năng khởi nghiệp của người học; cần thống kê, lưu trữ danh sách người học tốt nghiệp về vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác và đưa thông tin này vào CSDL; cần thu thập, phân tích ý kiến tất cả các bên liên quan thường xuyên hơn; cần tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỉ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo và thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, tự tạo việc làm tốt hơn.

Phỏng vấn các nhà SDLĐ (lãnh đạo Sở GD&ĐT, Trường THPT,...) cho thấy Nhà trường và Khoa/Viện cần phát triển các năng lực và kỹ năng sau đây của người học để đáp ứng tốt hơn yêu cầu dạy học ở trường phổ thông: (1) các kỹ năng về bồi dưỡng học sinh giỏi; (2) kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng hướng dẫn học sinh NCKH; (3) năng lực cải tiến, sáng tạo phương pháp dạy học, năng lực ngoại ngữ để tham khảo các bài tập mới, phương pháp dạy học hay của các nước tiên tiến để vận dụng; năng lực GV chủ nhiệm (cần tăng chuyên đề GVCN, hiện tại ít nên SV gặp khó khăn nhiều khi làm GVCN); (4) kỹ năng giao tiếp với HS phổ thông, phối hợp với phụ huynh; (5) kỹ năng tổ chức ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề; (6) kỹ năng quản lý lớp và học sinh; (7) kỹ năng xử lý tình huống; và các kỹ năng mềm khác để làm được các việc khác ngoài giảng dạy.

3. Mức đạt được của TC 11.3: Đạt (Mức 4/7).

TC 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 11.4

Nhà trường có kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, trong đó có đề cập hoạt động NCKH của SV (QĐ 393/QĐ-ĐHV, ngày 09/5/2017 và 766/QĐ-ĐHV, ngày 31/8/2018); khuyến khích SV tham gia NCKH bằng nhiều phương thức như: thực hiện các đề tài NCKH SV theo kinh phí trường cấp, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, CLB khoa học, các giải thưởng KHCN trong và ngoài nước, ứng dụng tiến bộ KH&CN, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học; tổ chức hội nghị khoa học SV cấp trường, tổ chức hội thảo khoa học cấp khoa,... Hoạt động NCKH của SV được quản lý theo Chương 4 của Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường DDHV (QĐ số 480/QĐ-ĐHV, ngày 09/5/2016).

Trong giai đoạn 2015 – 2019, SV của Khoa đã thực hiện 21 đề tài NCKH các cấp dưới sự hướng dẫn của các GV của Khoa, với 50 SV tham gia chiếm tỉ lệ 20,2%. Các đề tài tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và khoa học giáo dục về ngành Hóa học. Trong đó có một số NCKH có chất lượng và đạt được 7 giải thưởng ở các Hội nghị Nghiên cứu khoa học SV (5 giải thưởng NCKH cấp trường, 2 Giải thưởng NCKH cấp Bộ, 16 bài báo khoa học). Tiêu biểu là các nghiên cứu của nhóm nghiên cứu về hợp chất thiên nhiên, hóa học vật liệu tiên tiến và phức chất, hóa

hữu cơ, hóa thực phẩm,... Từ hoạt động NCKH của SV, một số đã trưởng thành, tiếp tục nghiên cứu và sớm trở thành ThS, TS.

Đối sánh với các ngành SP Toán học, SP Vật lý thì số SV tham gia NCKH, số đề tài và số giải thưởng của ngành SPHH cũng nổi trội hơn (QĐ số 525/QĐ-ĐHV ngày 11/02/2015, 744/QĐ-ĐHV, ngày 11/4/2019).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 11.4

2.1. Điểm tồn tại TC 11.4

Nhà trường và Khoa/Viện chưa sử dụng hết 3% từ nguồn thu học phí cho SV NCKH nên tỉ lệ SV tham gia hoạt động NCKH chưa tương xứng với tiềm năng.

Nhà trường, Khoa/Viện chưa xây dựng dữ liệu về việc tổ chức các hội nghị tổng kết, đánh giá hoạt động NCKH của người học; chưa phát triển các liên kết với doanh nghiệp, các trường, viện nghiên cứu để tạo nhiều cơ hội cho SV NCKH, phục vụ xã hội; chưa thực hiện đối sánh loại hình, số lượng và kết các hoạt động nghiên cứu của người học CTĐT ngành SP Hóa học với các CTĐT tương tự trong các trường ĐH khác trong nước và trên thế giới.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 11.4

Nhà trường cần áp dụng nhiều giải pháp phù hợp để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả và tính ứng dụng của NCKH SV, tăng tỉ lệ SV tham gia thực hiện đề tài NCKH, số lượng bài đăng trên các tạp chí khoa học, tuyển tập hội nghị khoa học các cấp; cần có kế hoạch/chiến lược phát triển KHCN trong đó xác lập được các loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động NCKH cho người học tương thích với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và CĐR của CTĐT; nên thu thập và cung cấp thông tin về nhu cầu thực tiễn và xây dựng các hướng/đề tài/nhiệm vụ KHCN tạo ra các sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần thực hiện CĐR CTĐT để GV, SV nghiên cứu giải quyết, nâng cao hiệu quả, tính ứng dụng thực tiễn NCKH SV;

Nhà trường cần sử dụng đủ 3% từ nguồn thu học phí cho NCKH SV; cần chú trọng tăng cường liên kết, hợp tác với các bên liên quan, các trường đại học, các viện nghiên cứu để tạo nhiều cơ hội cho SV NCKH, phục vụ xã hội, cải tiến và nâng cao hiệu quả NCKH SV.

Nhà trường, Khoa/Viện cần đối sánh hàng năm các loại hình, số lượng và kết quả hoạt động NCKH của người học CTĐT ngành SP Hóa học với các CTĐT tương tự trong Nhà trường, với các trường ĐH khác trong nước và trên thế giới để cải tiến chất lượng và số lượng NCKH SV.

3. Mức đạt được của TC 11.4: Đạt (Mức 4/7).

TC 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 11.5

Nhà trường có Trung tâm Hỗ trợ SV và QH doanh nghiệp và Phòng CTCTHS-SV được giao nhiệm vụ lấy ý kiến phản hồi từ người học theo quy định về quy trình/phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016). Từ năm 2019, Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của trường ĐH Vinh, trong đó quy định rõ trách nhiệm khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan cho các bộ phận chức năng theo hệ thống ĐBCL bên trong (QĐ số 584/QĐ-ĐHV, ngày 26/3/2019).

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV được tổ chức định kỳ và bằng phiếu khảo sát online (qua trang web của trường), gửi qua thư tín và phỏng vấn trực tiếp. Kết quả được nhập vào phần mềm khảo sát và xử lý phân tích. Nội dung khảo sát bao gồm 4 nhóm: i) CTĐT, ii) Giảng viên, iii) Tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất, iv) Mức độ đáp ứng mong đợi của SV (BC số 43/BC-ĐHV, ngày 14/9/2017, 44/BC-ĐHV, ngày 29/8/2018, 51/BC-ĐHV, ngày 31/7/2019). Kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ đánh giá tốt các chỉ số CTĐT đạt từ 67,1% đến 73%; đánh giá tốt cho các chỉ số giảng viên đạt từ 71,2% đến 75,4%. Mức độ hài lòng so với mong đợi của SV về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đạt từ 63-70%.

Nhà trường có cơ chế và hình thức khác nhau để CB, GV được bày tỏ ý kiến về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất, về các mặt hoạt động khác của Nhà trường, Khoa/Viện thông qua hội nghị CBVC hàng năm, các sinh hoạt chi bộ đảng, công đoàn thường kỳ. Các ý kiến phản ánh hợp lý được Nhà trường, Khoa/Viện tiếp thu đưa vào kế hoạch để điều chỉnh kịp thời. Kết quả cải tiến được xác minh, đánh giá qua kỳ họp hoặc hội nghị.

Đánh giá của NTD chủ yếu thông qua những cuộc họp tổng kết mỗi kỳ thực tập sư phạm, hội thảo (Số 4972/KH-ĐHV, ngày 28/12/2015, Số 54/KH-ĐHV, ngày 23/12/2016, Số 52/KH-ĐHV, ngày 07/12/2017, Số 56/KH-ĐHV, ngày 07/12/2018).

Nhà trường mới ban hành Quy định hoạt động ĐBCL, trong đó có các quy định về quy trình, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan về CTĐT, kết quả đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức (QĐ số 584/QĐ-ĐHV, ngày 26/3/2019).

Qua phỏng vấn trực tiếp NTD cho thấy họ đánh giá SV tốt nghiệp SPHH có kiến thức vững, rất chịu khó, cần cù, trách nhiệm với công việc, đoàn kết, giúp đỡ nhau; so với SV tốt nghiệp từ trường ĐHSP Hà Nội thì năng lực tương đương.

Trên cơ sở kết quả khảo sát đó, Nhà trường đã tham khảo cải tiến CTĐT ngành SPHH, như đổi mới nội dung các học phần về lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa, tăng cường thực hành thí nghiệm dạy học, đầu tư nâng cấp PTN PPGD Hóa học, đầu tư hạ tầng CNTT, cải tạo không gian học tập,...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 11.5.

2.1. Điểm tồn tại TC 11.5

Phương pháp đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường, Khoa/Viện chỉ mới tập trung cho SV đang theo học. Chưa có khảo sát một cách cs hệ thống khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (cụm người học, GV, nhà SDLĐ, nhân viên, CBQL) về CTĐT, kết quả đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức. Nhà trường và Khoa/Viện chưa đối sánh việc lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên liên quan của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

Kết quả khảo sát SV cho thấy tỉ lệ chưa hài lòng về các chỉ số CTĐT vẫn còn đạt từ 27% đến 33%; các chỉ số giảng viên chưa hài lòng từ 24% đến 28%. Mức độ chưa hài lòng so với mong đợi của SV về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo từ 30-37%.

Nhà trường và Khoa chưa áp dụng nhiều giải pháp và đầu tư cải tiến chất lượng CTĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 11.5

Để không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo, đáp ứng mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường cần: i) tổ chức đánh giá mức độ hài lòng, nhu cầu, yêu cầu của tất cả các bên liên quan đối với CTĐT SPHH; ii) trên cơ sở ý kiến các bên liên quan, cải tiến CTĐT SPHH bao gồm CĐR, nội dung, phương pháp đào tạo, điều kiện ĐBCL gắn với đạt CĐR và nâng cao chất lượng đào tạo; iii) tăng cường liên kết, hợp tác với các cơ sở SDLĐ để nâng cao khả năng của NH có việc làm và tự tạo việc làm, chuyển giao tri thức đáp ứng tốt hơn nhu cầu, yêu cầu phát triển của vùng Bắc Trung bộ và đất nước; iv) đối sánh hằng năm về mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT và kết quả đào tạo, NCKH, chuyển giao tri thức, phục vụ cộng đồng của GV và SV ngành SPHH với các trường ĐH khác trong nước và trên thế giới để cải tiến chất lượng đào tạo; v) phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện các nhiệm vụ trên. vi) cần nghiên cứu điều chỉnh CTĐT theo hướng nâng cao thêm kỹ năng NC, TH TN để nâng cao khả năng NCKH, có việc làm, khả năng khởi nghiệp của người học.

3. Mức đạt được của TC 11.5: Đạt (Mức 4/7).

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 11

Nhà trường và Khoa/Viện đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của người học; mức độ hài lòng của một số bên liên quan như SV, cựu SV, nhà SDLĐ.

Nhà trường có hệ thống thông tin về người học, phần mềm quản lý, hệ thống tổ chức theo dõi KQHT, thôi học, tốt nghiệp, theo dõi tiến độ học tập của người học và cảnh báo học vụ; đã có một số giải pháp để cải tiến nâng cao chất lượng từng tiêu chí. Tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành cao, luôn nằm ở nhóm ngành cao nhất của trường.

Khoa/Viện đã tổ chức cho SV thực hiện các đề tài NCKH một cách bài bản, SV giành được các giải thưởng NCKH (Bộ, Trường), có các bài báo công bố thể hiện chất lượng các đề tài NCKH của SV. Tỷ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp tương đối ổn định, bình quân 80%.

Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa/Viện: i) chưa quy định rõ ràng về tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm chính làm đầu mối điều phối thống nhất và phối hợp trong theo dõi, thu thập và lưu trữ thông tin, xây dựng và quản lý CSDL tích hợp liên thông về người học, đánh giá, đối sánh tiến độ học tập, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, việc làm (tỷ lệ có việc làm, tạo việc làm, thu nhập, đào tạo lại sau tốt nghiệp), hoạt động và kết quả NCKH SV, mức độ hài lòng các bên liên quan; ii) chưa có CSDL tích hợp, liên thông về người học nói chung, cụ thể SV nói riêng, dễ dàng tra cứu, truy xuất các thông tin theo yêu cầu của người dùng, trong đó tình hình thôi học và nguyên nhân, tỷ lệ và thời gian tốt nghiệp trung bình, việc làm (tỷ lệ có việc làm, tạo việc làm, thu nhập, vị trí và đơn vị công tác, đào tạo lại sau tốt nghiệp); iii) chưa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỷ lệ SV NCKH, công bố bài báo, tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo cũng như thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, tạo việc làm tốt hơn. Các quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của từng bên liên quan về CTĐT, kết quả đào tạo (kiến thức, năng lực, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV tốt nghiệp, ...) chưa được cải tiến nhiều.

Nhà trường và Khoa/Viện cũng chưa tổ chức đối sánh hàng năm với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số: tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học; tỷ lệ và xu hướng SV có việc làm sau tốt nghiệp và thu nhập; số lượng và chất lượng các loại hình, kết quả hoạt động NCKH của SV, mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan về CTĐT và kết quả đào tạo và NCKH.

Nhà trường và Khoa/Viện cũng chưa tổ chức định kỳ thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp trước hạn, NCKH, công bố bài báo, có việc làm đúng ngành đào tạo và thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, tạo việc làm tốt hơn. Liên kết với các bên liên quan như cơ sở giáo dục phổ thông, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp.... để tạo nhiều cơ hội cho SV NCKH, phục vụ xã hội và cải tiến chất lượng nói chung chưa thường xuyên và hiệu quả.

Nhà trường, Khoa/Viện cần có các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp trước hạn, tỉ lệ SV tốt nghiệp có và tự tạo việc làm,... nâng cao hiệu quả và tính ứng dụng của NCKH SV, khuyến khích SV đăng kết quả trên báo KH, tăng mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan.

Nhà trường, Khoa/Viện cần đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung các tiêu chí của tiêu chuẩn 11; áp dụng các giải pháp khắc phục các tồn tại đặc biệt là nâng cao khả năng có việc làm và tạo việc làm của SV tốt nghiệp; phát huy truyền thống 60 năm truyền thống đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, áp dụng quản trị theo nguyên lý và theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ GV, cán bộ NCKH, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển CSVC, trang thiết bị để thực hiện tốt CDR của CTĐT.

Nhà trường, Khoa/Viện cần có các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp trước hạn, tỉ lệ SV tốt nghiệp có và tự tạo việc làm,... nâng cao hiệu quả và tính ứng dụng của NCKH SV, khuyến khích SV đăng kết quả trên báo KH, tăng mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan. Nhà trường, Khoa/Viện cần đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung các tiêu chí của tiêu chuẩn 11; áp dụng các giải pháp khắc phục các tồn tại đặc biệt là nâng cao khả năng có việc làm và tạo việc làm của SV tốt nghiệp nhiều hơn nữa; phát huy truyền thống gần 60 năm truyền thống đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, áp dụng quản trị theo nguyên lý và theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ GV, cán bộ NCKH, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển CSVC, trang thiết bị để thực hiện tốt CDR của CTĐT.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra</i>		
1	Tiêu chí 11.1	4	
2	Tiêu chí 11.2	5	
3	Tiêu chí 11.3	4	
4	Tiêu chí 11.4	4	
5	Tiêu chí 11.5	4	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI
(Theo Thông tư 04/2016)
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
<i>Tiêu chuẩn 1</i>			5,00	3	100%	4,00	3	100%
Tiêu chí 1.1	5	4						
Tiêu chí 1.2	5	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 2</i>			4,00	3	100%	4,00	3	100%
Tiêu chí 2.1	4	4						
Tiêu chí 2.2	4	4						
Tiêu chí 2.3	4	4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>			4,67	3	100%	3,67	2	66,67%
Tiêu chí 3.1	5	4						
Tiêu chí 3.2	5	4						
Tiêu chí 3.3	4	3						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>			4,67	3	100%	4,00	3	100%
Tiêu chí 4.1	5	4						
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	4	4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>			4,40	5	100%	4,20	5	100%
Tiêu chí 5.1	5	5						
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	4	4						
Tiêu chí 5.4	4	4						
Tiêu chí 5.5	4	4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>			4,57	7	100%	4,16	7	100%
Tiêu chí 6.1	5	4						
Tiêu chí 6.2	5	5						
Tiêu chí 6.3	4	4						
Tiêu chí 6.4	4	4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 6.5	5	5						
Tiêu chí 6.6	4	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
Tiêu chuẩn 7			4,00	5	100%	4,00	5	100%
Tiêu chí 7.1	4	4						
Tiêu chí 7.2	4	4						
Tiêu chí 7.3	4	4						
Tiêu chí 7.4	4	4						
Tiêu chí 7.5	4	4						
Tiêu chuẩn 8			4,20	5	100%	4,20	5	100%
Tiêu chí 8.1	4	4						
Tiêu chí 8.2	4	4						
Tiêu chí 8.3	5	5						
Tiêu chí 8.4	4	4						
Tiêu chí 8.5	4	4						
Tiêu chuẩn 9			4,60	5	100%	4,20	5	100%
Tiêu chí 9.1	5	5						
Tiêu chí 9.2	4	4						
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	4	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
Tiêu chuẩn 10			4,33	6	100%	4,17	6	100%
Tiêu chí 10.1	4	4						
Tiêu chí 10.2	4	4						
Tiêu chí 10.3	5	4						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	4	4						
Tiêu chí 10.6	4	4						
Tiêu chuẩn 11			4,20	5	100%	4,20	5	100%
Tiêu chí 11.1	4	4						
Tiêu chí 11.2	5	5						
Tiêu chí 11.3	4	4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 11.4	4	4						
Tiêu chí 11.5	4	4						
Đánh giá chung CTĐT			4,39	50	100%	4,07	49	89%

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục A. Giới thiệu tóm tắt về Trường ĐH Vinh, Viện Sư phạm Tự nhiên và CTĐT ngành SP Hóa học

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
 - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: TDV
 - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0238 3855 452 (số máy lẻ 238) Số fax: 038 3855 269
7. E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn; Website: www.vinhuni.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1961
11. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Nghị định số 375/NĐ ngày 16/7/1959 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh theo Quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Chuyển sang đào tạo đa ngành, Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo CB khoa học, kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ (KH-CN) của khu vực Bắc Trung bộ; đào tạo giáo viên và CB khoa học đa ngành, đa cấp; đẩy mạnh NCKH - CGCN gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và

đời sống; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng CB; xây dựng đội ngũ CB cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động là "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Đề phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và CBkĩ thuật với chất lượng cao, là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ".

Ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước".

Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chu kỳ 2 vào năm 2016, đánh giá ngoài vào năm 2017 và được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định Chất lượng của Bộ GD&ĐT ban hành. Trong thời gian qua, Trường cũng đã có nhiều hoạt động cải tiến chất lượng sau Tự đánh giá và sẽ đánh giá giữa kỳ năm 2019.

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên đơn vị thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Viện Sư phạm Tự nhiên/Ngành (khoa) Hóa học
- Tiếng Anh: School of Natural Science Education/Chemistry Department

13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: PPGD Hóa học
- Tiếng Anh: Chemistry Teaching Methodology

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Hóa học

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học

- Tiếng Anh: Teacher Education Program

16. Mã CTĐT: 7140212

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học

18. Địa chỉ của Khoa/Viện thực hiện CTĐT: Tầng 2 Nhà A0, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, Thành Phố Vinh

19. Số điện thoại liên hệ: 02383.855.452; Số fax: 02388.552.269

20. E-mail: sptn@vinhuni.edu.vn; Website: [www/http://viensptn.vinhuni.edu.vn](http://viensptn.vinhuni.edu.vn)

21. Năm thành lập Khoa Hóa học: 1961; Năm thành lập Viện Sư phạm Tự nhiên: 2017

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1962

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1965

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. *Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:*

Năm 1961, tổ Hóa học được thành lập vào tháng 8 năm 1961. Tháng 8 năm 1962, Khoa Lí-Hóa-Sinh được thành lập và đến năm 1963 được tách thành 2 khoa: khoa Vật lí và khoa Hóa - Sinh. Đến tháng 11 năm 1965, Khoa Hóa học được tách ra thành khoa độc lập cùng với 5 khoa khác trong trường Đại học Sư phạm Vinh (Ngữ Văn, Lịch sử, Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học). Từ tổ Hóa học vào năm 1961, đến tháng 3 năm 2017, khoa Hóa học có 6 bộ môn: Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Hóa lí-Đại cương, PPGD Hóa học và Hóa thực phẩm với 36 cán bộ trong đó có 34 giảng viên, bao gồm 01 GS (2,9 %), 8 PGS (23,5%); 16 TS (47%) và 8 cán bộ đang làm NCS, 2 TS đang làm postdoc ở nước ngoài. Khoa Hóa học đảm nhận đào tạo 4 ngành trình độ đại học: SPHH, Hóa học, Công nghệ thực phẩm và Công nghệ kĩ thuật Hóa học (chuyên ngành Hóa dược-mỹ phẩm); đào tạo thạc sĩ 4 chuyên ngành: Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Lí luận và PPDH bộ môn Hóa học; đào tạo tiến sĩ 2 chuyên ngành: Hóa hữu cơ, Lí luận và PPDH bộ môn Hóa học. Ngoài ra, khoa Hóa học còn là đơn vị có nhiều đóng góp trong hoạt động KH-CN và HTQT của nhà trường.

Kết quả hoạt động và thành tích của Khoa trong gần 60 năm được ghi nhận bằng các danh hiệu và phần thưởng cao quý:

- 04 Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể cán bộ khoa (2001), tập thể bộ môn Hóa vô cơ (2004) và 02 cá nhân;

- 2 Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An cho tập thể cán bộ Khoa;
- 05 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 02 tập thể cán bộ Khoa và 03 cá nhân;
- 05 cán bộ được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú.

Tháng 4 năm 2017, thực hiện đề án tái cấu trúc Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm, Viện Sư phạm Tự nhiên được thành lập theo Quyết định số 260/QĐ-ĐHV, ngày 4/4/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh trên cơ sở sáp nhập 16 bộ môn của 5 khoa: Khoa Sư phạm Toán (5 bộ môn), khoa Vật lý và công nghệ (2 bộ môn), khoa Hóa học (5 bộ môn), khoa Sinh học (4 bộ môn), khoa Công nghệ thông tin (1 bộ môn). Đến tháng 9/2019, Viện Sư phạm Tự nhiên có 90 cán bộ, trong đó có 86 giảng viên với 22 GS.TS, PGS.TS, 48 TS, 16 ThS (có 10 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước).

Viện Sư phạm Tự nhiên phụ trách đào tạo 5 ngành trình độ đại học: Sư phạm Toán, Sư phạm Vật lý, SPHH, Sư phạm Sinh học và Sư phạm Tin học; 15 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (Toán giải tích, Đại số và Lí thuyết số, Hình học và Tôpô, Lí thuyết xác suất và thống kê toán học; Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán, Quang học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý, *Hóa hữu cơ, Hóa vô cơ, Hóa phân tích, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học*, Sinh học thực nghiệm, Thực vật học, Động vật học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học) và 10 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Toán giải tích; Đại số và Lí thuyết số, Hình học và Tôpô, Lí thuyết xác suất và thống kê toán học; Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán, Quang học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý, *Hóa hữu cơ, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học*, Thực vật học). Trong gần 58 năm xây dựng và phát triển, khoa Hóa học trước đây và Viện Sư phạm Tự nhiên hiện nay đã đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 3000 giáo viên Hóa học, hơn 600 thạc sĩ Hóa học và 15 tiến sĩ Hóa học. Hiện nay, Viện Sư phạm tự nhiên đang đào tạo 707 SV, 346 học viên cao học và 68 NCS. Trong số đó, có 128 SV ngành SPHH, 56 học viên cao học của 4 chuyên ngành (Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Lí luận và PPDH Bộ môn Hóa học), 18 nghiên cứu sinh của 2 chuyên ngành (Hóa hữu cơ, Lí luận và PPDH bộ môn Hóa học).

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa/Viện cũng được chú ý phát triển. Khoa/Viện đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hơn 100 giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hơn 400 bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước (trong đó có gần 100 bài báo thuộc danh mục ISI). Các cán bộ của Khoa/Viện đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ và cấp trường.

Sau gần 58 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa/Viện không ngừng được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng lớn. Nhiều

cán bộ hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt của trường. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa/Viện ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao trên địa bàn.

Phụ lục B. Tóm tắt kết quả tự đánh giá CTĐT Sư phạm Hóa học

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5.00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1				4				4.00	3	100%
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			4.67	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			4.67	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			4.40	5	100%
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			4.57	7	100%

Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1				4				4.00	5	100%
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1				4				4.20	5	100%
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4.60	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				4				4.33	6	100%
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						

Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1				4				4.20	5	100%
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4.39	50	100%

Phụ lục C: Quyết định thành lập đoàn giá ngoài và Quyết định thành lập đoàn quan sát viên

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29 /QĐ-CEA.UD

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học, Trường Đại học Vinh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-BGDĐT ngày 06/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Nghiệp vụ và bà Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học, Trường Đại học Vinh gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học, Trường Đại học Vinh thực hiện theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Đoàn tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các phòng: Hành chính Tổng hợp, Nghiệp vụ, Tài vụ thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐ, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các cán bộ, viên chức có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu ĐHQĐ Vinh (để p/h);
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

PGS.TS. Nguyễn Quang Giao



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-CEA.UD ngày 26 tháng 02 năm 2020
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số thẻ KĐV/CCKĐV
1.	GS.TS. Trần Văn Nam	Trưởng đoàn	Nguyên Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Thẻ KĐV: 2015.01.117
2.	PGS.TS. Lê Văn Anh	Thư ký	Nguyên Phó Giám đốc Đại học Huế	Thẻ KĐV: 2014.02.057
3.	PGS.TS. Hoàng Hữu Hòa	Ủy viên TT	Nguyên Trưởng ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học Huế	Thẻ KĐV: 2014.02.072
4.	TS. Dương Mộng Hà	Ủy viên	Nguyên Viện trưởng, Viện Nghiên cứu & Đào tạo Việt Anh, ĐHQĐ	Thẻ KĐV: 2014.01.020
5.	ThS. Thẩm Thị Thu Mỹ	Ủy viên	Ban Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội	Thẻ KĐV: 2016.01.189
6.	ThS. Huỳnh Ngọc Thành	Giám sát	Trung tâm KĐCLGD-ĐHQĐ	CCKĐV: KĐV-0000161

Danh sách gồm có: 05 đánh giá viên và 01 giám sát

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 159/QĐ-CEA.UD

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh danh sách Đoàn Đánh giá ngoài chất lượng chương trình
đào tạo ngành Sư phạm Hóa học, Trường Đại học Vinh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC- ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập
Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-BGDĐT ngày 06/4/2015 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục -
Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm
định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp
chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-CEA.UD ngày 26/02/2020 của Giám đốc
Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng về việc thành lập
Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học,
Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Bà Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp và Ông Trưởng
phòng Nghiệp vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh danh sách Đoàn Đánh giá ngoài chất lượng giáo dục
chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học, Trường Đại học Vinh gồm các
thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn đánh giá
ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học, Trường Đại học
Vinh thực hiện theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ
kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung
cấp chuyên nghiệp. Đoàn tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.



Điều 3. Trưởng các phòng: Hành chính Tổng hợp, Nghiệp vụ, Tài vụ thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHĐN, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các cán bộ, viên chức có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



PGS.TS. Nguyễn Quang Giao





TRƯỜNG TÂM KHÊM ĐÌNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 153/QĐ-CEA.UD ngày 25 tháng 7 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số thẻ KĐV/CCKĐV
1.	GS.TS. Trần Văn Nam	Trưởng đoàn	Nguyên Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Thẻ KĐV: 2015.01.117
2.	PGS.TS. Lê Văn Anh	Thư ký	Nguyên Phó Giám đốc Đại học Huế	Thẻ KĐV: 2014.02.057
3.	TS. Dương Mộng Hà	Ủy viên TT	Nguyên Viện trưởng, Viện Nghiên cứu & Đào tạo Việt Anh, ĐHQĐHN	Thẻ KĐV: 2014.01.020
4.	TS. Trần Quang Hải	Ủy viên	Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐHN	Thẻ KĐV: 2016.01.161
5.	ThS. Nguyễn Thị Khánh Linh	Ủy viên	Phó Trưởng phòng, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trường ĐHQG Quy Nhơn	Thẻ KĐV: 2015.01.115
6.	ThS. Thẩm Thị Thu Mỹ	Ủy viên	Ban Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội	Thẻ KĐV: 2016.01.189
7.	ThS. Huỳnh Ngọc Thành	Giám sát	Trung tâm KĐCLGD-ĐHQĐHN	CCKĐV: KĐV-0000161

Danh sách gồm có: 06 đánh giá viên và 01 giám sát ✓

Phụ lục C2. Quyết định thành lập đoàn quan sát viên

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 163/QĐ-CEA.UD

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn quan sát viên đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC- ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-BGDĐT ngày 06/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đăng ký của các cá nhân và xác nhận của cơ sở giáo dục về việc đăng ký quan sát viên đợt khảo sát chính thức đánh giá ngoài chương trình đào tạo tại Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Bà Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp và Ông Trưởng phòng Nghiệp vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn quan sát viên đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quan sát viên có nhiệm vụ thực hiện theo hướng dẫn từ phía Trung tâm Đoàn Đánh giá ngoài và Nhà trường theo từng nội dung làm việc của lịch trình khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài.

Đoàn tự giải thể sau khi kết thúc đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài.

Điều 3. Trưởng các phòng: Hành chính Tổng hợp, Nghiệp vụ, Tài vụ thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐN, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các cán bộ, viên chức có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



PGS.TS. Nguyễn Quang Giao



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
QUAN SÁT VIÊN THAM GIA ĐÓT KHẢO SÁT CHÍNH THỨC PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 163/QĐ-CEA.UD ngày 13 tháng 7 năm 2020
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị	Trường
1	Trịnh Thế Anh	Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục	Trường ĐH Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
2	Trần Thị Hà Vân	Chuyên viên Ban Đảm bảo chất lượng giáo dục-ĐHĐN	Đại học Đà Nẵng
3	Đỗ Đoàn Trang	Trưởng Khoa Kinh tế	Trường ĐH Bình Dương
4	Phạm Duy Dưỡng	Phó trưởng Bộ môn Tự động hóa	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật, ĐHĐN
5	Trương Phúc Vinh	Trưởng Bộ môn Thủ Y, Khoa khoa học sinh học ứng dụng	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

Danh sách gồm có 05 người.

Phụ lục D. Lịch trình khảo sát chính thức của Đoàn ĐGN

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CLGD

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

LỊCH TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
NGÀY LÀM VIỆC THỨ NHẤT (Thứ Tư, ngày 14/10/2020)			
7:30-8:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
8:00-9:30	Khai mạc Đánh giá ngoài (Chương trình kèm theo)	Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN, Đoàn Đánh giá ngoài, Trường Đại học Vinh	Hội trường Trường Đại học Vinh
9:30-10:15	Đoàn ĐGN họp với Ban Giám hiệu Nhà trường, Ban lãnh đạo Viện SPTN và Khoa Giáo dục thực hiện CTĐT, Hội đồng tự đánh giá các CTĐT được đánh giá	Đoàn ĐGN, BGH, Ban LD 02 đơn vị, Hội đồng TĐG 02 CTĐT	Phòng họp tầng 2, Nhà Điều hành
10:15-11:30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
11:30-12:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
12.00-13.30	Nghỉ trưa		
13:30-15:00	Đoàn ĐGN nghiên cứu minh chứng và làm việc trực tiếp với các cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và Đầu tư, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL,	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8,

	Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH-TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí		Nhà Điều hành
15:00-16:00	Phỏng vấn Nhóm Lãnh đạo Nhà trường và Ban lãnh đạo Viện/Khoa (lần 1): Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng trường, Ban LD Viện/Khoa có CTĐT đánh giá	Cả đoàn	Phòng họp tầng 2, Nhà Điều hành
16:00-17:00	Phỏng vấn Nhóm CBQL chương trình đào tạo SP Hóa học	Nhóm 1 (Thầy Nam, Cô Mỹ, Thầy Hải)	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn Nhóm CBQL chương trình đào tạo GDTH	Nhóm 2 (Thầy Hà, Thầy Vũ, Cô Linh, Thầy Anh)	Phòng phỏng vấn số 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
17:00-18:00	- Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu)	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà điều hành
NGÀY LÀM VIỆC THỨ HAI (Thứ Năm, ngày 15/10/2020)			
7:30-8:30	Hội trường, sân bãi TDTT, Nhà đa năng, KTX, Căn-tin/nhà ăn, trạm y tế, Trường Thực hành SP	Nhóm 1 (Cô Linh, Thầy Hà)	Thực địa
	Trung tâm TTTV, Phòng thực hành, thí nghiệm, phòng máy tính, phòng tư liệu các Khoa (nếu có), văn phòng Khoa, phòng học	Nhóm 2 (Thầy Vũ, Cô Mỹ, Thầy Anh)	Thực địa
	Cơ sở 2 của Trường, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh Trường Đại học Vinh	Nhóm 3 (Thầy Nam, Thầy Hải)	Thực địa
8:30-9:30	Phỏng vấn Người học ngành SP Hóa học	Nhóm 1 (Cô Mỹ, Thầy Hà, Cô Linh, Thầy Anh)	Phòng phỏng vấn 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn Người học ngành GD Tiểu học	Nhóm 2 (Thầy Nam, Thầy Hải,	Phòng phỏng vấn số 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà

		Thầy Vũ)	Điều hành
9:30-10:30	Phỏng vấn Giảng viên giảng dạy ngành SP Hóa học	Nhóm 1 (Thầy Nam, Cô Mỹ, Thầy Hải)	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn Giảng viên giảng dạy ngành GD Tiểu học	Nhóm 2 (Thầy Anh, Thầy Hà, Thầy Vũ, Cô Linh)	Phòng phỏng vấn số 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
10:30-11:30	Phỏng vấn nhóm CB trực tiếp hỗ trợ cho CTĐT ngành SP Hóa học	Nhóm 1 (Thầy Hải, Cô Mỹ, Thầy Anh, Cô Linh)	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn nhóm CB trực tiếp hỗ trợ cho CTĐT ngành GD Tiểu học	Nhóm 2 (Thầy Nam, Thầy Hà, Thầy Vũ)	Phòng phỏng vấn số 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
11:30-12:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
12.00-13.30	Nghỉ trưa		
13:30-14:30	Phỏng vấn nhóm CB hỗ trợ cho CTĐT và CB Đoàn thể	Cả đoàn	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
14:30-15:30	Phỏng vấn nhóm Nhà tuyển dụng ngành SP Hóa học	Nhóm 1 (Thầy Nam, Cô Mỹ, Thầy Anh)	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn nhóm Nhà tuyển dụng ngành GD Tiểu học	Nhóm 2 (Thầy Hà, Thầy Hải, Cô Linh, Thầy Vũ)	Phòng phỏng vấn số 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
15:30-16:30	Phỏng vấn cựu Người học ngành SP Hóa học	Nhóm 1 (Thầy Nam, Thầy Hà, Cô Mỹ, Cô Linh)	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành

	Phỏng vấn cựu Người học ngành GD Tiểu học	Nhóm 2 (Thầy Anh, Thầy Hải, Thầy Vũ)	Phòng phỏng vấn 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
16:30-18:00	- Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu)	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
NGÀY LÀM VIỆC THỨ BA (Thứ Sáu, ngày 16/10/2020)			
7:30-8:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
8:00-9:30	Quan sát hoạt động dạy học	Nhóm 1	Phòng học
	Quan sát hoạt động dạy học	Nhóm 2	Phòng học
9:30-12:00	Đoàn ĐGN nghiên cứu minh chứng và làm việc trực tiếp với các cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và ĐT, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH- TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
12.00-13.30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30-15:00	Đoàn ĐGN nghiên cứu minh chứng và làm việc trực tiếp với các cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và ĐT, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH- TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn –Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
15:00-16:00	Phỏng vấn Nhóm Lãnh đạo Nhà trường và Ban LĐ Viện/Khoa (lần 2):	Cả đoàn	Phòng họp tầng 2, Nhà Điều

	Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng trường, Ban LĐ Viện/Khoa có CTĐT đánh giá		hành
16:00-17:00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ: - Các nhóm/cá nhân trình bày kết quả đánh giá - Trưởng đoàn và Thư ký tổng hợp chung kết quả đánh giá	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn –Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
17:00-18:00	- Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu)	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
NGÀY LÀM VIỆC THỨ TƯ (Thứ Bảy, ngày 17/10/2020)			
7:30-12:00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ: - Các nhóm/cá nhân trình bày kết quả đánh giá - Trưởng đoàn và Thư ký tổng hợp chung kết quả đánh giá - Trưởng đoàn thống nhất sơ bộ kết quả đánh giá trước toàn Đoàn, hoàn thành báo cáo khảo sát chính thức	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
12.00-13.30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30-14:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
14:00-17:00	Bế mạc đánh giá ngoài (Chương trình Bế mạc kèm theo)	Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN, Đoàn Đánh giá ngoài, Trường Đại học Vinh	Hội trường
	Ký biên bản hoàn thành khảo sát chính thức		

Phụ lục Đ. Văn bản phản hồi của Trường ĐH Quy Nhơn về Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài

Phụ lục E. Văn bản phản hồi của Đoàn Đánh giá ngoài